

# NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

## THƠ' LÀ GÌ ?

Mở câu vấn-đề: «Thơ là gì?» chắc nhiều người nghĩ ngay rằng thơ là những câu có vần có điệu, hợp lại thành từng bài hoặc vắn hoặc dài, mà nói những chuyện bóng-bẩy xa-xôi. Cứ hình-thức mà xét thời thơ là thế thật, nhưng ngoài cái hình-thức ấy hay là ở trong cái hình-thức ấy lại còn có một cái tinh-thần nữa, muốn giải cho rõ, thật không phải dễ. Cho nên có nhiều người làm thơ mà vị-tất đã hiểu cái tôn-chỉ của Thơ thế nào. Theo cái lý-trưởng của văn-học Tàu thời Thơ là một nghề phong-nhã, chủ diễn những tình-y cao-thượng ra lời đẹp, có âm-hưởng, có tiết-tấu, khiến cho người nghe được vui tai mà khoái trí. Lý-trưởng ấy không phải là không chánh-dáng; nhưng tuy hợp với phương-diện mỹ-thuật mà chưa gồm được hết phương-diện triết-lý. Vì Thơ nếu chỉ ở lời đẹp ý nhã, đủ cho người ta khoái trí vui tai, thời chẳng qua là một nghề tiêu-khiển, có quan-hệ gì đến những lẽ lớn ở đời, cái nghĩa cả làm người. Mà thật thế, phần nhiều các nhà làm thơ ở nước Tàu nước ta coi Thơ là một nghề chơi phong-nhã, bằng-đẳng với ba nghề khác nữa là: cầm, kỳ, họa. Thăng-hoặc cũng có người có tư-trưởng cao, lấy thơ đề mà tả cái khi-khái cao-thượng, giải lòng hoài-vọng xa-xôi của mình, hay là bày những nỗi bất-bình, tình oan-uổng, nhưng mà không kể các hạng thi-nhân ấy thường vẫn ít có, dầu có thường cũng không vượt ra ngoài cái nhân-thân mình mà quan-cảm đến những lẽ cao-xa về nhân-sinh, về vũ-trụ. Còn đại-đề là

những tay ngâm hoa vịnh nguyệt cả. Nói tóm lại thời các nhà làm thơ ở Đông-phương ta phần nhiều là những nhà mỹ-thuật mà ít khi là những tay triết-lý vậy. Ở Thái-Tây thời không thế: người Thái-Tây coi Thơ vừa là một khoa mỹ-thuật, vừa là một khoa triết-lý, có nhiều tinh-cách riêng khác với triết-học thường. Bởi vậy nên Thơ Âu-Mĩ tuy cũng trọng ở lời nhiều, mà lại trọng ở ý nhiều hơn: mỗi bài thơ không những là một nền mỹ-thuật, mà lại là một chương thuyết-lý nữa. Cái tinh-thần của thơ tây và thơ ta có khác nhau xa vậy.

Ký-giả nhân mới đọc bài diễn-thuyết của một ông thi-nhân có tiếng bên nước Pháp giải nghĩa Thơ là gì, xin lược-dịch đại-y ra sau đây, để gọi là giới-thiệu cho các nhà làm thơ ta biết cái tôn-chỉ của thơ tây thế nào.

Bài diễn-thuyết này là của ông PAUL GÉRALDY diễn ở nhà « Nữ-sĩ giảng-tập viện » (UNIVERSITÉ DES ANNALES) ở Paris ngày mồng 1 tháng 3 năm 1921.

Lời diễn-văn đại-lược như sau này.

« Tôi thấy trong chương-trình nhà Nữ-sĩ giảng-tập-viện biên đề-mục bài diễn-thuyết hôm nay rằng: « Nói về Thơ và giảng Thơ nên thế nào là hay là phải. » Đề-mục đã biên ra như vậy thời chắc là tự tôi bảo biên như thế. Tôi nghĩ đi nghĩ lại mà càng rõ rằng tôi chọn cái đề-mục ấy thật là vụng quá, vì coi ra có ý-tự-cao quá. Nhà làm thơ không có lẽ định

phép-tắc cho Thơ được, chẳng qua là chịu phép-tắc của Thơ mà thôi. Vì Thơ vốn có phép-tắc tự-nhiên, mình phải cố mà tìm cho được, mà theo cho đúng. Thơ ví như một vị thần, gồm hết cả những sự tốt đẹp ở đời, khiến người đáng yêu đáng mến: mình phải ra sức mà phụng-sự vị thần ấy cho thành-tín, chớ lại muốn tự-cao mà định phương-châm, đặt phép-tắc cho Thơ, thời thật là điên-cường ngông-ngáo quá !... Vậy tôi xin phép các phu-nhân <sup>(1)</sup> cùng tôn-ông cho tôi sửa lại cái đầu đề như sau này :

« — Thơ là gì ? Làm thế nào mà tìm mà biết được Thơ ?... »

« Tôi đã nói Thơ ví như một vị thần. Thần ấy thật có nhiều người tự-xưng là đệ-tử, ra công mà phụng-sự. Nhưng mà người hay thì ít, người dở thật nhiều... Làm thế nào mà phân-biệt được người dở với người hay ? Lấy cái cảm-giác tự-nhiên của ta có thể biệ-nhiệt được không ? Chắc cũng có khi phân-biệt được. Nhưng nhiều khi thời các nhà làm thơ mỗi người lập một môn-hộ riêng, mỗi người theo một tôn-phái riêng, dẫu cái cảm-giác của ta tình-nhuệ đến đâu cũng khó lòng cho khỏi lầm-lẫn được. Cứ thực ra, ngày nay đối với thi-học, chẳng là đương giữa buổi người ta không biết đâu là bờ-bến, không lấy gì làm chỉ-nam ru ? Bọn ta đương đi tìm Thơ mà chửa biết Thơ ẩn vào chốn nào vậy.

« Xưa kia, Thơ đã có hình-thức riêng : cái gì có vần có điệu là thơ, dễ nhận biết ngay. Cứ xem cái nghi-lễ bề ngoài thời biết được vị thần ở

đâu. Nhưng ngày nay Thơ nhiều khi có hình-thức bề ngoài mà không có tinh-thần ở trong. Cái hình-thức là cái người ta dễ bắt-chước hơn cả : vần với điệu, trắc với bằng, hễ có tập thời dễ nhập-diệu ngay. Cứ xem như những kẻ tài-học rất tâm-thường mà dụng công mô-phỏng, cũng lên mặt thi-ông thời đủ biết. Viết bằng lời thơ cũng là một nghề tiêu-xảo, ai tập mà chẳng được. Nhưng viết cho nên Thơ mới khó. Một anh học-trò trung-học, ra công gắng sức mà tập, cũng có thể viết được những câu thơ vần-điệu nhịp-nhàng êm-ái, đọc lên âm-hưởng linh-lung như thơ ông HUGO, ông VERLAINE vậy,.. duy có cái tinh-thần trong thơ các ông ấy thời không có mà thôi.

« Cũng như về đời Phục-hung, có vô-số những tay danh-họa xuất-hiện ra, rồi sau kể đến phái Bologne (*Ecole bolonaise*), những bọn như CARRACHE, GUIDE, kế-thừa được người trước cái ngọn bút vẽ khéo, nhưng vẽ có khéo mà trong nét vẽ không có tinh-thần gì cả, chỉ để lại được cho đời sau những bức tranh dẫu có đẹp mà hình như tro-tơ, không có sắc sinh-hoạt vậy.

« Vậy thời ta phải biết phân-biệt, đừng có lẫn cái hình câu thơ với cái chân-thi-vị. Nhiều bài thơ đọc lên rất êm tai, mà nghĩa-lý thật tầm-thường. Có lẽ câu thơ thường lại là cái vỏ rục-rở dễ che cho cái tư-tưởng tầm-thường, và càng trong thể thơ lại càng hay thấy những ý-kiến tạp-nhập. Nhiều người làm thơ không có hứng, hoặc chỉ cầu lấy cho đúng phép-tắc, không thất-niệm thất-luật mà thôi, hoặc lại vụ

(1) Nhà « Nữ-sĩ Giảng-tập-viện » (*Université des Annales*) là một hội học của bà YVONNE SARCEY sáng-lập ra và làm giám-đốc, để dạy học các bà các cô trong thượng-lưu-xã-hội ở thành Paris, và dạy toàn bằng lối giảng-thuyết, nhờ những bậc bác-học văn-sĩ có tiếng trong nước đăng-dân diễn về các khoa văn-chương, triết-lý, lịch-sử, sự-phạm. Hội học này có tiếng là một nơi học-tập cao-thượng, giao-thiệp phong-nhã ở chốn kinh-thành Đại-Pháp.

phá hẳn qui-củ, chẳng ra lối-lãng gì. Dù theo phép-lắc hay dù phá qui-củ, câu thơ như vậy chẳng qua là cái áo, cái áo ấy không thể làm cho nên thơ được, cũng tức như thầy Nhân-ngôn trong bài tuồng « Bệnh tướng » tuy mặc áo y-sĩ mà nghề thuốc vẫn dốt đặc.

« Lại trong một bài tuồng khác của ông MOLIÈRE có vai trưởng-giã nọ (Jourdain) bàn về văn-chương, nói rằng muốn phân-biệt thơ với văn có khó gì : cái gì không phải là văn thời là thơ, mà cái gì không phải là thơ thời là văn ! Lời ấy ngày nay vị-tất đã là đúng, vì gần đây những nhà làm thơ mà không ra hình-thức câu thơ cũng nhiều lắm. Nhưng túng-sử lời ấy vẫn còn đúng, ta cũng không nên vội tưởng rằng phạm cái gì không viết bằng thơ là không phải thơ đâu. Các vua chúa ngày nay đi chơi trong phố-phường cũng ăn-mặc như người thường : Thơ cũng vậy, Thơ mà mặc áo tản-văn không phải là không được, và có nhiều bài văn có thi-vị hơn là lắm bài thơ nhiều.... Như vậy thời làm thế nào mà nhận biết được Thơ ? Có khi mình tìm ở phương này mà Thơ lại ở chốn nọ, cũng có khi đứng gần Thơ mà không biết rằng Thơ : làm thế nào cho khỏi sai-lầm ? Như vậy thời Thơ là cái gì, vì không phải rằng cứ có hình-thể thơ mà là Thơ?... Ừ, Thơ là cái vật chi chi ? Có lẽ ngày nay đã đến lúc thử nên giải kỹ xem chữ Thơ là chỉ vật gì?... Bữa nay tôi xin cùng các ngài thử giải xem có được không.

« Các ngài chắc đã từng cảm-giác rằng người ta ở đời có hai cách sinh-hoạt, một là cách sinh-hoạt tâm-thường, phần nhiều người cũng cam chịu như vậy, nhưng ít người lấy thể làm bằng lòng ; hai là cách sinh-hoạt khác thường, có phong-thú, có thi-vị, đặc-biệt, li-kỳ, làm người ai cũng có lúc hoài-vọng sống một cách phi-thường như vậy.

« Sự sinh-hoạt tâm-thường là sự sinh-hoạt theo thói quen. Đưa con trẻ nó không có thói quen gì, tư-chất còn mềm-nộn như cái măng mới mọc, mỗi ngày một thay-đổi, vì mỗi ngày một lớn lên, chưa kịp tập-nhiễm thành thói quen ; cho nên cách sinh-hoạt của nó có cái vẻ li-kỳ ; cách sinh-hoạt của nó là cách sinh-hoạt rất nên thơ, là cách sinh-hoạt có thi-vị vô-cùng. Bởi thế nên tính-khi con trẻ thường vui-vẻ ; tuổi đồng-ấu chính là cái hình-ảnh sự vui-vẻ ở đời...

« Đến như những người thành-niên như bọn ta, thời sau khi đã thu-hoạch được những điều tri-thức cần-dùng để sinh-hoạt ở đời, thường-thường không còn có tấn-tối thêm được nữa, muốn cho tấn-tối, thời phải gắng sức lắm mới được. Theo cái luật « tối-thiền xuất-lực » (*la loi du moindre effort*), người ta không ai muốn chịu khó, đủ biết đủ dùng thời thôi, và hay có tính cứ theo việc cũ mà làm, cứ theo câu sáo mà nói. Bởi thế nên lâu ngày thành chán, sự chán-nản là cái bệnh của người đời. Đã không tự mình xuất-lực cho tinh-thần mới-mẻ ra, thời lâu dần thành như cái máy tự-dộng, hệ vận thời chạy, không có ý-thức gì nữa, và tư-tưởng cảm-giác mỗi ngày như mê-ngủ dần đi. Tư-tưởng cảm-giác đã không hoạt-động nữa, thời người ta sống cũng như chết vậy. Vì sống cũng không biết cái hứng-thú của sự sống nữa... Cho đến sự sung-sướng cũng vậy : người ta đâu được thập-phần sung-sướng, mà cứ sướng mãi, cứ sướng đều, không có thay-đổi chút nào, thời dần dần cũng không biết rằng sướng nữa, thấy như cái sung-sướng của mình không có thú-vị gì nữa.

« Tuy-nhiên những sự hành-vi trong đời người đã nhất-định, không thể cứ hằng ngày mà biến-hóa vô-cùng được. Đã nhất-định thời cứ y thế mà

làm, hà-tất phải thay-đổi cho phiên. Và lại công việc ở đời đã nhất-định thời tinh-thần người ta không phải bận-bịu vào đấy cho lắm mà được thư-thái hơn lên. Như vậy thời cái thói quen theo như các sách triết-học đã dạy, tức là kể nô-lệ cho người ta sai khiến, người ta đã được cái thói quen nó hầu-hạ, không phải bận-nhọc về những công-việc ở đời, tất các năng-lực trong tinh-thần được thông-dong thư-thái, vậy phải tìm cách khác để lợi-dụng, kéo bỏ không thời thành ra hao-mòn hư-nhụt đi mất. Nếu nhân-loại chỉ bằng ở cái thói-quen mà không biết thường-thường lợi-dụng các năng-lực cho được tinh-nhuệ hoạt-bát thêm lên, thời có một ngày kia cũng đến như loài ong nọ, đã mấy trăm nghìn năm nay cứ sinh-hoạt theo những phép-tắc nhất-định, không phải dùng đến trí khôn nữa, thành ra trí khôn tiêu-mòn đi mất, đã bao nhiêu lâu nay không còn có tấn-tới được một chút nào nữa. Người ta tuy là một giống có cái trí tinh-tiến, nhưng có lẽ có một ngày tấn-tới đã đến nơi cực-điểm thời lấy thể làm mãn-nguyên mà không muốn bước cao hơn lên nữa chẳng. Hiện nay thời chưa đến bậc ấy, sự tiến-hóa còn chưa tới cõi hoàn-toàn. Và lại người ta đâu có cái gốc tính lười-biếng chỉ muốn theo thói quen mà làm cho xong chuyện, nhưng cũng còn có một cái gốc tính khác nữa, khiến cho càng ngày càng cầu càng muốn cho hay cho tốt hơn lên. Nhà triết-học nước Đức NIETZSCHE đã nói rằng : « Người ta là một giống vật vốn có tính muốn càng ngày càng hơn mình. » Thật thế, người ta có biết hằng ngày hằng đổi mới, *nhật tân, nhật nhật tân*, hằng ngày hằng tấn-tới mãi lên, thời mới giữ được cái vui-vẻ như trong thửa đồng-ấu. Ngày xưa người thợ nung nung được cái vò, tự nghĩ trong bụng rằng : « Ngày nay ta làm thế này, ngày mai

chắc ta làm đẹp hơn. « Có bụng phấn-khởi như thế, cho nên vừa làm vừa hát, vui-vẻ vô-cùng. Người thợ nung ngày nay biết rằng cái vò ngày mai rồi cũng giống cái vò hôm nay, biết mình chẳng qua như một cái máy vô-hồn, người vắn thời chạy, nên làm không có vui-vẻ chi nữa, không những không có vui-vẻ nữa, mà lại thành ra bức mình, sinh lòng oán-phẫn. Là vì rằng người thợ, đâu làm việc chân tay, mà cũng biết ham cái thi-vị. — Thơ là gì ? Thơ chính là thế. Thơ là vượt qua ra ngoài thói quen, mà bước vào một cõi mới lạ, có hứng-thú hơn. Cái phạm-vi sinh-hoạt của người ta khác nào như một cánh đồng đã trồng-trọt cây-cây, ngoài cánh đồng cỏn-con ấy còn những rừng-ruộng mênh-mông bát-ngát, bao-bọc bốn bề. Cái «hồn thơ» (*instinct poétique*) tức là cái sức mạnh kia nó run-rủi người ta ra ngoài cái phạm-vi sinh-hoạt của mình, phạm-vi ấy dù to rộng đến đâu, chẳng qua cũng chỉ là một nơi giam-hãm cho cái chí bay-bồng của ta. Cái «hồn thơ» chính là sự yếu-cần cho ta phải ratay mà khai-thác cái khoảng không vô-tận ở quanh mình, để dần dần thu-thập sáp-nhập thêm vào bờ-cõi của ta, để lấy thêm tài-liệu cho sự tư-trưởng cảm-giác của ta. Hễ khai-thác được phần nào, sáp-nhập ngay phần ấy, khiến cho cái vòng tri-thức của người ta mỗi ngày một to rộng mãi ra, cái phạm-vi của đời người mỗi ngày một khoáng-trương thêm ra, và giống người ta mỗi ngày lại chinh-phục được thêm một cõi đất trong cái vũ-trụ mang-nhiên vô-cùng-tận nó bao-bọc ở quanh mình.

« Nhưng mà khám-phá cái cõi mang-nhiên ấy, tấn-tới ra ngoài phạm-vi mình, bỏ những lề-thói đã quen hằng ngày mà đi thám-hiềm những nơi hãy còn xa-lạ, ôi! khó biết bao! Cái thói quen nó đàn-áp mình, nặng như đá dè, có lúc gắng sức cũng nâng lên nổi, nhưng

hiều khi nâng lên rồi mà kiệt-lực lại phải để rơi xuống; nhân thế mà sinh ra chán-nản, mà đành chịu cam-tâm... Như khi sắp đi chơi đâu xa hay là lúc định-dính duyên với người tri-kỷ, tưởng nhân-sinh còn lúc nào lòng thơ lai-láng bằng những lúc ấy! Tàu vừa rời bến, mình đứng trên sàn, trông xa trước mắt, trời nước mênh-mang, nghĩ đến những phương xa cõi lạ, mình sắp tới đây, mà trong lòng khoan-khoái biết dường nào! Lại lúc đứng trước người yêu, trao lời gắn-bó, thệ hải minh san, định cùng nhau đề-huê giặt-diu mà kết-nghĩa trăm năm, tấm lòng hoan-hỉ, tắc dạ bồi-hồi biết bao nhiêu! Nhưng mà càng trông cảnh lạ mà kể du-khách kia nhiều khi cũng chán mắt: nhìn lắm hóa nhàm! Cảnh có đổi mà lòng vẫn thế, không thấy thêm du-khoái chút nào. Lại người tân-hôn nọ, trước khi thành vợ chồng thời tưởng cái cảnh vợ-chồng vui-thú biết bao; vậy mà đến lúc đã thành gia-thất thời có khi chán cái cảnh vợ-chồng! Là bởi người du-khách nọ, kể tân-hôn kia, đều không thoát khỏi cái căn-tính lười-biếng của loài người, hễ đã để mình vào trong một cảnh-ngộ thời dễ nhiễm những thói quen trong cảnh-ngộ ấy, thói quen đã tập-nhiễm thời hứng-thú tất tiêu-mòn. Thành ra đi chơi đi mãi cũng thành chán, vợ chồng ở đời thường cũng sinh chán.

« Bởi thế nên người ta sinh-hoạt muốn cho giữ được mãi cái phong-thú như trong thửa đồng-ấu, thời phải hằng đổi mới luôn. Nhưng không phải là đổi mới cái cách sinh-hoạt bề ngoài mà thôi: nếu như vậy thời cứ đổi nơi nhà ở, đổi cách ăn-mặc cũng đủ mới rồi, mà thực có nhiều người làm như thế thật. Song đổi mới ở bề ngoài như thế có ăn thua gì. Phải đổi mới chính mình mình, phải đổi mới cái tâm-hồn tinh-tinh mình mà thi-hành cái phép « tự-tân ». Người ta sở-dĩ khao-khát tìm Thơ mà không thấy Thơ, là vì chỉ biết tìm ở bề ngoài,

không biết tìm ở ngay mình. Phẫu-khởi tự-tân, người đời lấy thế làm khó-nhọc quá!... Đồi nhà, đồi bạn đồi vợ, đồi tình, chớ là còn dễ hơn, tiện hơn là tự đổi mình!... Bởi thế nên thiên-hạ thiếu chí là khách giang-hồ, người hội-bạc... Bôn-ba bốn bề, ăn ở ngược xuôi, cũng là một cách đổi mới chớ sao! Những người ấy cũng là đi tìm Thơ, cũng là theo đuổi Thơ; tưởng rằng trông thấy Thơ ngay trước mắt, nắm được Thơ vào trong tay, không ngờ rằng càng đuổi mà Thơ càng chạy, tưởng nắm được mà hóa ra không... Nên cả đời cứ bôn-tẩu hoài, đi hết xứ này đến xứ khác, thử hết người nọ đến người kia...

« Không biết rằng ngược xuôi bôn-tẩu như vậy có ăn thua gì, chính là phải định-tĩnh tinh-thần, kết-nưng trí-tuệ mới được. Ở người nào, ở vật nào là không có thơ. Nhưng cái hồn thơ ấy nó thâm-trầm u-ẩn, không phải bộc-lộ ra ngoài, phải có chí, phải chịu khó mới tìm ra được.

« Nhưng mà ở đời mấy người biết chịu khó biết có chí như vậy. Trong cổ-bản hi-kịch có vai Đông-Giông (Don Juan), một đời không biết bao nhiêu kẻ nhân-tình, trăng-gió với mọi người, hết người nọ đến người kia, người nào cũng chóng chán, mà rút cục không biết ái-tình là cái chi-chi. Chàng Đông-Giông đó vì biết định-tĩnh tinh-thần mà chung-đúc-bụng yêu vào một người nào thời có lẽ được biết và được hưởng cái thú ái-tình. Nhưng chàng không biết chịu khó mà tìm tòi, yên lòng mà yêu-dấu; chàng lại muốn nay đồng-liêu, mai tây-đào, đem bụng yêu mà tản-mạn bốn phương. kết-cục thành ra lằm mất một đời người mà chung-qui không được hưởng cái khoái-lạc rất phong-thú ở đời là hai chữ ái-tình vậy. Đến lúc biết rằng khờ, thời tuổi đã già rồi, còn chỉ là cái xuân xanh!...

« Tôi đã nói rằng Thơ là cái chí tiến-thành, nghĩa là tấn-tối cho được thành-

tự. Như vậy thời Đông - Giông chung-thân không được biết Thơ là gì, vì chung-thân không được thành-tự hai chữ ái-tình. Đông-Giông tức là một vai giả-ái-tình, cũng như ở đời có những người giả-đạo-đức, giả-văn-chương, đều là những kẻ « đuổi Thơ hụt », tìm Thơ mà không được gặp Thơ vậy. Vì nhiều người có mang cái hồn thơ ở trong mình mà không biết diễn-xuất thực-hành nó ra, chỉ chăm-chăm yêu-hãnh những sự ở đâu xa, muốn làm cuống, làm khác mình đi, tưởng thế mới là thơ. Nay như những kẻ có tính « làm bộ » (*les poseurs*), chính là những kẻ ham Thơ đó, vì rằng muốn làm ra bộ một người tốt - đẹp cao - thượng hơn là cái bản - thân mình, mà đương lúc làm bộ như thế tưởng - tượng như tự mình đã là cái người mới ấy rồi. Đó là một cách giả-đối, nhưng tư-trung cũng có cái chi tiến - thành, (*la volonté de devenir*) muốn cho mình hơn mình, dục không biết rằng cái hồn thơ mình đã sẵn có, chỉ phải chịu khó tìm mà phát-minh ra, mà lại phí-công tưởng-tượng ra những vẻ thơ phũ phỉ ở đâu đâu... Lại đến kẻ sàm-báng hay chỉ nghị người ta cũng là những kẻ có cái bụng ngầm ham Thơ. Nói thể chắc các ngài lấy làm lạ, nhưng nghĩ kỹ thật như thế. Tự mình ham muốn sự hay sự tốt mà không thể làm được, bèn quay ra trách-bị ở người, đối với người sinh lòng nghiêm - khắc, hình như không thể dung được kẻ khác không biết thực-hành cái lý-tưởng cao xa mà tự mình đã không làm được. Nên cố chỉ-trích để tìm các vết xấu của người ta, tựa-hồ như trông thấy cái xấu ấy, vạch được rõ ra, lúc là chứng rằng tự mình cũng biết cái tốt thể nào, dù không thể làm được nhưng cũng biết quan-niệm và thưởng giá-mi vậy...

« Cứ suy-chứng như thế, có thể nói rằng người ta ai cũng có cái bụng

ham thơ, người ta ai cũng có cái lòng khao-khát muốn sinh-hoạt một cách nên thơ, nói thể không phải là nói cưỡng và cũng không phải là quá đáng vậy.

« Hoặc-giả có người nói rằng : nếu người ta ai cũng có bụng ham thơ, thời xã-hội là gồm tất cả người ta, tất phải là cái hình-ảnh chân-chính của Thơ...

« Tôi xin chịu rằng chữa xã-hội nào được như thế, mà còn lâu lắm nữa cũng chưa được tới bậc đó. Nhưng mà đó không phải là cái hồn thơ không có : chỉ là cái cách suy-diễn ra vụng-về sai-lạc mà thôi. Người ta hay khuynh hướng vào cái Thơ giả mà không biết đến cái Thơ thật, vì cái giả vẫn rõ hơn và dễ hơn cái thật, như ở đời mà muốn cho thực nên tư-cách người anh-hùng hào-hiệp thời tưởng cũng khó lắm, chớ như đến ngày hội tung hoa (*le carnaval*) ăn bận áo võ-sĩ, vênh vào đi ngoài phố thời có khó gì !...

« Cho nên cái hồn thơ vẫn có mà diễn ra không nên, ấy cái thông-bệnh của phần nhiều người ta là thế. Diễn không nên, nên diễn sai cả. Kể thời mơ-màng những đất lạ phương xa, người thời tưởng-vọng những hồng-lai tiên-cảnh, nhưng kỳ-thực có phải là ham những tiên - cảnh bồng - lai, phương-xa đất lạ đó đâu, chẳng qua là mượn đó để thực-hành cái lòng hoài-vọng cao-xa của mình, mà thực-hành không nên đó mà thôi.

« Nhưng mà đối với những người ấy ta cũng chớ nên nghiêm-khắc quá. Cái bản-tâm người ta không phải là không hay, vì bản-tâm ấy tức là cái hồn thơ ấy, đó. Những người có cái hồn thơ ấy, muốn thực-hành mà không thực-hành nên, hoặc làm sai-lạc, còn đáng trọng hơn là những kẻ ù-li, chỉ biết an-phận, không có lòng hoài-vọng chi, người mà không có cảm-giác như loài mộc-thạch, thật đáng khinh-bĩ vô-cùng. Những kẻ anh-hùng hụt, đạo-đức

non, văn-chương cứng, tuy nhiều khi không khỏi làm trò cười cho người đời, song cũng tỏ ra là người có cái chí ham những sự cao-thượng, có cái hồn thơ lai-láng hơn người thường.

«Tuy vậy nhưng cũng nên cẩn-thận, đừng có bắt-chước những kẻ ngông-cường bất-tự-lượng kia, lòng ham muốn to quá mà tài-trí không đủ thực-hành. Người ta ai cũng có thể trở nên hay hơn mình được, nhưng mà phải kén chọn cho kỹ, kẻo mà sai lầm.

...

«Ấy chính cái vấn-đề Thơ là ở sự kén chọn đó. Mà vấn-đề ấy, ít người tự mình giải-quyết được. Cần phải có người khác giúp cho... Người khác ấy tức là các nhà thi-nhân vậy.. Cái nhiệm-vụ, cái thiên-chức của các nhà thi-nhân là phải khai đường mở lối cho người ta ra ngoài cái phạm-vi sinh-hoạt hằng ngày, bước tới cái cõi mang-nhiên vô-cực nó bao-học chung-quanh mình. Đã khai kinh-cức, đã phá thiên-hoang rồi, thời phải chỉ nẻo cho người đời theo, phải giục-giã cho bước tiến lên; nói tóm lại, phận-sự nhà làm thơ là phải chỉ vẽ cho ta cái mô-phạm tương-lai (*type d'avenir*) thế nào.

«Tay thi-hào tuyệt-đỉnh là người nào biết vẽ ra cái kiểu hoàn-toàn nhất, kiểu đẹp mà lại vừa sức người ta có thể thực-hành được, dù người tầm-thường không ngưỡng tới, mà kẻ có chí có thể làm nên được, chớ nếu lộng bút mà vẽ ra những kiểu hoang-đường quá thời cũng không bổ-ích gì...

«Thường-thường thời mỗi giống người có một cái hồn thơ riêng, gồm những tính-cách riêng của giống ấy. Nhà thi-hào của một dân-tộc nào phải diễn được cái hồn thơ riêng của dân-tộc ấy một cách rạch-rõ hùng-hồn.

«Nay Thơ mà muốn cho lưu-tồn được mãi-mãi, thời trong khi vẽ ra cái mô-phạm tương-lai phải vẽ thế nào cho vừa đẹp-đẽ mà lại đủ rõ-ràng

cho người đời có thể ngưỡng mà bắt chước được, cho cái dự-tưởng ở trong óc một người một ngày có thể thành sự-thực được.

«Xưa kia thời cái mô - phạm của Thơ giản-dị lắm, khác nào như một bức phác-họa có mấy nét mà gồm được hết hồn-tính một dân-tộc. Ngày nay thời sự sinh-hoạt càng ngày càng phiền-phức, nhà làm thơ không có tài nào mà vẽ ra một cái kiểu đủ làm mẫu cho hết thấy mọi người trong một dân-tộc, về một thời-đại. Vì cách sinh - hoạt phiền - phức thời tâm-lý người ta cũng phiền-phức, cho nên nhiều nhà làm thơ tuy có tư-cách bậc đại-thi-hào mà cũng chữa sáng-tạo ra được một cái mô-phạm hoàn-toàn, chẳng qua là mới ghi được một vài cái giáng-diệu, ít nhiều những nét riêng mà thôi. Có nhà làm thơ tự nghiên-cứu mình mà thấy mình như đã đi lên trước người đương-thời, càng nghiên-cứu mà lại càng thấy cái bước đường nó cách mình với người đồng-thời càng xa mãi ra, bấy giờ thời hình như có nhiều điều chân-lý u-âm người ta không biết mà tự mình đã biết. Cho nên có thể nói rằng Thơ ngày nay chẳng qua là một sự ghi-chép những điều phát-minh thuộc về tâm-tính. Đời xưa mới có những nhà làm thơ vẽ được toàn bức, ngày nay thời bức tranh to lớn quá, dù những tay cừ-kiệt chẳng qua cũng là phác-họa từng mảnh từng phần mà thôi. Song dù vẽ cả toàn-bức, dù phác-họa từng phần, Thơ bao giờ cũng là một cuộc thám-hiềm về tương-lai (*une exploration dans le domaine de l'avenir*) vậy.

«Vậy cứ theo ý-kiến riêng tôi thời tôi xin giảng nghĩa Thơ như thế này :

«Thơ là sự hình-dung tưởng-tượng ra một cái kiểu làm người về tương-lai này.

«Ngạn-ngữ có câu rằng : Người là bậc thiên - thần ở trên trời đời

xuống mà vẫn nhớ tiếc cõi trời.

«Cầu đó tôi tưởng không được đúng. Người ta chính là một bậc sắp thành-thần mà còn đương trông-trọng nơi thiên-quốc vậy.

«Nay thử xin giải cái thú thiên-quốc ấy thế nào mà khiến cho người ta mơ-màng tưởng-vọng, và hiện nay các nhà thi - nhân đương cấu-tạo là cấu-tạo ra cái mô-phạm người đời sau thế nào.

«Trước hẵng xin phân-biệt các nhà làm thơ ra hai hạng. Tôi đã nói rằng cái tôn-chỉ của Thơ là diễn-tả ra người ta về sau này thế nào. Vậy các nhà làm thơ có hai cách diễn-tả khác nhau : một cách u-âm, một cách rõ-ràng. Cách u-âm thời chỉ có cái cảm-giác mơ-màng về cõi thơ, hình như đoán mà biết, chớ không phải tiếp mà hay, nên đến khi diễn ra nó mung-lung phiêu-diêu, như mờ như tỏ, như gần như xa, như kinh-hoa thủy-nguyệt, như hạc-lệ phong-thanh. Cách này nó ghẹo, nó gợi, nó giục, nó xui cái tình-tử của người ta, mà không giải rõ, không nói tường, không in sâu, không vẽ đậm ; phẳng-phất như gió thoảng qua, vắng-vắng như tiếng đàn xa. Mà thiệt các nhà thi-nhân ấy chính là những tay âm-nhạc, dùng chữ như tiếng đàn, để truyền ra một cái âm-hưởng sâu-xa vào trong tâm-hồn người ta.

«Thường thường những bài thơ véo-von như thế, ta lại thích hơn các thơ khác, hình như càng đọc càng có ý-nghĩa, không bao giờ hết. Nhưng mà kỳ-thực thời nó không có cảm vào ta sâu vì nó không tiếp đến tri-tuệ ta. Mỗi lần đọc thời lấy làm hay lắm, mà đọc rồi quên ngay, đọc đi đọc lại bao nhiêu lần cũng vậy, cũng tức như nghe đàn, càng nghe càng hay mà nghe rồi quên hết.

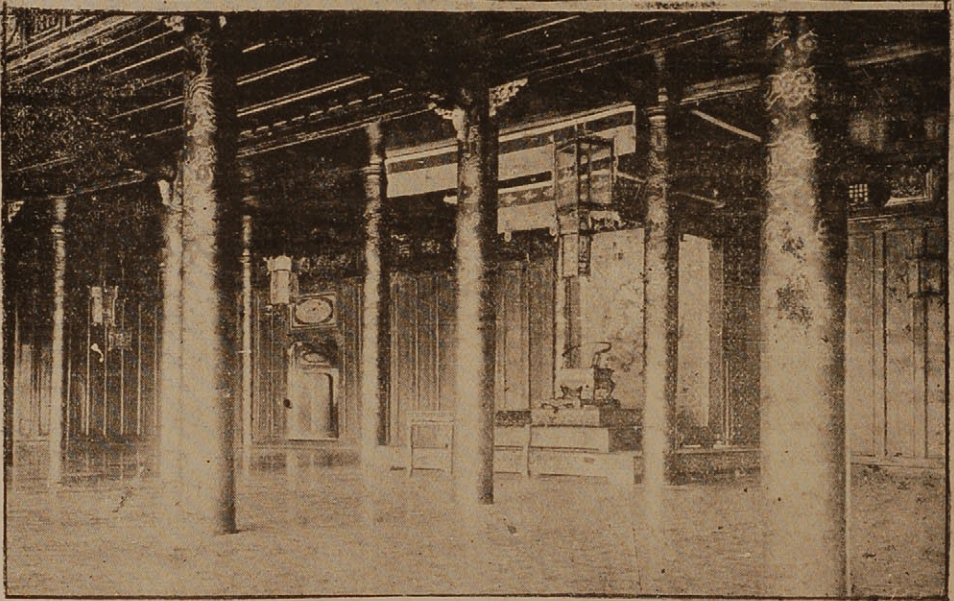
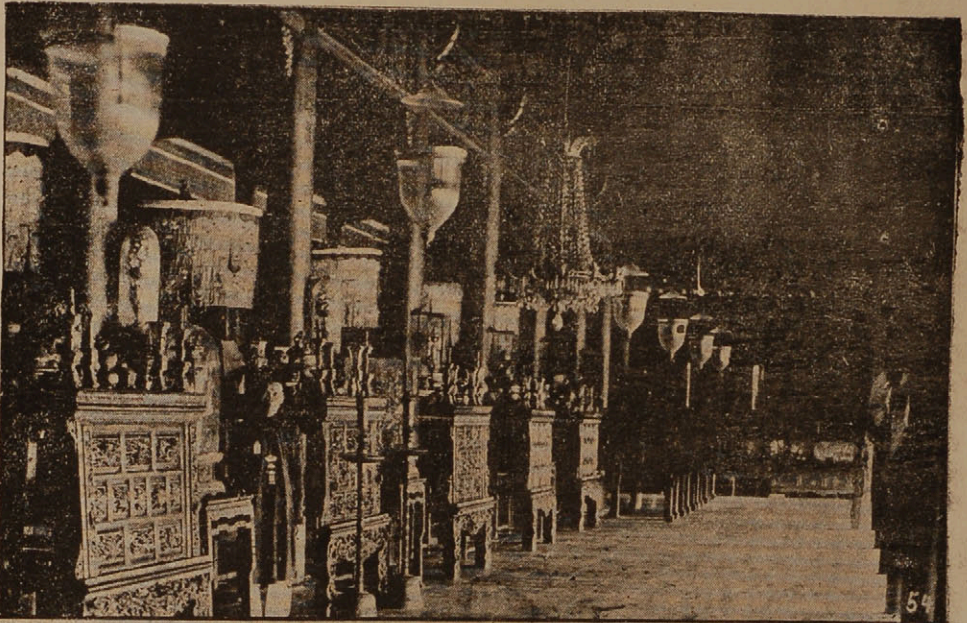
«Nhưng lại có nhiều nhà làm thơ khác thời không ưa cái lối mung-lung mờ-mịt ấy mà muốn cho Thơ được rõ-ràng sáng-sủa. Những nhà này trực-tiếp với tri-tuệ, cảm-giác cái hồn thơ một cách thẳng hơn và diễn ra một cách minh-liệu. Thơ này thuộc về triết-lý hơn là về âm-nhạc, câu thơ dẫu vẫn có tiết-tấu, đọc vẫn véo-von mà đó chẳng qua là cái dư-vận ở ngoài, chính tinh-thần thời ở nơi triết-lý, không phải ở chỗ âm-điệu. Vì thế nên nhiều câu thơ về lối này thành như những câu cách-ngôn về triết-học, lời-lẽ răn-giỏi mà ý-tử sâu-xa. Thường thường là ở về những thời-đại văn-chương toàn-thịnh mới có lối thơ này : Lối thơ này tức là lối thơ điền-nhã, dù làm cái cổ-diễn cho đời sau. Khi văn-chương còn non-nớt hay là lúc văn-vận đã suy-vĩ thời đều xa cái cổ-diễn, không sáng-sủa rõ-ràng mà mung-lung mờ tối, xa triết-lý mà gần âm-nhạc vậy.

«Nói tóm lại thời thơ là uyên-nguyên ở âm-nhạc u-âm mà cứu-cánh ở triết-lý sáng-sủa. Âm-nhạc là thơ còn mờ còn đục, triết-lý là thơ đã sáng đã trong. Lúc đầu là cái thanh-âm êm-ái nó rung-động bộ thần-kinh, đến sau là lời cách-ngôn thâm-trầm nó xúc-động đến trí nghĩ.

«Như thơ của nước Pháp ta vì trọng triết-lý quá, ưa sáng-sủa quá, nên người ta thường trách là cứng-cỏi lạnh-nhạt không có cái phong thú phẳng-phất êm-đềm. Nhiều bài thơ của các bậc thi-hào nước Pháp, ý-nghĩa rõ-ràng quá, hầu như không còn có một chút gì là cái khí-vị mơ-màng phiêu-diêu nữa. Và tâm-lý người Pháp vẫn có ý thiên về tri nhiều hơn về tình, ưa triết-lý hơn là thích thanh-âm. Về thế-kỷ thứ 19, tuy cũng có nhiều những nhà làm thơ hay vì âm-điệu, nhưng các ông ấy là chịu ảnh-hưởng của ngoài nhiều, nhất là ảnh-hưởng của các thi-nhân nước Anh. Thơ nước Anh vốn

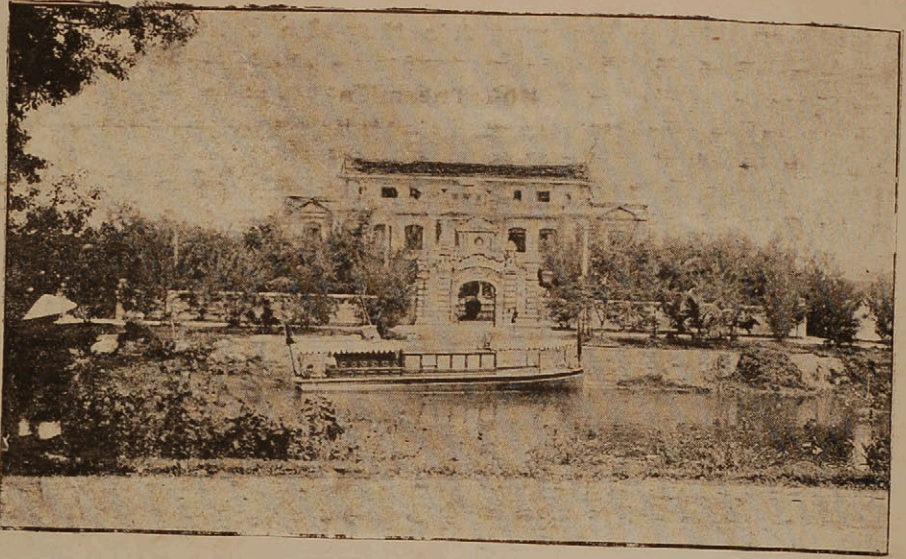
Ảnh các cung-diện lăng-tẩm ở Huế

Nhà Thờ-miếu



Điện Thái-hòa

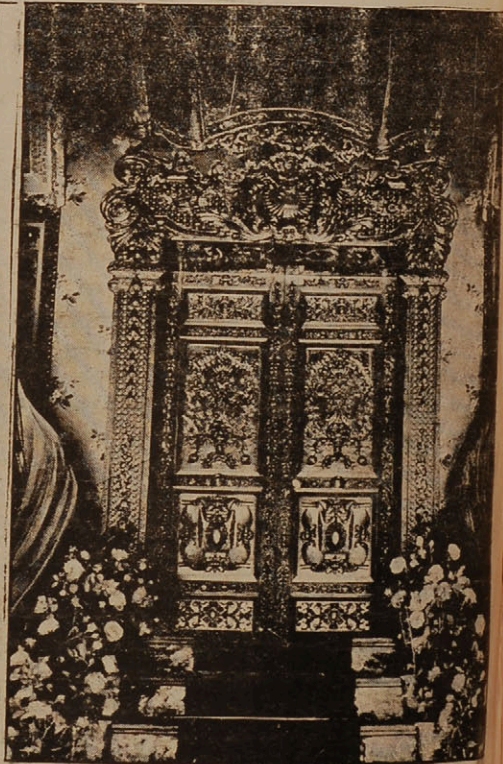
Cung An-dịnh



1. — Mặt chánh-diện trông ra sông An-cự



2. — Cửa chánh-môn



3. — Cửa trong cung

vấn trọng về thanh-âm, và thật là thuộc về lối thơ mung-lung u-âm như trên kia vừa giải. Vậy về thể-kỹ thứ 19, các nhà làm thơ nước Pháp có ý bất-chước các nhà làm thơ nước Anh, tưởng cũng là một sự hay, vì nhờ đó mà cái tinh-thần triết-lý điều-hòa với cái tinh-thần âm-nhạc, gây nên những khúc thi-ca tuyệt-đẹp. Song tôi thiết-tưởng rằng cái tinh-thần cổ hũu của nước Pháp bao giờ cũng vẫn lấy sự rõ-ràng sáng-sủa làm trọng : cứ xem như các văn-chương cổ-diễn về thể-kỹ thứ 17, ngày nay ta cũng vẫn còn hâm-mộ, vẫn lấy làm mô-phạm, thời đủ biết vậy.

« Và lại muốn chứng rõ rằng cái thơ sáng-sủa của nước ta không phải là không có giá-trị đặc-biệt hơn là lối thơ u-âm như trên kia, thời cứ nghiệm ngay rằng phạm thơ có nghĩa-lý rõ-ràng hay cảm-giác vào trí-tuệ người ta một cách sâu-xa hơn là những thơ mơ-màng phảng-phất, đọc có êm tai vui miệng, mà đọc xong rồi, trừ một chút dư-vận xa xa, không còn để lại trong tâm trí người ta một tí gì; thơ có nghĩa-lý rõ-ràng, thời đọc xong rồi, dù không còn nhớ được mãi cái hình-thể câu thơ, mà cái cảm-giác nó đã in sâu vào trong óc, đủ làm một cái động-cơ để kích-thích cho tinh-thần hành-động. Trong lối thơ mơ-màng thời cái kiêu của nhà thi-nhân vẽ ra, nó xa-xôi, nó mập-mò quá, như cái hình cái bóng thấp-thoảng trong khoảng không, người đọc khó lòng mà lĩnh-lược lấy được, như vậy thời cũng ít có cái hưng-khởi muốn mô-phỏng mà thi-hành ra sự thực. Khi nào âu-sầu buồn-bã thời thường dở ra đọc ra ngâm, vì cái âm-diệu nó mát như gió, êm như ru, đọc lên đủ khiến cho tinh-thần được sáng-khoái, nhưng chỉ thoảng qua một lúc mà không có dấu vết lâu-dài. Đến như đọc một bài thơ có ý-nghĩa rõ-ràng, thời cái cảm-giác

nó như giục-giã ta phấn-khởi lên để mà thực-hành cái kiêu-mẫu của nhà thi-nhân đã bày ra đó.

« Song ta phải nên biết rằng nhà thi-nhân chỉ có giá-trị là giúp được cho ta có cái lòng phấn - khởi thực-hành đó. Người nào giúp được ta vượt ra ngoài cái thói quen như trên đã nói, để ra sức mà tinh-liến, ấy là nhà thi-nhân có công với người đời hơn cả. Vì cái Thơ của các nhà thi-nhân rút lại phải truyền sang cho ta, phải thực-hành ra đời ta thời mới là thơ có giá-trị ; phải như cái động-cơ khiến được ta có lòng hưng-khởi muốn hằng ngày hằng đời mới tinh-thần cho linh-tạo mạnh-mẽ thì mới là thơ có hiệu-lực. Như khi ta đọc bài tưởng Lôi-xích (*Le Cid*) mà cái khí anh-hùng như chuyền-động cả não-cân, tưởng như cũng muốn hăm-hăm cầm thanh kiếm mà ra quyết-đấu với giặc Mô, ấy cái động-lực của Thơ có khi hùng mạnh như thế... Nhưng nếu nhà làm thơ chỉ cho ta một cái mỹ-tình khoái-ý trong một khi một lúc, thời thơ đó không có giá-trị gì... Nhà thi-nhân phải rằng trước hết nghiên-ngâm những cái căn-duyên thâm-trầm trong tâm-tính người ta (việc này ai chịu khó cũng có thể tự mình làm được), rồi sau qui- nạp thành một cái lý-tưởng cao-thâm mà diễn-xuất nó ra lời thơ đích-đáng để làm cái phương-châm hành-động cho người đời (việc này thời không phải ai cũng có tư-cách làm được và chính là chức-vụ riêng của người làm thơ)... Như một câu: « làm người phải thương-yêu lẫn nhau (*aimez-vous les uns les autres*) » đó là cái lý-tưởng của một bậc thánh-nhân đã quan-sát tâm-tính người ta mà qui-nạp thành một câu cách-ngôn thiên-cổ. Bậc thánh-nhân ấy tức là Đức Gia-tô, mà Đức Gia-tô đề-xướng ra cái lý-tưởng ấy tức là làm nên sự nghiệp một nhà thi-nhân tuyệt-luận

vì nhân đó mà đã mở cho loài người một cái trường-sở rất to rộng để mà ma-luyện cái nhân-cách cho được thanh-cao mãi lên... Chắc rằng ta không thể trách-bị những nhà thi-nhân ta ngưỡng tới được bậc đó. Nhưng phạm nhà làm thơ muốn cho xứng-dáng thiên-chức thời phải làm thế nào cho khoáng-trương được cái phạm-vi sinh-hoạt của người đời, làm thế nào cho người đời nhờ mình mà có cái quan-niệm sáng-suốt để đối với cái hồn thơ cổ-hữu, cái chí muốn tiến-thành.

« Nay ta đã biết tôn-chỉ Thơ là gì và tư-cách các nhà làm thơ thế nào, ta nên xét xem Thơ đời trước thế nào và sau sẽ thế nào.

« Tôi đã nói trên kia rằng tôi không dám tự-phụ đặt phép-tắc cho Thơ. Vậy chỉ xin lấy lịch-sử mà chứng rằng cái hồn thơ mỗi một thời-đại có thay đổi; như về thể-ký thứ 17 là thời-đại thơ-văn toàn-thịnh, sau này lấy làm đời cổ-diên cho văn-học nước Pháp, thơ cũng như văn lấy điều-hòa đứng-bực, sáng-sủa rõ-ràng làm trọng, và cái mô-phạm của thơ chỉ-hoạch ra là một kiểu người ôn-hòa chính-trực, nho-hĩa phong-lưu, ăn ở theo lẽ trung-bình mà không làm điều gì thái-quá.

« Kể đến thế-ký thứ 18 thời nhân-tâm biến-đổi, thời-thế suy-vi, người ta chỉ ưa sự hành-lạc phóng-túng, ăn sồi ở thì, có nghĩ gì đến cái mô-phạm làm người về tương-lai mà thiết đến Thơ. Cho nên đời ấy là đời cái hồn thơ suy kém hơn cả. Một xã-hội chỉ biết ăn sồi ở thì, không có lòng hoài-vọng cao-xa, thời xã-hội ấy không sao có Thơ được; dấu cớ thơ cũng là cái thơ hư-huyền phù-phiếm mà không phải là thơ chân-chính cao-thượng.

« Tiếp đến thế-ký 19 thời cái lãng-mạn-chủ-nghĩa thịnh-hành, lòng người đã chán những sự phù-phiếm đời trước, muốn ra sức mà chấn-loát cái

hồn thơ đã bị đè-nén trong bấy lâu. Nhưng mà lại làm thái-quá; đời trước phóng-túng về sự ăn chơi, đời này phóng-túng về đường tình-cảm. Các nhà làm thơ đều chỉ thờ một cái thần Ái-tình, coi cuộc đời như một trường xuân-mộng, tha-hồ mà đắm-thắm mơ-màng, say-sưa vui-thú, không ngờ rằng đến khi tỉnh-dậy, thấy mình già rồi, xuân-xanh đã qua, hứng-thú cũng một, bấy giờ mới sinh ra phiền-muộn chán-nản, mang cái lòng yếm-thế, không thiết gì đến sự đời nữa. Cái hồn thơ của thế-ký này diễn-xuất ra những hạng người vui thì vui quá đến say-sưa, buồn thì buồn quá đến thất-vọng, náo-nùng thiết-tha, u-âm sâu-thẳm, như các nhân-vật trong sách ông CHATEAUBRIAND, ông MUSSET vậy.

« Nay đến thế-ký ta đây thời cái hồn thơ xuất-hiện thế nào? Hiện nay chưa có thể dự-đoán mà biết được. Nhưng cũng có lẽ người đời theo đuổi Thơ ở ngoài mãi đã nhọc, sẽ tỉnh-ngộ mà quay về tìm Thơ ở trong tâm-hồn mình, và cũng có lẽ tìm đấy thời thấy chẳng? Cũng có lẽ Thơ ở ngay mình mà không phải ở đâu xa, cũng có lẽ Thơ ở trong chốn gia-đình, mà không phải ở đâu những nơi giang-hồ bốn bề. Người biết ra thời cảnh gì là cảnh chẳng nên thơ, mà cảnh gì là cảnh không có thơ. Đã có thân làm người ở đời, thời cũng phải sống ở đời một cách nên thơ. Thơ mà làm cho người ta sinh-hoạt được du-khoải, chấn-loát được tinh-thần, phát-đạt nhân-cách được hoàn-toàn, mở-mang cuộc đời được rộng-rãi, Thơ ấy mới là Thơ chân-dáng, còn ngoại-giả là những lời phù-phiếm hư-ngụy cả. Nếu thực-hành được Thơ ấy, thời nơi Thiên-quốc chính là ở chốn nhân-gian này vậy. Nhưng mà đời này có thực-hành được cái Thơ ấy không? Thế nào tương-lai này sẽ biết... »

HỒNG-NHÂN dịch-thuật.

## CÁCH ĂN-MẶC CỦA NGƯỜI NAM TA

Sự ăn-mặc là một sự thường-dùng hàng ngày. Đối với tinh-thần mà nói, thời sự ăn-mặc chỉ là cái hình-thức mà thôi ; có tinh-thần tự-nhiên có hình-thức, bất-tất phải chuyên-trọng bề ngoài ; nhưng ở một xã-hội như xã-hội ta ngày nay, đang buổi giao-thời, trình-độ bán-khai, cái tinh-thần đã đành là phải trọng, mà cái hình-thức cũng không được mà nên khinh. Bảo rằng: « có hình-thức mới có tinh-thần, » đó là câu phản-ngôn nghịch-luận ; nhưng có khi cái hình-thức có một tiềm-lực rất hoạt-động, bó-buộc người ta phải nhân hình-thức mà tập-luyện lấy tinh-thần cho xứng-đáng. Vậy vấn-đề này không phải là một vấn-đề hư-phiếm mà bỏ qua đi được. Nay tôi chỉ xin bằng r cái điều tôi biết, tôi nghĩ, tôi trông thấy, tôi nghiệm qua, rồi tham với chúng-ý mà bàn ra đây, họa may có bổ-ích đời chút cho quốc-dân chăng.

Cái khí-cụ của sự ăn mặc là gì ? Là gồm cả các đồ-vật mà ta mang vào mình ta, để che thân-thê ta. Dùng hai chữ « quần áo », tưởng cũng đủ quán được cái nghĩa « ăn-mặc », vì quần áo là chủ sự ăn-mặc, còn các đồ-vật khác chỉ là phụ-thuộc mà thôi. Ai cũng biết rằng loài người ta biết dùng quần áo là bởi cái lý-do người khôn hơn vật, người là ông chủ muôn loài động-vật, đã nhận cái chức là chủ-ông trong vũ-trụ, tất-nhiên phải có một cái biệt-sắc khác với loài kia. Vì vậy mà cái lý-do cơ sao ta phải ăn-mặc là bởi có hai mục-đích :

1<sup>o</sup> Loài người lúc mới sinh ra, trần-trồng như rỗng, không như các loài khác đã có lông, có vẩy, có da giầy để che thân ; và bốn mùa thay đổi, hết xuân sang hạ, hết thu sang đông, khi

nóng khi lạnh, khi-hậu bất-thường. Đã là người thời phải hoạt-động, muốn hoạt-động tất phải cầu cách sinh-trưởng cho êm-đềm, đó là cái mục-đích phải ăn mặc để « ngự-thân ».

2<sup>o</sup> Làm người là một loài vật không trọn- vẹn, cứ cầu cho hơn mãi lên, không có giới-hạn nhất-định, cho nên khi đã biết cách ăn-mặc rồi thời lại mỗi ngày thay đổi làm sao cho có văn có vẻ, để tô-điểm cái đời người thêm giá-trị, đó là cái mục-đích phải ăn-mặc vì « mỹ-thuật ». — Vì hai lẽ đó mà cách ăn-mặc mỗi nơi một khác, dùng quần áo mỗi người một vẻ, tùy theo khí-hậu, thổ-nghi, trí khôn của loài người và vị-tri trong xã-hội, cùng cảnh-ngộ giàu nghèo mà đôi khác nhau : người ở xứ nóng thời phải bận đồ mỏng-mảnh, người ở xứ lạnh thời phải bận đồ dày-dạn ; người giàu sang có thể bận đồ hoa-mĩ, kẻ nghèo hèn tất phải bận đồ thô-lổ. Lẽ đó tự-nhiên phải thế, không phải khảo-cứu, cũng không phải nhờ các nhà học phong-tục mới biết rõ được, vì khí-hậu sử-nhiên, cảnh-tình khiến vậy, bất-tất dùng đến pháp-luật cưỡng-bách mà người ta ai cũng biết tùy-nghi như thế cả.

Về thời - đại thượng - cổ, phong-khí chưa khai, trí - khôn còn độn, người ta chỉ biết ăn lông ở lỗ, trùm lá khoác da, trái biết bao nhiêu thế-kỹ, cho đến ngày nay là ngày mà cách sinh - hoạt khác hẳn xưa kia, con đường mỹ-thuật càng ngày càng rực-rỡ trang-hoàng ; ngày nay là ngày rất qui thi-giờ, rất trọng sự tiện-lợi, không những các dân-tộc trong lục-địa bị ảnh-hưởng lẫn nhau, mà cách ăn-mặc càng ngày càng đổi mới, mỗi mùa mỗi lối, mỗi lối mỗi vẻ riêng ; cho đến những dân - tộc ở tiền -

đảo giữa đại-dương cũng dần-dần chế-tạo cách ăn-mặc cho hợp thời-nghĩ, cho đúng với trình-độ tri-khôn loài người. Xem ra ngày nay các nước đều bắt-chước nhau ăn-mặc. Một nhà đi du-lich hoàn-cầu năm 1907 có nói ở trong mục «Quan-sát về cách ăn mặc» rằng : «Thoạt-tiên mới bước vào kinh-thành một đại-quốc nào chẳng hạn, thấy người bản-xứ phần nhiều đều ăn-mặc theo cách Âu-tây cả ; chỉ còn ở các nơi tỉnh-ly và các miền thôn-dã là còn giữ lối riêng của bản-xứ mà thôi.» Lại nói rằng : «Bây giờ muốn biết người kia là thuộc về giống nào, thời ta chỉ được xét động nói, cách cư-xử và nhất là màu da đen hay trắng, vàng hay sạm, mới rõ người là người Âu hay Á, người Mỹ hay Phi, vì họ ăn-mặc tương-tự nhau lắm.» Mà quả ngay ở nước ta, có phải là ta trông thấy người ngoại-quốc đến đây họ ăn-mặc giống nhau lắm không ? Nhưng cũng vì cái phong-hóa đại-dồng ấy còn chưa màu-nhiệm lắm, nên cách ăn-mặc của một dân-tộc nào đi thủ-pháp của dân-tộc khác, thời thường phò-bày ra nhiều lối «đầu Ngô mình Sở»; ấy chính là quang-cảnh ngày nay vậy.

Nay xin nói đến cách ăn-mặc của người Nam ta có hai lối :

1) Lối thứ nhất là lối cũ (theo lối Tàu)

2) Lối thứ hai là lối mới (theo lối Tây)

Lối thứ nhất. — Nước Nam ta dựng nước đã lâu, khai-hóa rất sớm, dân-cư theo giải Nhị-hà, khí-hậu thuộc về ôn-đới, không kể chi ngày xưa, tiền-nhân ta cũng như các loài người ta sinh trên trái đất, mới chỉ biết tết lá với lấy da loài thú làm đồ vật che thân. Vì một nơi-giống nào mới sinh ra, còn bỡ-ngỡ, còn ngu-độn, chỉ có cái gì cần đến tính-mệnh thời bắt-đắc-đĩ phải tìm cách để dưỡng-sinh trì-sinh, như đời thời chỉ biết ăn sống nuốt tươi, nào đã biết đầu gieo thóc thành lúa mà xay, mà dẽ, mà nấu thành

cơm ; như rét thời chỉ biết trùm lông khoác lá, nào đã biết đầu nuôi tằm kéo tơ, mà xe, mà dệt, mà làm thành vải. Ấy đó rồi dần-dà tri-khôn mở rộng, cách sinh-hoạt nghe đã rồi-rào, thời trước còn mong lợi-dụng, sau đến cầu hoa-mỹ, trước mới chỉ biết lấy từng súc vải mà quấn vào mình, sau đã biết cắt thành hai tay áo, hai ống quần, có khuy, có khuyết, có vạt trước vạt sau. — Xét trong lịch-sử nước ta, mục ăn-mặc không từng chép đến; nhưng có nhiều lẽ khiên ta ngày nay biết rõ được: Phàm chung hai xứ gần nhau, hai dân-tộc phải có tình liên-can với nhau ; trong tình liên-can ấy, hoặc nước lớn chiếm nước nhỏ, nước yếu phục-tòng nước mạnh, hay hai nước thế-lực ngang nhau, thời hòa-hiểu với nhau, nước nào có điều hay thì nước kia bắt-chước, hay là nước nọ bắt nước kia phải bắt-chước để đồng-hóa, mà nước Nam ta là một nước nhỏ nước yếu lân-cận với nước Tàu, cũng như nước Chiêu-tiên đồng-chúng với nước Tàu, thời chế-độ diên-chương thế-tất phải theo với nước Tàu. Khi nội-thuộc, Tàu bắt ta phải theo cùng một tôn-giáo, một chính-trị, một lễ-nghi cũng như cách bảo-hộ của La-mã ngày xưa vậy. — Khi Tàu loạn, người Tàu sang tị-nạn lẫn-lút ở xứ ta, lâu ngày nhập-tịch với dân ta. Ta với Tàu liên-can với nhau là thế, cho nên bảo rằng ta ăn-mặc theo lối Tàu, không phải là quá-đàng vậy. Ta đã công-nhận là ta ăn-mặc bắt-chước Tàu, thời sau này hoặc có đổi khác đi đôi chút, nhưng cái tinh - thần cổ - điển vẫn có vẻ tổ-thuật ở Tàu mà ra. Vậy có thí - nghiệm nào quyết - thực không ? Có hai điều thí-nghiệm sắc-đàng, kể ra sau này :

Một là xét y-phục nơi triều-đình ;

Hai là xét y-phục của thổ-nhân.

Trên tôi đã nói chế-độ, lễ-nghi đều theo Tàu, cho nên những triều-phục

của ta, như mũ-măng, như hia-ủng cùng các nghi-vệ khác, y-nhiên là tổ-thuật của Tàu ra. Vậy trên triều-đình là nền quan-chiêm của thiên-hạ mà đã thủ-pháp ở nước ngoài, thời dưới tứ-dân là cơ chịu ảnh-hưởng có lẽ đâu lại không theo Tàu được sao ?

Nay ta lại xem cách ăn-mặc của thổ-nhân ta. — Xưa nay các nhà khảo-cứu về phong-tục muốn biết cái cơ hiện-tại, thời phải xét cái nguyên-nhân dĩ-vãng, mà các nhà đi khai-thác địa-phương thời phải dùng đến thổ-nhân dân lối. Vậy thổ-nhân nước ta tức là các giống Mường Mán ở mạn thượng-du xứ Bắc-kỳ. Theo lý-thuyết nhà sử-ký thời hạng thổ-nhân này hoặc là người xưa sót lại vẫn ở một xứ ấy, hay là người ở Trung-châu bị những phái hào-trưởng và người Tàu sang ở ngụ bên ta khu-trục họ lên ở đó. Vậy Thượng-du thời giáp-giới với hai tỉnh Quảng-Đông Quảng-Tây bên Tàu, cho nên có nhiều giống Mường-Mán ăn-mặc chẳng khác chi người Tàu, cũng bận đồ chàm-sám, cũng quần hẹp ống, cũng áo ngắn thân, cũng giầy hài-chảo, cũng đội nón đan... Xem thế thời trước kia, nòi giống ta ăn-mặc na-ná thế cả. Nhưng vì sao mà nay người Trung-châu với người Thượng-du ăn-mặc khác hẳn nhau thế ? Lý do cũng dễ giải, vì khi xưa Trung-châu ta ngày nay chỉ tuyên là đầm ao, sau mới thành ra một bãi bình-nguyên là nhờ sa bồi của nước sông Nhị-hà; từ đó quan-lại Tàu hay sang đóng đô-hộ ở đó, mà những triều ta độc-lập cũng hay đóng đô ở đó là nơi khí-hậu ẩm-áp, đất-cát phi-nhiều, dân-cr càng ngày càng thịnh, vừa được trực-tiếp với triều-đình, cho nên chịu được nhiều phong-hóa hơn các người Mường-Mán ở Thượng-du. Cũng vì lẽ ấy mà người Trung-châu không ăn-mặc giống như người ở Thượng-du, là

người Trung-châu vẫn có ý khinh-bĩ người Thượng-du là mọi-rợ, cho nên đổi khác cách ăn-mặc để phân-biệt với man-di. Ấy cũng là một thói thâm-nhiêm của người Tàu đấy.

Nay bảo lối ăn-mặc cũ là theo lối Tàu, không phải là bảo theo hẳn như của Tàu đâu. Nay một dân-tộc bất-chước một điều của dân-tộc kia, thường phải tùy theo khí-hậu, quốc-tính với cảnh-ngộ mà đổi khác đi đôi chút. — Không kể chi là một dân-tộc tiến-thủ biết thấu-thủ cái điều hay ở ngoại-giới rồi biệt-lập ra của riêng của mình, mà đã là một dân-tộc cố-thủ đi nữa cũng không thể không theo khí-hậu, quốc-tính với cảnh-ngộ mà đổi khác đi được, như người Tàu ở về hàn-đới thời tất-nhiên họ phải ăn-mặc một cách cực-kỳ ấm-áp, chớ ta ở về ôn-đới, dù muốn theo ăn-mặc như thế cũng chẳng được nào, vì ta không chịu được cái nhiệt-độ quá như vậy.

Lối thứ hai. — Bắt đầu từ thế-kỷ thứ 19, cái phong-trào mỹ-thuật Âu-tây truyền-bá sang cõi Á-đông này, là ngày trông xa suốt cả hoàn-cầu như có vẻ đồng-văn cộng-hóa; nước lớn nước nhỏ, dân-tộc giàu-mạnh, dân-tộc nghèo-yếu cũng dần khắp cải-trang Âu-phục. Nhất là nước Nhật-bản, hồi mới duy-tân, dân Nhật rất nhiệt-thành về sự Âu-trang, đến nỗi những bọn thiếu-niên hễ thấy người trong nước ai còn thủ-cụ thời khinh-bĩ ra mặt. Lấy là người giống da vàng, mà ăn-mặc theo người giống da trắng cũng là vì cái lòng khuyêh-hướng các điều văn-minh của Thái-Tây, cho nên lấy cái hình-thức của Thái-Tây làm cái biểu-hiệu văn-minh trong thế-giới.

Nước Nam ta từ ngày nước Pháp sang bảo-hộ đến giờ, cách ăn-mặc của dân ta cũng dần-dà theo phong-trào mới

mà đòi khác đi. Hiện nay ta có ba cách ăn-mặc khác hẳn nhau.

1<sup>o</sup> Cách ăn-mặc tây: người Nam ta cũng bận quần áo như người Pháp.

2<sup>o</sup> Cách ăn-mặc cũ diêm thêm lối mới: Trước kia quần áo ta vừa rộng vừa dài, ngày nay thì vừa hẹp vừa ngắn, áo lên mười gấu, quần hẹp vài phần, kích-thước khung-khò khác hẳn ngày xưa. Trước kia ta tuyền dùng áo dài, nay ta cũng theo lối áo «so-mi» của tây mà chế ra thứ áo cánh mặc trong...

3<sup>o</sup> Cách ăn-mặc của bọn thợ-thuyền bồi bếp, như mặc áo tây quần ta, hay quần tây áo ta...

Trong ba cách mới ấy, cách nào cũng rất thịnh-hành cả. Nhất là ở thị-thành, số người ăn-mặc tây nhiều lắm, mà bỏ hết cả là người đã nhiễm theo Âu-hóa. Trông cái quang-cảnh ngày nay, mà ngắm lại cái quang-cảnh trên 40 năm, thật là cách xa nhau lắm. Dĩ-chí các ông cụ già cũng phần nhiều không còn đôi chút cổ-phong gì nữa. Cái cảnh-tượng theo mới ngày nay tưởng cũng không kém gì cái cảnh-tượng thay hình đổi dạng bên Nhật lúc mới duy-tân vậy.

Cũng vì cái phong-trào mãnh-liệt ấy mà có người bàn tất cả đồng-bang đều nên theo một lối là lối thứ hai: ăn-mặc ta theo lối hiện-thời đương-dụng; có người bàn tất cả nên ăn-mặc tây, vì ở thời-dại văn-minh này, thời phải có cái hình-thức văn-minh để tập-luyện lấy cái tinh-thần văn-minh; mà nghe đâu cũng có người bàn tất cả nên ăn-mặc như cách thứ ba, là cách ăn-mặc của hạng thợ-thuyền bồi-bếp, đáng muốn biệt-lập một cách riêng như người Ai-lao, Cao-miên vậy. Ba điều bàn ấy đều theo một phương-diện riêng, một chủ-nghĩa riêng, không phải là không đích-dáng, cũng không phải là không hợp-thời. Nhưng tôi thiết-tưởng nhân-sinh

tùy sở-thích, mỗi người một ý, dụng-độ cũng mỗi người một khác, không thể lập một khuôn-phép nhất-định, bắt buộc người ta ai cũng phải theo một lối. Hoặc bảo rằng học-sinh trong một trường còn có thể bắt theo một chế-phục (*uniforme*), phương-chi là người trong một nước, một nước là một cái tràng to; ở trong xã-hội, mỗi người một vị-trí, một cảnh-ngộ, một nghệ-thuật, một khuynh-hướng, tưởng khó đặt một phạm-vi nhất-định về cách ăn-mặc được. Chi bằng ta đã biết rằng ăn-mặc là vì hai mục-dịch «lợi-dụng» và «mĩ-thuật», ta cứ so-sánh châm-chước hai điều ấy cho thích-trung, sẽ biết được ăn-mặc thế nào là tiện, thế nào là hợp, là nhã.

Nay nói cách ăn-mặc tây đối với người Nam ta.

Đứng về phương-diện lợi-dụng mà nói, thời hạng người ở chốn nhà-quê quyết không có thể ăn-mặc tây được. Vì sao? Những người ở nhà-quê, cách sinh-hoạt hàng ngày còn giữ lối xưa, chưa nhiễm nhiều tân-hóa, mà bao nhiêu công-việc làm-ăn lại chỉ dùng bằng sức chân tay; còn người ở tỉnh-thành phần nhiều là người đi học đi làm, tân-hóa đã dần dần tiêm-nhiễm, mặc quần-áo tây cũng có đôi phần tiện-lợi.

Ta thử xem các nước Âu, Mĩ, cây bừa đều dùng máy-móc để thay nhân-lực, cho chi các công-tác trong các nghề cũng vậy, không tốn đến nhân-công, không phiền đến nhân-lực, mà nhà làm ruộng nước ta thì sao? Cây sấu cuốc bẫm, chân lấm tay bùn, máy cày bừa không có, máy gặt hái thì không, chẻ lạt đan phên, thế-tất phải ngồi sỏm dùng ngón chân với con giao hay là lấy răng mà tước, như thế mà bảo mặc quần áo tây như các nông-phu Âu, Mĩ, thì dẫu gọn-gàng thật, nhưng không tiện cho cách

cử-chỉ vận-động, còn làm ăn gì được !  
— Ở nhà-quê, chưa mấy nơi biết dùng bàn ghế, chỉ hay dùng giường, sập, thế thời mặc cái bộ áo chật-hẹp, có điều bất-tiện quá ! Vậy cho nên cách ăn-mặc ở chốn quê chưa đổi mấy. Từ ngày Chánh-phủ mộ linh sang tông-chinh bên Pháp, nay nhiều nơi đã bị ảnh-hưởng của các linh-mộ ấy mà ăn-mặc cái lối áo tây quần ta, tưởng cách ấy rất tiện cho nông-phu ta lắm.

Người ở nhà-quê không nên ăn-mặc tây, lẽ đó đã rõ rồi, nhưng còn người ở tỉnh-thành thì có nên ăn-mặc tây cả không ?

Người ở tỉnh-thành, tiền-bạc sẵn, dễ đua nhau. Bồi-bếp phu-xe ăn-mặc cái lối áo tây quần ta rất là tiện-lợi, vì ăn-mặc thế thì gọn - gàng trông không vướng mắt. Hạng thợ-thuyền làm trong các xưởng máy, lại cũng không thể ăn-mặc luộm-thuộm, vì nếu ăn-mặc thế thời không những là vận-động không được nhanh-nhẹn, mà lắm khi cũng vì ăn-mặc luộm-thuộm ấy mà hại đến tinh-mệnh. Thường có người chỉ vì cái bụi-tóc mà bị máy quay máy guồng bỏ mình trong giây phút. Bởi vậy cho nên bao nhiêu thợ-thuyền ta đều theo cách ăn-mặc như thợ-thuyền tây, hay là theo lối quần ta áo tây cho tiện cách cử-động.

Còn các thầy đi làm việc các sở, hiện nay cũng phần nhiều đã cải-trang rồi, vì ăn-mặc quần-áo tây cũng tiện. Khi vào sở thời đã có bàn viết có ghế ngồi, và khi giao - thiệp với người Pháp lại càng không có vẻ khúm-núm cái tư-cách người đi làm việc nhờ đó mà tăng thêm giá-trị ; khi về nhà thời cũng phần nhiều nhà biết dùng bàn ghế, cử-chỉ ở gia-đình lại cũng tiện. Còn người đi học, hoặc có nơi cưỡng-bách phải ăn-mặc tây, hay có nơi không cưỡng-bách mà cũng đã phần nhiều ăn-mặc tây, cũng có ý lợi-dụng vậy.

Đừng về phương-diện mỹ-thuật mà

nói thời người ta ăn-mặc tây quyết không dễ coi bằng ăn-mặc ta. Cái cách ăn-mặc ta đối với người Nam ta là cái tinh-thần cố-hữu có đã kể hơn ngàn năm, mà cái cách ăn-mặc tây đối với người Nam ta chỉ là cái hình-thức tân-tạo mới có trong hai ba mươi năm nay thôi. Cái hình-thức đó là cái tinh-thần của người bên Thái-Tây, đã trải bao nhiêu thế - kỷ mới có ngày nay, há có dễ một lúc mà nên được. Xem như nước Pháp từ đời dân Gaulois đến ngày nay, cách ăn-mặc mỗi đời một kiểu, mỗi kiểu một khác, là vì người Pháp rất có tinh-thần về mỹ-thuật ; thế mà trong vòng hai ba mươi năm, người mình đã bắt-chước được, tưởng cũng là chóng vậy. Nhưng phải biết rằng cách ăn-mặc tây đối với ta, thật không có vẻ mỹ-thuật một chút nào. Kia một người tây ăn-mặc xuềnh-xoàng, ta coi là đẹp, mà ta lắm người ăn-mặc thực tốn-kém ta trông thật vẫn không bằng, đó là cái quan-niệm chung của phần nhiều người ăn - mặc tây. Lại còn lẽ nữa là ta từ lúc bé không tập thề-thao ; ngực ép lưng gù, đi đứng không có qui-cử, mà kể đến dáng-giáp mới lại thực là không có. Có nhiều người ăn-mặc tây không được tự-nhiên, cũng bắt-chước cái dáng thẳng-thắn như người Tây, thời lại hóa ra cứng đờ, tựa như cái bộ quần áo nó bó-buộc cả thân-thể người, làm ngăn-trở cách vận-động. Còn người ăn-mặc đã lâu năm, tuy không có cái quái-trạng khỗ-tiểu ấy, nhưng trông cũng không lấy gì làm đẹp, là vì cái khổ người ta không thích-hợp với cái bộ quần-áo của người Tây.

Vả-chẳng ta không biết cách trang-điêm. Cùng một bộ quần áo, người Tây mặc thì đẹp, mà ta mặc xấu ; cùng một cái mũ, người Tây đội xinh, mà ta đội không xinh, là vì ta không biết ngắm cái thân-thể của ta và cái màu da, cho nên dùng những thứ của người Tây

dùng có nhiều thứ không những là không đẹp, mà lại còn trông chường mắt nữa, thực thêm cái trò hề cho người ngoại-quốc mua vui.

Ấy kể về mĩ-thuật thời người ta quả không nên mặc quần-áo Tây. Nhưng đời bây giờ là đời chủ sự thực-hành, qui đường-lợi-dụng, cách ăn-mặc các nước đã đều theo nhau mà biến-đổi dần-dần, người Nam ta cũng có hạng nên dùng cách ăn-mặc tây, kể hạng người không phải cứ là hạng biết chữ tây, có làm việc tây mới nên mặc, là tất cả các hạng người trong xã-hội tùy nghề-nghiệp của mình mà lợi-dụng.

Nói tóm lại, ta phải tùy cảnh-ngộ, với cách lợi-dụng công hay tư của ta mà tìm cách ăn-mặc cho tiện-lợi, chớ không nên để quyền cho bộ quần-áo nô hó-buộc được ta.

Ấy cũng vì nước ta, đương thời-buổi thay mới đổi cũ, ăn-mặc nhố-nhăng này, người theo lối mới, kể giữ cách xưa, vẫn có hai phái công-kịch nhau, phản-đối nhau, khinh-bĩ nhau. Tuy không đến nổi kịch-liệt phát-lộ ra ngoài, nhưng vẫn âm-thầm ngấm-nghĩa ở trong. Người thủ-cựu thời có ý chê người tông-tân là văn-minh bi-tướng, là y-phục bất-xứng kỳ-đức; người tông-tân lại có ý chê người thủ-cựu là hủ-lậu, là kiêu-nhân, là bất-thức-thời. Phải, đã đành rằng ăn-mặc hoa-mĩ không xứng với tài-đức của mình, hay không so với tư-hữu của mình, ngóng-ngheh lấy bộ quần áo làm tự-cao tự-đại, rồi lại nhờ cái màu-mỡ duy-tân để cầu cái lợi nho-nhỏ đê-tiện ở ngoài đường, trong đám hội, thời thực lại là đáng chê, chê là tiêu-nhân vậy; nhưng lấy bộ quần áo ta làm cái huy-hiệu ái-quốc tồn-cổ, mà cổ chi tinh-thần không có, quốc chi huyết-tinh tuyệt không, lại thực cũng là một hạng tội-nhân trong xã-hội, làm

ngăn-trở con đường tiến-hóa.

Sao ta không trông có một hạng người kia, ăn-mặc dù tây dù ta, dù mới dù cũ, chỉ là vì chủ-nghĩa mĩ-thuật, mà có nghĩa-lý, có đạo-đức, có văn-chương, mà ta thấy khác ta, ta đã vội khinh? Ông Âu-tử nhân thấy thói đời sa-xỉ, lấy thân là ông tề-tướng mà ăn-mặc tiết-kiệm để khuyên đời. Ông Tử-Cống đi chu-du thiên-hạ, mà mặc áo khinh-cừu, đi xe tứ-mã, để cầu hiền-quân. Ta có lẽ thấy cách ăn-mặc đó mà đã vội chê là biến-lạn, là sa-xỉ, được chăng. Ôi! cái nghĩa tùy-thời to lắm thay! Tự mình mình có giá-trị mà ăn-mặc phải chăng thời giá-trị càng tăng thêm; mà tự mình mình không có giá-trị mà ăn-mặc quá-đáng thời xấu-hổ gì bằng. Còn như nhân-sinh tùy sở-thích, ta giàu ư, thời ta ăn-mặc sa-hoa, há rằng chẳng được; ta nghèo ư, thời ta ăn-mặc thô-lồ, há được tự khinh. Ăn-mặc dù đẹp dù xấu, dù theo mới dù giữ cũ, cốt làm sao cho cố-quốc-tinh-thần không vì cái hình-thức mà tuyệt-diệt đi mất.

Xem ra ngày nay, cách ăn-mặc ta như là bạc lão - thành, mà cách ăn-mặc tây tức như là bạc tân - tiến. Thế thời trong xã-hội phải có bạc lão-thành mới gây nên bọn tân-tiến ngày nay. Bạc lão-thành ấy dù không hợp thời-nghi chẳng nữa, nhưng sao ta há vội tuyệt hẳn không theo bạc lão-thành là chủ-ông gây nên quốc-túy cho ta bây giờ đã từ bao? Cứ theo như lý-thuyết ấy thời ta nên nghiên-cứu về cái quan-niệm của người mình đối với cách ăn mặc ta.

Cứ theo như ý tôi thiên nghĩ thời ta nên bảo-tồn lấy cách ăn-mặc ta, mà nhận cho cách ăn-mặc ấy là cái nền « cổ-điền » và « quốc-túy » và « đặc-sắc » của mình.

Nếu nước ta lập-quốc mới bốn năm

mười năm nay, là thời-dại nước Đại-Pháp mới giao-thiệp với ta, mà trước kia không có một cuộc lịch-sử lâu dài, thời ta không nhìn nhận cách ăn mặc cũ cũng chẳng hại gì. Nhưng mà nay chúng ta đã nhìn nhận nước mình là nước cổ ở Á-đông này, mà ngoại-quốc cũng công-nhận nước mình là nước cổ với nước Tàu, thế thời có lẽ đâu nước cổ mà lại không có cách ăn-mặc cổ sao.

Sự bảo-tồn nên thế nào ?

Tôi nói bảo-tồn đây không phải là bảo tất cả người mình chỉ nên ăn mặc quần-áo ta cả đâu. Ngày nay là thời-dại lợi-dụng, cách sinh-hoạt đã xu-hướng về tân-trào, thời những người theo về đường hoạt động mới quyết không thể nhất-thiết ăn mặc theo lối cũ mà cũng phải tùy nghi châm-chước lối mới. Nhưng cái bản-hữu từ xưa không nên để cho mai-một đi mất. Kia thử xem người Tàu người Nhật cũng là một giống da vàng, không câu-nệ, biết tùy-thời mà cải-trang Âu-phục, nhưng khen

thay cũng không vì cái lòng xu-hướng tân-trào mà bỏ mất cái quốc-ba cổ-điền: Như khi họ giao-thiệp trong việc buôn-bàn, trong việc chính-trị, thời họ ăn-mặc theo lối Thái-Tây; đến khi ở trong nhà thời họ lại ăn-mặc theo lối riêng của họ. Dáng chừng họ lấy cách ăn-mặc của Thái-Tây là tiện cho việc ngoại-giao, mà cách ăn-mặc riêng của họ là cái biểu-hiệu yêu nước yêu nhà, không nỡ mà cũng không được khinh-bĩ cái cổ-điền mà không dùng. Lấy là người Nhật mặc quần-áo Tây mà chỉ khi mà tinh-thần vẫn là người Nhật, cho đến cả cái vẻ đi đứng, cách cử-chỉ cũng hiền-nhiên là người Nhật, không ngông-nghênh, không lác-cắc như phần nhiều người Nam ta ăn-mặc tây, trông rõ rợ mà rõ chường. Đó có lẽ là người Nhật ăn-mặc tây mà tự mình không biết vậy. Cái chân-trưng của họ không thẹn với cái ngoại-dung của họ, đáng là một dân-tộc văn-minh. Đáng khen thay! Nên bắt chước thay! Ta ngẫm mà coi...

BIÊN-XA

## MỘT NHÀ NỮ-BÁC-SĨ NƯỚC PHÁP :

### BÀ CURIE (CÔ-LÍ PHU-NHÂN)

Ai đã đọc qua sách hóa-học thời cũng biết rằng hóa-học chia các chất trong trời đất ra làm hai hạng: một là đơn-chất hay là nguyên-chất, hai là hợp-chất. Đơn-chất là những chất không thể phân-tích ra được nữa, giản-đơn đến thế là cùng; hợp-chất là hợp hai hay là nhiều đơn-chất mà làm thành ra. Hợp-chất thời thiên-hình vạn-trạng, bao nhiêu vật-chất trong vũ-trụ là hợp-chất cả. Nhưng mà các hợp-chất ấy, lấy phép hóa-học mà phân-tích ra, rút lại chỉ có ngót tám-mươi nguyên-chất, hiện nay mới tìm

thấy, điều-hòa phối-hợp mà thành ra. Hóa-học chẳng qua là học những sự biến-hóa của tám-mươi cái nguyên-chất đó mà thôi. Chắc ngoài số ấy, còn có ít nhiều nguyên-chất khác nữa, hiện chưa phát-minh ra được, nhưng có lẽ là những chất màu-nhiệm vô-cùng, khoa-học chưa có đủ phương-pháp, đủ máy-móc mà thấu-thập lấy được. Bởi vậy nên các nhà hóa-học hằng ngày chuyên-tâm chú-ý đề cố tìm-tòi ra được một chất mới, cho tăng thêm cái số nguyên-chất đã phát-minh được từ xưa đến nay, mà khám-phá cái kho

bí-mật của Tạo-hóa vẫn giữ kín, khác nào như các thầy đạo-sĩ ngày xưa luyện đan để tìm lấy thuốc trường-sinh vậy. Song một đời người sưu-tầm thí-nghiệm, hồ đồ đã tìm được một chất mới! Tựa hồ như người ta càng tìm-tòi mà Tạo-hóa càng dấu kỹ, hay là cũng có lẽ Tạo-hóa đã cùng-phạm rồi, bề ngoài tựa-hồ như thiên-biến vạn-hóa, phong-phú vô cùng, mà kỳ-trung chỉ có tám-mươi chất đó mà thôi? Dù thế nào nữa, một nhà bác-học đời nay, nghiên-tinh đàm-tứ, cùng-cứu trong mấy mươi năm trời, mà phát-minh ra được một nguyên-chất mới, người trước chưa từng biết bao giờ, thời đó thật là một cái sự-nghiệp đủ quang-vinh một đời mà lưu-truyền vạn-thế vậy.

Sự-nghiệp ấy chính là sự-nghiệp hai nhà hóa-học nước Pháp đời nay, là hai Ông Bà CURIE vậy.

Năm 1898, trong hóa-học-giới có truyền ra một cái tin mừng, là mới phát-minh được một nguyên-chất mới, có tính lạ kỳ. Sự phát-minh ấy là do một nhà lý-hóa-học ở Paris tên là PIERRE CURIE, cùng với bà vợ và người học-trò tên là BÉMONT, nghiên-cứu đã lâu năm mới tìm ra được. Nguyên-chất mới này là gì? Bởi trước chưa ai biết nên chưa có tên, nhưng vì có tính phát-quang nên đặt tên là *radium*, tàu dịch là « quang », 銨, phù-hiệu trong hóa-học-biểu là Ra. Từ cái phát-minh đó mà hai Ông Bà CURIE nổi tiếng trong khắp thế-giới. Bấy giờ lại càng ra công nghiên-cứu, cho biết hết các tính-cách của cái chất mới lạ này, thật là đem cả cái thân-thể một đôi vợ chồng mà hi-sinh cho một mảnh vật-chất cả trong gầm trời không có tới một lạng, lấy đây làm cái sự-nghiệp chung-thân vậy. Kịp đến năm 1906, phu-quân bị xe đè chết, còn một mình bà ở lại, tuy đơn-chiếc lẻ-loi mà càng gắng công nghiên-cứu, để cho hoàn-toàn cái

sự-nghiệp chung. Nhờ bà mà chất « quang » ngày nay đã chiếm được một cái địa-vị quan-trọng trong lịch-sử hóa-học vậy. Từ ngày phu-quân mất, bà đã hai lần được phần-thưởng Nobel, là một cuộc thưởng to của người Thụy-điền (Suède) đặt ra để thưởng cho những nhà văn-học khoa-học có biệt-tài trong thế-giới. Bà lại được Chánh-phủ Đại-Pháp cử làm giáo-sư khoa lý-hóa ở trường Đại-học Sorbonne. Thân đàn-bà mà làm được sự-nghiệp vĩ-dại như thế, thật là đáng kính đáng phục vô cùng. Thuộc về lịch-sử riêng của bà thời không có truyện gì lạ cả; chỉ biết rằng bà vốn người Ba-lan (Pologne), tên nhà là MARIE SKLADOWSKA, sinh ở thành Varsovie năm 1867; đến năm 1895 kết duyên với ông PIERRE CURIE, thời từ đây cùng chồng đem thân hiến cho Khoa-học. Có nhà làm sách đã nói rằng: Bà CURIE không có lịch-sử riêng; Bà là cái thân Khoa-học hiện-hình ra người đàn-bà vậy. Lại có người nói rằng: Lịch-sử bà CURIE tức là lịch-sử của chất « quang » đó. Vậy nhân đây xin kể qua về lịch-sử cái nguyên-chất lạ-lùng ấy, đã làm nên sự-nghiệp một bậc phụ-nữ có thiên-tài như sau này.

Chất quang (銨: tên tây là RADIUM, phù-hiệu Ra, trọng-lượng 225), là một nguyên-chất trong cõi thiên-nhiên có rất ít. Người ta lấy nó ở một thứ thanh-khoáng-thạch, tên tây là *pechblende*. Nó có tính kỳ-lam, các nhà khoa-học gần đây chú-ý nghiên-cứu, không phải rằng vì nó dùng được việc to cho công-nghệ, thực là vì cái cách tác-dụng nó lạ thường lắm. Nay thử lược-thuật như sau này.

Chất « quang » tự nó phát sáng được, cho nên để nó vào chỗ tối mà trông thời nó sáng-quắc. Lại lạ nữa, là cái sáng ấy có thể làm cho các vật-chất khác vốn không có tính phát sáng mà thành ra

phát sáng được. Lạ như dùng hai cái chén A và B ; trong cái chén A để một vật gì có chất « quang », còn cái chén B thời đựng nước lã. Để hai cái vào một chỗ ít lâu, rồi cầm lên xem, thời thấy nước lã ở trong chén B cũng phát sáng được. Lại xét ra cái sáng của chất « quang » phát ra có thể biến-hóa những hình trên tấm ảnh, cho nên có thể dùng về chụp ảnh được. Lại có một phần cái sáng ấy có thể suốt qua được những vật rắn như gỗ, qua rồi vẫn có thể biến-hóa được hình ảnh ( cũng giống như tia-sáng X trong vật-lý-học vậy ).

Sau Ông Bà CURIE, các nhà hóa-học trong các nước mấy năm gần đây lại càng chú-ý về chất « quang » lắm. Như nhà hóa-học nước Anh RAMSAY, mới rồi khảo chất « quang » có thể biến ra chất « hạch » ( 氦, *Hélium* ) được. Ông để một tí chất « quang » vào trong cái ống pha-lê nhỏ, lấy kính phân-quang đo thời chỉ thấy có ánh sáng « quang », cho nên biết rằng trong ống chỉ có chất « quang » mà thôi. Nhưng cách mấy ngày ông lại lấy kính phân-quang đo, thời chợt thấy có phát ánh sáng « hạch ». Trong ống vốn không có chất sau đó, thời khá tin rằng chất « hạch » là chất « quang » biến thành ra. Theo cái công-lệ của hóa-học xưa nay, không từng bao giờ một nguyên-chất nọ biến ra làm nguyên-chất kia được. Cho nên chất « quang » mà biến ra làm chất « hạch », thực là nguyên-chất biến - hóa ( *transmutation des éléments* ) lần thứ nhất vậy.

Nói tóm lại, chất « quang » ấy thật là lạ, cách tác-dụng không có giống những cách tác-dụng tầm-thường, mà muốn giải cho ra thật cũng khó lắm.

Phần nhiều nhà hóa-học lấy rằng chất « quang » có thể phát sáng ra được thực là bởi những nguyên-tử trong chất ấy tự phân-giải ra ( *désintégration* ). Ta từng trông thấy trên không có khi có

những sao bay rơi xuống, khả-tri rằng khoảng không tuy rộng, tinh cầu tuy nhiều, mà cũng có khi tự phân-giải mà đến rơi rụng. Lại trông thấy các phân-tử trong hóa-học, hễ cái ái-lực ( *force de cohésion* ) nó bị vật ngoài thắng, thời mất cái sức tương-kết mà liền phân-giải ngay. Như nước mà gặp luồng điện thời phân-giải ra làm hai nguyên-chất : khinh-khí và đơng-khí. Như vậy an-tri cái nguyên-tử ( *atome* ) lại không phân-giải được nữa mà thành vật nhỏ hơn nữa sao ? Vật nhỏ ấy có thể gọi là vi-tử ( *sous-atome* ). Những nguyên-tử của chất « quang » tất nhân cái sức đoàn-kết ở trong mắt thăng-bằng, mà dần dần phân-giải ra làm những vi-tử. Xét ra mỗi một nguyên-tử chất « quang » trọng-lượng là 225, nghĩa là hai-trăm-hai mươi-lăm lần nặng hơn một nguyên-tử của khinh-khí ; cho nên chất-diêm trong nguyên-tử ấy chắc nó đông-đặc một cách phi-thường. ( Có người khảo ra một nguyên-chất « quang » là 20 vạn vi-tử làm thành ra ). Hoặc giả nhân cơ đó mà không giữ được cái sức đoàn-kết mạnh. Vì xem các nguyên-chất khác có nguyên-tử nặng như chất « do » ( 鈾, *Uranium*, 238,5 ) chất « thô » ( 釷, *thorium*, 232,5 ) đều có tính phát ánh sáng cả, hoặc giả đều là nhân cái chất-diêm nó đông-đặc quá mà không giữ được sức đoàn kết vậy. Nay nói về chất « quang » phát-quang cỡ lẽ cũng vì một lý-do đó. Lúc mới phân-giải thời còn thành từng đám vi-tử, rồi sau cùng đến từng vi-tử một. Các vi-tử ấy hành-động mau lắm, đến nổi kích-xúc vào nhau rất mạnh, sinh ra khí nóng, mà thành ra sáng, bởi thế nên chất « quang » mới có tính phát-quang vậy. Lại những vi-tử phóng-xuất ra như thế, tất lại kết-đoàn lại mà thành ra nguyên-chất mới. Bởi thế nên chất « quang » mới biến ra chất « hạch » vậy.

Cứ đó mà xem thời cái thuyết nguyên-tử không thể tái-phân được, tựa-hồ như

không đúng nữa, chẳng qua là người ta hiện nay còn chưa có phép gì khiến cho các nguyên-tử đều phân-giải được mà thôi, có một ngày hoặc tới được cái mục-dịch đó chăng. Và nhân sự phát-minh này mà cái số chừng tám-mươi nguyên-chất hiện nay ta biết, có lẽ chính bởi mấy thứ vi-tử hợp lại mà thành ra, cái đó cũng chưa biết đâu vậy. Lại lúc nguyên-tử phân-giải làm vi-tử, phóng-xuất nhiệt-lực cũng nhiều, có lẽ có một ngày kia đặt phép lợi-dụng được cái nhiệt-lực ấy, thời có ích về đường thực-dụng biết bao nhiêu.

Hiện nay các nhà Y-học đang tìm cách để lợi dụng chất « quang » mà trị-bệnh, thứ nhất là để tiêu các ung độc ở nội dụng các cơ-quan. Đã đặt hẳn ra một môn riêng, gọi là « quang-trị thuật » (*Radiumthérapie*) nhưng dùng chất này có nguy-hiêm cho thầy thuốc lắm, vì nó có tính hễ mó đến thời nó ăn đứt thịt ra. Nhưng mong rằng có ngày tìm được cách phòng-bị thời chất « quang » chắc là giúp cho thuật trị-bệnh được nhiều vậy.

Ấy lịch-sử chất « quang » như thế. Mà người cấu-tạo ra cái lịch-sử li-kỳ ấy, chính là một người đàn-bà : đáng khâm-phục thay!

Trên kia đã nói rằng chất « quang » là một nguyên - chất trong cõi thiên-nhiên rất ít có. Hiện ở nước Pháp chỉ có một đồng-cân tây (*gramme*), nước Mi thời có tám đồng cân. Vậy có một bà phú-hào người nước Mi tên là MARIE BROWN MELONEY hiện làm quản-lý một công-ti xuất-bản lớn (*Butterick Publishing Company*). Bà có con sang từng-chinh bên nước Pháp, bị chết trận ở đất Lorraine. Mùa hạ năm ngoái, bà sang thăm mộ con, đi qua thành Paris, bà ghé vào trường Đại-học Sorbonne,

vào tiếp mặt bà CURIE bấy giờ đang làm trong phòng thí-nghiệm trường việc ở đại-học Hai bà nói chuyện với nhau. Chợt bà phú-hào nước Mi hỏi bà bác-sĩ nước Pháp rằng : « Phu-nhân có bao nhiêu đồng-cân « quang » để nghiên-cứ ? ». Bà CURIE đáp : « Tôi chỉ có một đồng-cân, là cái đồng-cân từ hồi mới phát-minh đến giờ. » Bà MELONEY nghe nói kinh-ngạc, dậm chân lên mà nói rằng : « Chết nỗi ! Nước Pháp là nơi phát-minh ra chất « quang » mà chỉ có một đồng-cân thôi ! Thế mà nước tôi có những tám đồng-cân; như thế thì không cần quá!... »

— Bà về Mi, bà nghĩ ra một cái ý ngộ vô-cùng. Bà cổ-dộng trong các báo, mở ra một cuộc lạc-quyên, chỉ đàn-bà nước Mi được quyền một đồng-bạc, để là « Cuộc lạc-quyên của các đàn-bà nước Mi để mua một đồng cân « quang » tặng Bà CURIE. » Trong khoảng mấy tuần lễ, bà thu được 150.000 đồng bạc của 11 vạn người đàn-bà nước Mi quyền (có người quyền quá 1 đồng), tính ra giá bạc hồi bấy-giờ thời thành hơn 2 triệu phật-lãng (quan tiền Pháp), vừa đủ mua được một đồng cân « quang », vì một đồng cân « quang » đúng giá 2 triệu quan. Bà mua đâu đấy rồi, bà viết giấy mời bà CURIE sang du-lich nước Mi, rồi bà vào yết-kiến quan Tổng-Thống Mi, xin ngài thay mặt cả quốc-dân Mi mà đưa tặng bà CURIE đồng cân « quang » đó, hồi bà tới kinh - đô Hoa-thịnh-đốn, lấy cái ý rằng cả nước Mi tỏ lòng khâm-phục một người đàn-bà nước Pháp, mà là một bậc thiên-tài trong thiên-hạ vậy.

Ấy đàn-bà Âu-Mi có những bậc li-kỳ như vậy. Không biết các bậc nữ-lưu trong nước ta đọc truyện bà CURIE nữ-bác-sĩ, lại xem truyện bà MELONEY nước Mi như trên kia, trong bụng nghĩ sao ?

## CHỚP ẢNH

Chớp ảnh hồi mới phát - minh ra, chẳng qua là một sự thí-nghiệm lạ về cách - trí, thế mà ngày nay đã thành một trò chơi rất thịnh-hành trong thế-giới. Hiện bây giờ, suốt trong các nước, đâu đâu người ta cũng ham xem chớp ảnh. Tinh ra trong thế-giới hiện nay có tới hơn 6 vạn nhà chớp ảnh. Những người đi xem chớp ảnh, ai là người không tự hỏi làm thế nào mà chiếu được những cái bóng có hoạt-động như thế? Làm thế nào mà bày ra trên tấm vải được những cảnh những kịch linh - hoạt như sự thực? Lại nhiều sự bịa - đặt ra, không có thực, mà làm thế nào chụp ảnh được, lại phản-chiếu ra như thực?

Sau đây xin nói qua về mấy điều đó để giúp những người đi xem chớp ảnh biết các phương-pháp trong nghề chớp ảnh thế nào.

...

Phần cốt - yếu trong chớp ảnh là cái « phim ». « Phim » là do tiếng anh *film*, ngày nay các nước đều thông - dụng cả, để chỉ những mảnh nhựa mỏng và dài làm bằng thứ « nhựa bóng » (*celluloïd*) để in lấy các hình-ảnh rồi chiếu ra. Những ảnh in vào đây rất nhỏ, chỉ cao 18 li (*mil-limètres*), dài 24 li mà thôi. Sức ảnh in được nhỏ đến đâu thời phải in nhỏ đến đấy, miễn là được rõ - ràng và đến sau cực - lực phóng-đại ra được to bằng thật. Vì rằng đã nghiệm ra muốn cho cái bóng khi chớp hoạt - động và liên-tiếp nhau như thực, thời trong mỗi giây đồng-hồ (*seconde*) phải chớp được liền ít ra là 10 cái hình mới được; thường - thường thời đến 16 cái trong một giây đồng - hồ. Như vậy thời trong mỗi phút (*minute*), có

tới 960 cái ảnh liên - tiếp nhau trên « màn bóng » (*écran*), và chớp một trò gì chừng 2 giờ đồng-hồ thời phải đến 11 vạn 5 ngàn cái ảnh cả thấy : ghê thay ! Nay những ảnh ấy thời chụp ra thế nào ?

Trước hết đem cái mảnh nhựa bóng ra, tráng một lượt bằng chất *gélatinobromure d'argent*, là cái chất dễ cảm ánh sáng; xong rồi để vào trong máy chụp. Trong máy có những cái ống xoay, đầu ống có răng-cưa, răng-cưa ấy kháp vào những lỗ hồng đã khoan ở hai cạnh tấm « phim » như in, để cho hình khỏi di-dịch, và đến khi chớp ra được đều và được đúng. Tấm nhựa còn chơn, nghĩa là chưa có hình - ảnh gì, thường cuốn thành cuộn, dài ước 120 thước, lúc để vào máy thời đặt vào chỗ gọi là « kho phát » (*magasin débiteur*), nghĩa là do đấy vận ra. Đã có những máy vận cùng bánh xoay dần-dần kéo ra qua chỗ cửa nhỡn-kính (*objectif*) là chỗ những hình - ảnh ở ngoài thấu - nhập vào, in lên mảnh nhựa, đoạn rồi lại có máy và bánh xoay cuốn vào chỗ gọi là « kho-nhận » (*magasin récepteur*), nghĩa là chỗ thu lấy tấm nhựa đã có hình rồi. Ngay chỗ nhỡn - kính có một mảnh dầy (*obturateur*) khoan thủng, xoay đi xoay lại được, vì có nối với các máy vận và bánh xoay. Trong khi tấm nhựa kéo qua cửa nhỡn-kính, thời mảnh dầy cũng theo máy vận mà khi lộ chỗ hồng ra, khi che mặt đặc lại, khi lộ ra thời tấm nhựa dừng lại một tí, ánh sáng thấu vào, in hình vào nhựa, khi che lại thời nhựa đã thành hình rồi kéo dịch đi và pho phần khác chưa có hình ra để đợi cho mảnh dầy lại lộ chỗ hồng mà thu lấy hình khác, cứ thế luôn luôn

không dòi, vì bên ngoài đã có chỗ tay cầm xoay (*manivelle*), cứ mỗi giây đồng-hồ xoay hai vòng, thế là đúng với 16 cái hình một giây.

Tấm nhựa đã in hình rồi thì đem vào buồng rửa. Trước hết cuốn vào một cái khung gỗ cho thẳng, rồi cũng rửa như rửa ảnh thường <sup>(1)</sup>. Rửa xong thì thành hình như trong kính ảnh, nghĩa là trắng hóa đen, đen hóa trắng. Hình ấy lại dùng cách in như in ảnh mà làm ra bao nhiêu « phim » cũng được.

Còn cái máy để chiếu hình ra ngoài, tức là cái máy chớp ảnh thời cũng chẳng khác gì cái đèn « ảo-dăng » (*lanterne magique*) ngày xưa: phải có một nguồn sáng rất mạnh (thường thường là một cái vòng khung điện (*arc électrique*), một cái kính thu sáng để thu ánh sáng vào ảnh, với một cái nhỡn-kính để phản-chiếu cái ảnh to ra, vào một tấm vải trắng căng thẳng gọi là « màn bóng » (*écran*). Đại-khái các máy chiếu bóng cái nào cũng có bấy nhiêu bộ-phận, duy trong máy chớp ảnh thời thêm một cái cơ-quan để kéo cái « phim » ra mà thôi. Phim cuốn lại thành cuộn, rồi có chỗ tay vặn kéolâu ra trước nơi nhỡn-kính. Trước nhỡn-kính cũng có một mảnh đục đục thẳng như trong máy chụp trên kia; mảnh đục ấy cũng theo máy vặn mà khi lộ chỗ thủng ra, khi che mặt đặc lại, khi lộ ra là chỗ có ảnh, khi che lại là chỗ nhựa không, cứ xoay luôn như thế rất mau.

Nói tóm lại thời thuật chớp ảnh cũng chẳng có mấy-móc gì phiền-phức lắm, chẳng qua là cái máy chụp ảnh với cái kính chiếu bóng thường biến-báo đi mà thành ra.

..

Nghề chớp ảnh ngày nay sỡ-dĩ thịnh-hành lên được, trước nhất là bởi thiên-hạ ưa biết tin-tức mọi nơi mà lại muốn

trông thấy hình-ảnh trước mắt, khiến cho cái « phim » chớp ảnh thành như một tờ nhật-báo có hoạt-dộng vậy. Nhờ có chớp ảnh mà ở các nước Âu-Mĩ, khắp nơi thành-thị, cho đến những phủ huyện nhỏ, hễ trong thế-giới có xảy ra việc gì hay lạ là cũng được như mục-kích trông thấy cả: như lễ đăng-quang ông vua, đám cưới hay đám ma một người danh-giá, lễ hạ-thủy chiếc tàu biển lớn, cái tàu bay bay lên hay đổ xuống, v. v., không kể những « phim » chụp các nơi danh-tích thắng-cảnh trong thế-giới. Chớp ảnh như thế thời thật là một bài sự-vật-học cho công-chúng, thật là có ích cho sự giáo-dục phổ-thông. Bởi thế nên ở nước nào cũng từng đặt những phim chớp bóng riêng cho học trò các trường xem, vừa vui vừa có ích cho sự học, nhất là về khoa địa-dư và cách-trí bác-vật.

Song lối chớp ảnh về sự-thực ấy tuy có ích-lợi thật, mà thiên-hạ lại hay ra những truyện huyền hơn sự-thực. Bởi thế nên nghề chớp ảnh mới thật bành-trướng phát-đạt là tự khi đem ứng-dụng ra để diễn-kịch và diễn-tiểu-thuyết bằng bóng, đặt ra một lối riêng gọi là « kịch bóng » (*ciné-théâtre*).

Nhà chớp ảnh không phải đợi có sự-thực mới chụp lấy, thường tự mình nghĩ ra truyện nọ, đặt ra truyện kia, bày-vẽ những việc kỳ, những sự lạ, khác nào như nhà làm văn ngòi mà nghĩ ra bộ tiểu-thuyết hay bài diễn-kịch vậy. Duy tiểu-thuyết và diễn-kịch ở đây thời chỉ có giáng-bộ mà không có lời, nhưng giáng-bộ phải khéo thế nào cho thay được lời nói mà có ý-nghĩa. Cách tổ-chức kết-cấu các bài « kịch câm » (*théâtre muet*) ấy cũng công-phu và lắm khi thần-tinh lắm. Có khi thời diễn giữa nơi cảnh-trí thiên-nhiên: hoặc là nơi hoa-viên, hoặc là chốn lâu-đài, hoặc là nhà

(1) Xem mấy bài khảo về nghề ảnh của ông Nguyễn Ứng đã đăng trong báo Nam-phong số 42 (trang 467-472) và 45 (trang 207-214).

tranh, hoặc là rừng rậm, hoặc là trên cao - nguyên, hoặc là ngoài bờ biển, v. v. Có khi thời là những cảnh bày-dặt ra. Thường là một cái nhà lớn, nửa như phòng chụp ảnh, nửa như sân khấu nhà hát. Giống phòng chụp ảnh là có bong kính chung-quanh, có màn khi che khi cuốn để điều-độ ánh sáng; lại có những đèn riêng để chiếu sáng. Nhưng khác phòng chụp ảnh là vì to lớn hơn nhiều, có lăm xuống làm phim trường tới 40 thước, khoát tới 25 thước, và cao 35 thước. Lại cách xếp-dặt ở trong cũng nhiều thứ lạ: nào là khuôn cửa, nào là máy móc, nào là cầu dây, nào là máy trục, v. v. đủ các đồ để lăm-thời có thể muốn bày ra cảnh gì cũng được. Lại có những phòng để các vai tuồng thay quần-áo, kho để chứa đồ và dựng các tranh cảnh, v. v.

Những « kịch bóng » có khi mượn những bài trong cổ - bản ra, nhưng bao giờ cũng phải thay đổi đi ít nhiều, thêm phần giáng-bộ để thay cho lời nói không có. Nhưng thường-thường thời là những bài kịch đặt riêng ra để chớp bóng. Cách kết-cấu chẳng khác gì màn tuồng. Cũng có một người diễn-kịch-đốc-biện (*metteur en scène*) để giám-đốc các vai tuồng, chỉ-dẫn các cách-bộ. Lại trước khi chụp thời có diễn thử diễn tập nhiều lần. Đến khi đã đầu vào đấy rồi thời người chủ máy đem máy chụp đến, trong máy đã sẵn giầy nhựa rồi, các vai cứ việc diễn trò, chủ máy cứ việc xoay máy, là bao nhiêu hình-ảnh in cả vào tấm nhựa như hệt.

Những tay màn tuồng có tiếng thường cũng không nề diễn cho chớp ảnh. Như những bậc MOUNET SULLY, SARAH BERNHARDT, COQUELIN, là những tay nổi danh trong nghề diễn tuồng, cả thế-giới đều biết, ngày nay thời những giáng-bộ tài-tinh đã in vào trong máy chớp ảnh

rồi, lưu-truyền đi mãi mãi, không đến nỗi để cho hậu-thế cái di-bận rằng không được trông thấy cái cách hoạt-động của các bậc ấy trên sân khấu. Đó cũng là một sự may cho người đời sau, vì cái tinh-thần của người diễn tuồng, chẳng qua chỉ lộ ra trong giây phút, người mục-kích họa may cảm-giác được, mà người đời sau không sao tưởng-tượng thấy, chẳng qua chỉ tương-truyền cái thanh-danh không mà thôi. Ngày nay đọc sách cũ thường thấy khen những bậc như ĐÀO RACHEL, KÉP TALMA, mà hồ để ai đã biết được những bậc ấy tài-tinh vì cái gì. Bày giờ nhờ có chớp ảnh thời những khốe tinh-thần của các tay danh-tru diệu-kỹ sẽ lưu-truyền được mãi mãi, cũng như nhờ máy lưu-thành mà những điệu hay tiếng tốt của các hạng danh-ca còn được phảng-phất bên tai chúng ta vậy. Song có một sự lạ, là những tay diễn tuồng giỏi không tất - nhiên là những tay diễn bóng tài, vì nghề diễn bóng phải cần những tư-cách riêng không giống với nghề diễn tuồng. Cho nên hiện nay có một hạng chuyên-môn về diễn bóng, nhiều người đã nổi tiếng trong thế-giới, vì hề có cái « phim » nào hay xuất-bản ra là không bao lâu truyền đi khắp các nước. Những người hay đi xem chớp bóng, ai là người không thuộc những tên GABRIELLE ROBINNE, NAPIERKOWSKA, PEARL WITHE, MUSIDORA, FANNY WARD, FRANCESCA BERTINI, WILLIAM HART, DOUGLAS FAIRBANKS ? lại những vai khôi-hài như PRINCE RIGADIN, MAX LINDER, MARCEL LÉVESQUE, thứ nhất là CHARLES SPENCER CHAPLIN đã thành hiệu là vai « Charlot » ?

Đó là nói về những bài tuồng có diễn thật, máy ảnh chụp lấy rồi chớp ra. Nhưng nhiều khi lại chớp những sự rất kỳ-khôi, tưởng trần-đời không bao giờ có: như một người cầm dao chặt đầu mình ra, rồi hai tay màn-múa cái đầu

mà chơi ; lại người đã cởi áo ra rồi cái áo nó lại tự-nhiên mặc vào mình ; lại người cứ điềm-nhiên đi thẳng vào cái tường ở trước mặt, hay là đi ở dưới cái trần dầu xuống đất ; có khi thời người như ma, vụt hiện ra vụt biến đi như không ; lại có người làm trò nhu-thuật nhảy từng bước tới 30 thước một, hay là trèo những sườn núi rất cao rồi tự trên nhảy xuống cái khe ở dưới ; lại một đồng đất vô-hình tự-nhiên nặn thành cái tượng, v. v. Những truyện lông-bông kỳ-quái như vậy, mới coi tựa-hồ như quỷ-thuật, mà thực chỉ dùng mấy cái mẹo rất giản-dị mà làm được.

Như khi chụp hình mà chụp chậm thời đến lúc chớp ra thành ra nhanh ; vì thế nên ta thường trông thấy trên màn bóng những đám đông người xoay-dộng như chong-chóng, những ngựa cùng xe chạy vùn-vụt như bay. Lại lẽ thường là trong mỗi giây đồng-hồ phải chụp được 16 cái hình thời chớp ra mới linh-hoạt được như thực, vậy mà mỗi giờ đồng-hồ hay là mỗi một ngày chỉ chụp lấy một hay hai cái mà thôi, thời những sự thay-đổi rất chậm tự-nhiên thành ra biến-hóa rất mau. Ta thường trông thấy chớp bóng cây hoa hồng, thoáng một cái mọc ra lá, nảy ra nụ, lại chỉ chớp mắt một cái là bao nhiêu nụ nở ra hoa hết, rồi vụt một cái nữa thời bao nhiêu hoa tàn cả. Ấy cũng là do một mẹo như thế

Lại lúc chụp hình mà xoay máy ngược thời một việc tâm-thường thành ra sự lạ kỳ-quặc : như người hút thuốc thấy khói ở ngoài vào trong điều thuốc của mình, mà điều thuốc thời càng cháy lại càng dài ra ; lại một người vụt ở dưới nước nhảy lên bờ, đi vào gần một đồng quần áo, quần áo tự nhảy lên tay, loay-hoay một lúc thời mặc cả vào người, rồi đi dật lùi trở ra, mới coi không hiểu là

phép gì, nhưng nghĩ ra mới biết là hình một người cởi áo xuống sông lội, nhưng mà là hình lấy ngược nên mới thành ra đi dật lùi.

Một bức tường hay một cái lò sưởi cao, không có mẫu-miêu gì, mà leo lên được, thời trông phải lạnh-lẹ và can-dảm biết bao nhiêu. Vậy mà trong xuống chớp ảnh thời không gì dụng-dị bằng, đưa trẻ lên ba làm cũng được : số là trên sàn đã rải một tấm tranh cảnh vẽ bức tường hay cái lò sưởi, một người cứ bò bốn chân lên trên cái tranh ấy, còn người chụp ảnh thời trèo lên cái thang cầm chức cái máy xuống mà chụp là được, có khó gì ! Lại khi trông thấy chớp một anh chàng bò ngược dưới trần như con mối, thời đó chẳng qua là tấm tranh cảnh để đảo ngược lên, mà máy chụp ảnh thời để lộn đầu xuống mà chụp.

Còn những người vụt xuất-hiện ra, vụt biến đi mất, hay đương người nọ hóa ra người kia, cùng những đồ vật, bàn ghế, mà hình như tự-nhiên đổi chỗ được, thời là người chụp hình tay đương quay cái ống dây nhựa mà vụt dừng lại để cho người và vật thay đổi đi như thường.

Đến như hình người dần-dần xuất-hiện ra, trước còn tờ-mờ rồi sau rõ, hay là đương cái hình nọ mà nhạt lần-lần hóa ra hình kia, thời lối ấy trong nghề chớp ảnh gọi là lối « lớt » (*le fondu*). Như khi đương người nọ hóa ra người kia, thời cái người phải chạy đi ấy đứng im lại một lúc để cho người vặn máy vừa vặn vừa khép dần cái lỗ hồng nhơn-kính lại, thành ra cái hình cứ nhạt dần mãi đi, rồi đến biến hẳn. Bấy giờ thời cái phần giấy nhựa bị in nhạt ấy lại vặn lại để cuốn vào chỗ « kho-phát », trong khi ấy thời người đến thay vào đúng y như chỗ người trước, người vặn máy lại vặn phần giấy cũ

ra, càng vặn càng mở cái lỗ hồng nhỡn-kính, trước còn nhỏ sau rộng dần ra, lúc còn nhỏ thời cái hình người sau in lên trên hình người trước, hai cái đều nhạt cả mà đã mờng-tượng nửa như người nọ nửa như người kia, càng mở rộng ra thì hình người mới càng đậm càng rõ mà hình người cũ càng nhạt, rồi mất hẳn đi.

Ấy những mẹo chớp ảnh như thế, thật là nhiều lắm, không biết bao nhiêu mà kể. Có khi dùng những cách rất tầm-thường, tưởng không khó gì, mà đến khi chớp ra hiển-nhiên như thực. Như cái « phim » chớp một anh chàng người có đá nam-châm, chỉ tay là bao nhiêu đồ sắt ở quanh mình chạy lại cả, nhưng có gì lạ đâu, các đồ vật đều có buộc giây, tay cầm đầu giây lôi lại là vật phải chạy lại, duy cái giấy rất nhỏ trên ảnh không trông thấy mà thôi. Lại cái giường không ai đẩy mà tự-nhiên chạy được ở trong phố, thời là ở trong đã có cái máy riêng nó đẩy. Chỉ ư muốn chớp « phim » hai cái xe lửa đụng nhau, thời trong xưởng đặt một cái đường sắt giả, vặn máy cho những xe lửa giả chạy, rồi vụt hai bên đâm sầm vào nhau, ngã lẩn chiêng ra, chớp cho thật mau thời người xem cũng hoảng-hốt mà tưởng là thực. Ấy cái cốt-lử của nghề chớp ảnh, chính cũng như là thuật thôi-miêu, phải làm thế nào cho người xem hốt-hoảng tưởng như thực.

Nghề chớp bóng tuy là một trò chơi, mà những nhà bác-học triết-học cũng đã từng chú-ý đến. Như ông y-sĩ DOYEN là một tay ngoại-khoa thật giỏi đời nay, trước nhất cho máy chớp ảnh chớp ông « hành-đạo » (cắt mồi). Lại ông BERGSON là tay triết-học đại-danh bây-giờ thường nói rằng thuật chớp ảnh cũng giúp cho sự lý-tưởng của nhà triết-học, vì con mắt người ta

chính là một cái máy chớp ảnh thiên-nhiên vậy.

Xem ra máy chớp ảnh phát-nguyên tự cái máy chiếu bóng của ông PLATEAU chế ra trước nhất, đặt tên là *zoetrope*, tức cũng là một lối đèn chạy quân : Vào khoảng năm 1835, ông RAYNAUD cũng chế ra một thứ máy chiếu bóng hơi giống kiểu ấy, đặt tên là *praxinoscope*. Kế đến hai ông MAREY và DEMENY theo kiểu cũ mà sửa đổi lại, không chiếu ảnh mà chiếu những hình vẽ bằng tay. Nhưng đến năm 1895, nhà chế-tạo trước-danh ở nước Mỹ là ông EDISON mới nghĩ ra dùng giấy nhựa để chụp những hình ảnh đương vận-động. Sau đến ông LUMIÈRE thời mới thật là chế-tạo ra kiểu máy chớp ảnh như bây giờ.

Trên kia đã nói nghề chớp ảnh ngày nay rất là thịnh-hành. Sự thịnh-hành ấy thật không thể tư-nghị được. Một nhà làm báo Đại-Pháp bàn về sự phát-đạt lạ-lùng của nghề chớp ảnh, có bình-luận mấy câu như sau này, xin dịch cả đoạn để làm kết-luận cho bài khảo-cứu nhỏ này :

« Tôi mới đọc thấy cái tin như sau này : « Những tư-bản xuất ra để kinh-doanh về nghề chớp ảnh ngày nay tổng-cộng tới 15 ngàn triệu (15 milliards). Cứ số ấy thời nghề chớp ảnh đứng vào hàng thứ ba trong trường doanh - nghiệp trên thế - giới, hàng thứ nhất và thứ nhì là lúa mì và than. Ấy là mới bắt đầu đó thôi. . . » Tôi đọc thấy mấy giòng ấy mà ngẩn người ra. Tôi đã từng mục-kích trông thấy nghề chớp ảnh xuất-hiện, tôi vẫn biết rằng tuy mới-mẻ mà rất thịnh-hành, nhưng thiệt tôi không ngờ đâu bành-trướng đến trình-độ ấy. Tôi còn nhớ hồi đầu thí-nghiệm, chớp thử ở trong hầm một nhà cà-phê nhỏ ở thành Paris. Cái màn bóng bằng tí, những hình vừa mập-mò, vừa nhấp-nháy, rung động

luôn, khó nhìn lắm. Tuy nhìn mỗi mắt, mà những người ngồi xem cũng ra giáng thích, là bởi vì lạ, coi như một sự thí-nghiệm về cách-trí vậy. Trong những người ngồi đấy, chắc không mấy người dự-liệu biết rằng nghề này nay mai sắp trở nên một môn khoái-trá cho thiên-hạ và sẽ ra «chinh-phục» cả thế-giới vậy. Rồi mà từ đấy cứ mỗi ngày một bành-trướng mãi ra, tới cái cảnh sầm-uất thịnh-vượng lạ thường như bây giờ. Các rạp chớp bóng lập lên như rừng, trước còn bé nhỏ chật-hẹp, sau to-lớn đẹp-đẽ như lâu-đài; bây giờ ở các đô-hội lớn đâu đâu cũng có những «chiếu-ảnh-đài» (*palaces*).

«Thiên-hạ ham coi chớp ảnh như say như mê, như điên như cuồng. Khác nào như một làn sóng cuồng tràn khắp cả thế-giới, nhưng xem ra ở các nước khác có nhiều hơn ở nước Pháp; mới rồi có biểu thống-kê kê rabiện trên mặt địa-cầu bây giờ có tới 60.000 (6 vạn) rạp chớp bóng; 25.000 ở Mỹ Hoa-kỳ, 4.000 ở nước Anh, 3.000 ở nước Đức, 2.000 ở nước Pháp. Còn ở nước Tỉ, nước Hoà, các nước Thụy-diễn Na-uy, Nga, Ý, Tây (Tây-ban-oha), Nhật, cùng các nước Nam Mỹ-châu, nước nào cũng kể hàng trăm hàng nghìn sở. Mới đầu tưởng rằng thiên-hạ ham-đua nhất-thời rồi thôi. Ai ngờ càng ngày càng ham, càng thích, càng vững, càng bền. Bây giờ thời đã hiển-nhiên rõ rằng nhân-loại từ nay đã thành «nghiện» chớp ảnh rồi, không thể nào dời-bỏ được cái thú chớp ảnh nữa.

«Nay ta thử xét cái tâm-lý của nghề chớp ảnh, thử xét vì những duyên-cơ sau-xa gì mà công-chúng ham-mê cái thú chớp ảnh đến thế. Làm sao mà lại thành ra thích được? Làm sao mà lại thích đến không biết chán? Trong cái thú đặc-biệt ấy nó có những nguyên-tố gì? Xin thử cố phân-giải như sau này.

«Những nguyên-nhân thuộc về vật-chất thời cũng dễ biết. Như giá rẻ, vào

xem dễ, trong một tỉnh khu nào phố nào cũng có một rạp chớp bóng, buổi chiều ăn cơm tối rồi rẽ vào xem, dung-dị lắm, không phải ăn-mặc dài-diêm gì, người sang-trọng, kẻ làm-lụng, ai cũng như ai, tự-do xuất-nhập. Lại được cái thú tuyệt-trần, là: không cấm hút thuốc. Lại trong khi vợ chồng con cái bồng-bể dắt-díu nhau đi xem cả nhà, thời ở nhà không phải đốt điện, không phải thắp đèn, tiền xem cũng bằng tiền dầu tiền điện ở nhà, dầu mù nội-tro vắt cổ chày ra nước cũng phải chịu cho cách tiêu-khiển này là rẻ và tiện.

«Đến những nguyên-nhân thuộc về tinh-thần thời cũng hơi khó biện-biệt cho rõ. Xem chớp ảnh, vào ngồi trong một cái nhà tối như hũ-đút, trông thấy trước mắt những bóng lấp-loáng chuyển động ở trên một tấm vải trắng... Bây giờ trong thần-trí mình cảm-giác ra làm sao? Cái đó là tùy tư-chất, tùy tính-cách của mỗi người. Như người ưa những cảnh thiên-nhiên thời thích các «phim» chớp về sơn-xuyên phong-cảnh, thảo-mộc côn-trùng, muốn biết giống cây giống vật sinh-trưởng thế nào, cũng là mục-kích những cảnh trăng-giang đại-hải, rừng rậm núi cao. Nhưng mà nhận ra số nhiều người không ưa xem những cảnh thiên-nhiên ấy, vì những người biết tư-tưởng, ham học-vấn ít lắm. Còn đại-đa người lớn mà tưởng-tượng như trẻ con thật nhiều. Cho nên chỉ thích những truyện bịa-đặt, truyện vui, truyện kỳ, truyện phong-tinh, truyện tiêu-thuyết, là những truyện chỉ mắt xem mà trí không phải nghĩ... Vì người ta có mấy người là biết ngẫm-nghĩ, biết tư-tưởng: xem chớp bóng thời được tiện cho cái trí lười-biếng, không phải suy-nghĩ mà được khoái-lạc. Như mu ốn biết các việc lớn trong thiên-hạ cũng chỉ mắt nhìn là trông thấy hình-ảnh, không phải khó nhọc đọc hết pho sách ấy đến

pho sách khác mới lý-hội được rõ tình-hình... Lại được cái tiện nữa, là phút xuất-hiện, phút biến đi, mau như chớp lóang.

« Mau, chóng... Đó, tôi tưởng cái thần-tinh của chớp bóng, khiến cho thiên-hạ ham-mê chính là ở đó. Một cái đặc-tính của người đời nay là cái tính ham chóng... Người ta như nóng-nảy vội-vàng muốn cho tự thân mình, cho đến các vật mình cần-dùng đều chuyển-vận cho tấn-tốc : đi đâu thì muốn cho mau đến, tin-tức thì muốn cho chóng được. Tựa-hồ như sự tiến-bộ lấy cái tốc-độ mà đo vậy. Nhất là trong khoảng thế-kỷ vừa qua, cái luật tấn-tốc ấy lại càng xuất-hiện rõ-ràng lắm, mỗi sự phát-minh, mỗi sự chế-tạo mới, như hơi nước, điện-khí, máy nói, xe hơi, tàu bay, kết-quả đều là để giảm đường-đất đi, rút thời-giờ lại. Vậy cho nên trong các trò tiêu-khiển cho người đời nay, trò chớp ảnh

là hợp với cái tính hiếu-tốc của người ta hơn cả. Chớp bóng thay được nhật-báo, thay được sách-vở. Trong năm phút đồng-hồ, phản-chiếu được hết cả những việc đại-sự mới xảy ra ở khắp mặt địa-cầu trong tuần lễ vừa qua. Lại trong khoảng một giờ đồng-hồ mà truyện rất phiền, tích rất dài, không cần phải dùng đến lời nói mà rút được hết cái tinh-thần. Người xem thấy mau chóng lạ-lùng như thế, thần-trí không thể không say mê đi được. Lại thêm đương khi chớp bóng, thường hay đánh đờn, những khúc não-nùng êm-ái, làm cho thần-trí lại càng tê-mém đi, như say như ngủ... Thành ra người ngồi trong rạp bóng được cái thú tuyệt-trần, tinh-thần không phải hoạt-động khó-nhọc mà tai mắt được cái cảm-giác êm-vui. Thủ ấy tưởng không khi nào người ta chịu bỏ vậy... »

TRÚC-ĐÌNH

## TÙNG-ĐÀM

I

### Đạo chúng-bạn.

Việc sinh-hoạt của người ta cần phải có kẻ này kẻ khác để giúp - đỡ nhau các việc. Vậy việc giao-hữu cũng là một đạo rất cần trong việc giao-tế của xã-hội. Song đạo giao-hữu quý ở tinh-thần, chứ không quý ở thực-lợi. Như kẻ đi học có bạn đồng-chí, kẻ làm quan có bạn đồng-liêu, kẻ làm nghề có bạn đồng-nghiệp, là để quan-ma đức-tính, để giao-hoán tri-thức, ấy là đạo giao-hữu chính-đáng; còn như kết đảng để mưu riêng, thông đồng để cộng lợi, lại là tiêu-nhân chi-giao, không phải là đạo quân-tử. Khổng-tử có nói rằng : « Quân-tử hoài hình, tiểu-nhân hoài huệ, » nghĩa là người

quân-tử giữ pháp-luật, mà kẻ tiểu-nhân chỉ mong những điều ân-huệ.

Nay xem việc giao-hữu của người nước ta lại thiên về đạo-đức mà sơ pháp-luật. Ôi ! đạo-đức với pháp-luật vốn là một. Những thói quen phong-tục mà người ta đã công-nhận là điều có lợi-ích cho việc sinh-tồn của người ta mới gọi là đạo-đức, là pháp-luật, có giữ theo pháp-luật mới là đạo-đức. Nếu có điều thiên tất có điều tệ.

Giao-hữu của người nước ta đại-khải lấy nghĩa-khí làm trọng : người có phải giúp kẻ không, người sang không quên kẻ hèn, vinh-nhục có nhau, sống-chết có nhau, như thế gọi là tận-đạo. Không kể những người có đức-hạnh, có ý-khí, cho đến bọn quan-liêu hủ-bại, bọn đạo-tặc hung-ác đến

đâu, đối với bằng-hữu cũng có cái tinh-thần quan-niệm ấy. Song thường vị tư-tinh mà hại công-lý, vì tiêu-huệ mà hại đại-mưu, đã mưu ích-lợi cho người này, tất có điều thiệt-hại cho kẻ khác, đã cầu tự-do cho người này tất xâm tự-do của kẻ khác.

Ôi! cái nghĩa chu-toàn sự lợi-ích cho kẻ khác, giải-cứu sự gian-nguy cho kẻ khác, là cái nghĩa-vụ phổ-thông đối với mọi người trong xã-hội đều nên như thế, không cứ là bằng-hữu, ấy là điều đạo-đức cũng đáng khuyên, mà pháp-luật cũng không cấm. Song lấy tài-lực một người mà phụ trách-nhiệm với hết mọi kẻ, lại là điều việc quá phạm-vi, mà thành ra phù-phĩm.

Trước có một người Tây đến với một người An-nam quen biết mà hỏi vay tiền. Người An-nam kia hỏi lại người Tây rằng: « Sao ông không đến người bạn đồng-quốc với ông mà hỏi vay? » Người Tây kia cau mặt mà nói rằng: « Người nước tôi không có thói quen vay tiền của bạn-hữu. Dù một đồng bạc cũng không ai chịu vay, cũng không ai cho vay. Chẳng những là không cho vay, lại nghĩ là mình đã mất cái tư-cách làm bạn-hữu đi rồi, nhân thế mà tuyệt-giao. Chẳng những một người ấy tuyệt-giao, còn người khác nghe thấy cũng tuyệt-giao cả. » Người nước ta nghe thấy câu truyện này, ai chẳng lấy làm kinh-dị. Giao-tình lạnh-nhật phản-phức đến như thế, còn có nhân - đạo là gì! Người ta quý có chúng-bạn là để phòng khi hoãn-cấp mà giúp nhau, nếu tiền hết thì tuyệt-giao, dù pháp-luật không có lẽ bắt-buộc ai mà đạo-đức cũng phải thóa-mạ cái thói kiến-lợi vong-nghĩa ấy.

Biết đâu những người văn-minh chính nhờ cái thói quen ấy, mà dưỡng-thành cái tinh độc-lập tự-trợ. Từ khi chọn bạn đã phải tìm những người có tư-cách tự-lập, có tinh-thần tự-trị, Mỗi

người có thân-gia tài-sản, thì mỗi người có nghĩa-vụ, có lợi-quyền; giới-hạn cho phân-minh, lo-hào không giả-thác. Giúp nhau bằng tri-thức, giúp nhau bằng tinh-thần; còn đến thực-lợi thì của ai nấy hưởng, mình không có thể trông mong đến chúng bạn, mà chúng bạn cũng không có thể ý-lại vào mình.

Người nước ta từ bậc trung-lưu trở lên, ít có người hay mưu sản-nghiệp, hay tập kỹ-nghệ. Binh-nhật chỉ kết-giao cho nhiều, thanh-khi cho rộng; ấy nhất-sinh sự-nghiệp là ở đó, tiền-thủ công-danh cũng nhờ bạn, no ấm vợ con cũng nhờ bạn. Người bạn cũng nhận ấy là nghĩa-vụ đương-nhiên, không có thể mà từ-chối được. Sự lạc-lợi của người bạn, mình phải viên-thành, sự nguy-gian của người bạn mình phải giải-cứu. Nhiều khi gặp việc bất-đắc-dĩ, cũng phải hư-ứng cho qua, thành ra phu-diễn giả-dối, mà không có thực-lực gì cả. Có người nào mới mở cái thương-điểm, hay lập ra cái công-xưởng gì, thì kẻ gửi một đứa con, người dẫn một đứa cháu, có khi từ chối cũng không được. Bấy giờ kẻ nhận một cô-phần, người chiếm một chức việc, vô-luận là tài có xứng việc hay không, hễ có thể diện với chủ-nhân, tất là chiếm được một địa-vị trọng-yếu. Có quan phủ huyện nào mới thăng-thuyên, dọn đình chưa xong, thì hiến-thư đã đưa đến đầy tráp, thực-khách đã kéo đến đầy nhà, có khi khu-trực đi không hết. Bấy giờ kẻ thỉnh-thác việc này, người yêu-cầu việc khác, vô-luận là việc có nên làm hay không, hễ đã ra mặt nê-nang, cũng phải ủy-khúc cho liêu-sự. Nếu có một điều gì không được chu-tất, một việc gì không được thỏa lòng, thì lời chê tiếng ác đến ngay; vì thế mà bại-sự người ta cũng nhiều, bại-danh người ta cũng lắm.

Bởi đó mà suy, cái thói quen bạn-hữu hay thỉnh-thác nhau, hay tây-vị

nhau đã dưỡng-thành cái tính ý-lại của mọi người trong một nước. Ôi! con trẻ phải ý-lại cha mẹ, người ốm phải ý-lại kẻ khoẻ đã đành; còn những kẻ đủ tai mắt, đủ chân tay, có học-hành, có trí-thức, cũng chỉ mong ý-thác vào lưng người, chỉ mong hấu rút vào mình người, không ai dè-huê cho thì không sao mà tự-lập được, không ai bỏ-thì cho thì không sao mà tự-tồn được. Như thế tự mình đã không biết là xấu-hỗ, còn có khi lấy làm tự-hào, đối với pháp-luật đã không phân-minh, mà đối với đạo-đức cũng là hủ-bại. Xã-hội sở dĩ ngày một tồi tàn là vì thế.

## II

## Chủ nhà với đày-tớ.

Trong lúc giao-tế, chủ nhà đối với đày-tớ, người ta có một thói quen đặc-biệt mà đã sinh ra cái tính xấu phổ-thông, xưa nay chúng ta chưa hề có xét đến. Thói quen ấy là gì? Nết xấu kia là gì? — Là chủ nhà đối với đày-tớ quen dùng một cách khinh-bạc khắc-khổ, vì thế mà sinh ra cái tính kiêu-căng. Đày-tớ đối với chủ nhà quen dùng một cách phỉnh-hót giả-dối, mà sinh cái tính ô-mị. Tập-tục đã lâu, tai mắt đã quen, bằng dường không có tính kiêu-căng không đủ tư-cách làm chủ nhà; không có tính ô-mị, không đủ tư-cách làm đày-tớ. Té ra người nào cũng có kẻ làm đày-tớ mình, mà người nào cũng có kẻ mình phải làm đày-tớ, cứ nay khinh-bạc khắc-khổ với người này, mai lại phải phỉnh-phà giả-dối với kẻ khác; nay ra bộ kiêu-căng với kẻ này, mai lại phải ô-mị với người khác. Tập-tục thì khắc-bạc và giả-dối, đức-tính thì kiêu-căng và ô-mị, xã-hội sở dĩ hư-bại là vì thế.

Ở nước ta nô-tì nguyên là một thứ tội-danh: đàn ông có tội bắt đi làm quan nô, đàn bà có tội bắt đi làm quan tì, cho nên người ta quen coi

nô-tì là một thứ người có tội lỗi, chứ không cho là người đồng-loại với mình. Thật vậy; những nhà nghèo khổ có con không giáo-dục được, không tìm nghề tìm nghiệp để sinh-hoạt cho con được, mới phải cho con đi ăn đi ở mà làm tôi làm tớ người ta. Lúc mới đến mặt xanh mình gầy, quần áo lam-lũ, tinh-nết ngu-ngoan, cử-động ngờ-ngần, không có thể mà giắt lên cho bình-đẳng với con em mình được. Bấy giờ phải cho ăn cơm thừa canh nguội, cho nằm số bếp nhà sau; từ sáng đến đêm phục-sự lao-khổ, lấy mắng chửi làm lệnh-truyền, lấy doi-vọt làm giám-đốc. Quyền chủ nhà không biết đến đâu là hạn, phận đày-tớ cũng không biết đến đâu là vira. Việc chủ nhà sai, vô-luận là khó dễ nguy-hiêm thế nào, đày-tớ cứ phải cúi đầu mà làm. Lời chủ-nhà nói vô-luận là thật hư phải trái thế nào, đày-tớ không được lấy lẽ mà cãi. Chủ-nhà chỉ biết mình là tôn-vinh, không quan-cảm gì đến sự oán-vọng của đày-tớ; đày-tớ cũng đành phận mình là hèn-hạ, không quan-niệm gì đến điều họa-phúc của chủ-nhà. Người ta còn có thói quen lấy tên quả mà gọi đày-tớ trai, lấy tên hoa mà gọi đày-tớ gái, như: thằng Cam, thằng Quít, con Nhài, con Nụ, vân vân, cũng là ý không cho đày-tớ là nhân-loại. Vì thế cho nên người ở trong một nhà mà thường coi nhau như Tân-Việt; chủ nhà cứ phòng-nhàn đày-tớ, mà đày-tớ cũng hay thù-oán chủ nhà. Trong xã-hội hay sinh ra những sự lừa thày phản chủ, như giắt gian vào trong nhà, đồng tình với kẻ trộm, không chỗ nào là không nghe, không ngày nào là không có, cũng vì cái ác-cảm ấy mà sinh ra cả.

Thật ôi! con nhà người ta vì không được giáo-dục, không có nghề-nghiệp, nhân vì nghèo khó phải vào làm tôi làm tớ nhà mình, dù nhân-

cách ác-liệt thể nào cũng là người trong đồng-loại, ta cũng phải sẵn lòng bác-ái, trọng nghĩa đồng-bào. Vả đày-tớ với chủ-nhà đã cùng sinh-tụ trong một nhà, dù không có máu-mủ ruột già cũng là một số người trong luân-lý ; mỗi người đã có nghĩa-vụ thì mỗi người cũng có lợi-quyền. Chủ nhà là người làm chủ trong một nhà, có đày-tớ giúp việc mình, phục-sự mình, vậy chủ-nhà phải có lòng khoan-dung từ-huệ. Nghĩa là phải dạy bảo cho biết điều phải điều chẳng, phải giúp đỡ những khi đau ốm thiếu-thốn. Đày-tớ là kẻ giúp việc trong nhà, đã được chủ nhà cho ăn cho mặc, dạy bảo giúp đỡ, vậy đày-tớ phải hết lòng hết sức, nghĩa là phải làm cho đủ bổn-phận và có nghĩa với chủ.

Còn như thói chủ nhà coi đày-tớ như cỏ-rác, đày-tớ cũng coi chủ nhà như thù-hằn, điều vui điều khổ không quan-cảm gì với nhau, điều lợi điều hại cũng không quan-hệ gì với nhau, như thế không những mất sự hạnh-phúc trong gia-đình mà cũng là điều có tội-lỗi trong nhân-đạo.

Nay xem những người các nước văn-minh, không những đối với các bậc người trong xã-hội phải theo một cách lịch-sự cho ra người có học-vấn, có đức-hạnh, còn đối với những kẻ phải phục-sự mình, phải theo quyền mình, cũng có ý-tử thể-tất, nghĩa-hiệp chu-toàn. Nay xin lược - thuật mấy câu giản-yếu trong những sách « xử-thế tu-tri » (*savoir-vivre*) của những nhà đại-nhã bên Âu-Tây nói về đạo chủ nhà đối với đày-tớ, ý-nghĩa bình-dị, mà thực có chân-lý, đủ cho ta dùng làm qui-giám trong gia-đình, như sau này.

*Những điều chủ nhà phải ở với đày-tớ thế nào.*

1. — Đày-tớ ở có liền công, cũng như kẻ làm thuê cứ công trả tiền.

Song trong nghĩa thầy trò cùng ở với nhau trong một nhà, lúc vui lúc buồn, sự lợi sự hại đều có quan-hệ với nhau, cũng nên coi nhau như một người trong gia-tộc, nghĩa là không nên dung túng quá, cũng không nên bạc-hạnh quá.

2. — Chủ nhà đối với đày-tớ, lời nói phải nghiêm, mà lòng ở phải khoan ; những điều làm-lỗi phải mắng bảo mà những lúc khó nhọc phải khen lao. Những khi đau ốm phải bảo-duỡng, những việc nguy-hiêm phải bênh-vực. Có oai cho đày-tớ sợ, cũng phải có ân cho đày-tớ mến.

3. — Những người thương-lưu lúc sai bảo đày-tớ không hề có nói buông sống như : « Đi lấy cái nọ hay đi làm cái kia », mà hay nói một cách ân yếm rằng : « Làm giúp tôi cái nọ hay lấy giùm tôi cái kia ». Một ý ở trung-hậu, một lời nói ân-cần, thực đáng giá hơn là cho tiền cho của.

4. — Có nhà coi đày-tớ như anh em con cháu ; khi đày-tớ làm được việc, chủ nhà càng có lòng tin, đày-tớ càng hết sức, lâu lâu việc lớn việc nhỏ, điều hay lẽ thiệt, đều tin cậy nhau hơn là anh em bạn-hữu.

5. — Những nhà giàu sang có nhiều đày-tớ, mỗi người phải giữ một việc như: đầu bếp nấu cơm, mục-đồng chầu trâu, con ở quét phòng, thẳng ở gánh nước, người nào có chức-trách người ấy, không ai ủy-tị cho ai, chủ nhà đã được nhàn, mà đày-tớ cũng khỏi rối việc.

6. — Nhà ít đày-tớ cũng phải chia việc, chia thì cho có chừng độ. Sáng ngày đã phải bảo cho đày-tớ biết việc gì làm trước việc gì làm sau. Nếu chủ nhà hay nóng tính, đày-tớ lại ít trí-khôn, một lúc sai làm hai việc, hay việc nọ chưa xong đã làm việc kia, không có thứ-tự, không có thì-khắc,

việc trong nhà hay vãn-loạn là vì thế.

7. — Không nên bắt đày - tớ làm quá sức nó, không nên ép đày-tớ làm việc phi phận nó. Đày-tớ làm những việc ngoại-lệ, cũng phải tùy việc mà thêm công. Những nhà buôn trong một năm có được lợi-lức bao nhiêu, có chia tiền « hoa-hồng » cho cả đày-tớ.

8. — Vì việc chủ-nhà mà đày-tớ phải chịu thiệt-hại, chủ-nhà phải trả tiền phụ-cấp. Khi muốn thay đổi đày-tớ, cũng phải cho thêm tám ngày công và một cái giấy làm chứng, cho đi tìm công việc khác.

9. — Theo cách lịch-sự, đày-tớ không gọi tên chủ-nhà, chỉ xưng là ông, là bà, là thầy, là cô. Đày-tớ gọi con chủ nhà bằng tên như : Cậu Mỗ, cô Mỗ, anh Mỗ, chị Mỗ. Chủ-nhà xưng chồng mình hay vợ mình với đày-tớ cũng không xưng tên như : Ông, bà, thầy, cô. Chủ-nhà xưng con mình với đày-tớ bằng tên như : Cậu Mỗ, cô Mỗ, anh Mỗ, chị Mỗ. Con chủ nhà xưng

cha mẹ mình với đày-tớ là : cha tôi, mẹ tôi.

10. — Con chủ-nhà không cho trò-truyện lẫn-khâu với đày-tớ, sợ lẫn-cận mà sinh ra khinh-nhờn. Đày-tớ trai không được ra vào trong phòng đàn-bà con gái.

11. — Đối với đày-tớ người chúng bạn lại phải trung-hậu hơn. Khi người quen thuộc có sai đày-tớ đem cho mình đồ quĩ-lặng gì, mình cũng phải cho nó ít nhiều tiền, gọi là « tiền nước ». Dù chủ nhà đã dặn đày-tớ không nên lấy của ai, mà mình cũng nên ép cho nó lấy, vì là một cách thù-công. Song của cho không nên quá bay bằng của nó đem đến.

12. — Có người vô-ý hay hỏi giở đày-tớ những truyện chủ nhà. Mình đã làm cho nó phạm tội thầy-lay, và không có lý giở truyện chủ-nhà ở đờ đày-tớ.

NGUYỄN BÁ-HỌC

### Đông-lân tây-trảo

Jamais il n'a été plus nécessaire d'écouter le conseil de Nietzsche « d'écrire avec notre propre sang. » Jamais il n'a été plus nécessaire de prouver que l'art n'est jamais un jeu, mais une confession déchirante. Jamais il n'a été plus nécessaire de renvoyer à la foire qui les attend les amuseurs publics assoiffés d'entrer dans les sanctuaires.

MAURICE ROSTAND

La voie est douloureuse aux femmes nouvelles, dans ce siècle qui semble offrir toutes les libertés, mais où tout ce qui vaut moralement s'achète au prix de formidables efforts.

M<sup>lle</sup> LÉONTINE ZANTA

Không bao giờ cần hơn bây giờ phải theo lời khuyên của ông Nietzsche « lấy máu mà làm văn ». Không bao giờ cần hơn bây giờ phải chứng rõ ra rằng văn-chương không phải là một sự du-hí, mà là cả tâm-tư con người ta bộc-lộ ra một cách nào-nùng thiết-tha. Không bao giờ cần hơn bây giờ phải khu-trục những phường « múa đối » đương ngấp-nghe vào chốn văn-đàn ra nơi chợ phiên mà phò nghề cho thiên-hạ xem.

Đời này tựa-hồ như cái gì cũng được tự do cả, nhưng đến cái đạo-đức thời lại phải khổ-tâm lao-lực lắm mới mua chuộc được; cho nên những người đề mình vào trong bọn « tân-nữ-lưu » đời nay, muốn giữ cho được cái nhân-cách thanh-cao, thật cũng khổn-nạn thay.



đờ hay. Nếu ca không tập, nhịp không rên, mà đã muốn đờn cho liền, thời cũng như thợ mộc đem cây gỗ về làm kèo, làm cột, thước tắc chưa đo, hình-thức chưa đẽo, mà đã tra bào vào mà bào vạy.

đờ) Nhịp-một tuy là đờ, song có tập mới đều. Muốn cho đều thời nhịp một cái, đờm một cái, rồi nhịp cái khác. Còn nhịp-ba

thời lại khó hơn: lấy hai cái, nhịp một cái, cũng phải đờm một cái, rồi lại lấy hai lấy với nhịp một nhịp khác. Cứ tập như thế thời mau quen. Khi mình tập ca, thời nhịp bằng tay hay là chũn cũng được; đến khi đờn thời nhịp nơi chũn! Còn khi đờn có người khác nhịp, thời dùng phách (拍板) (h.v. 21).

ĐỜN NGUYỆT

HAI TAY ĐỜN NGUYỆT

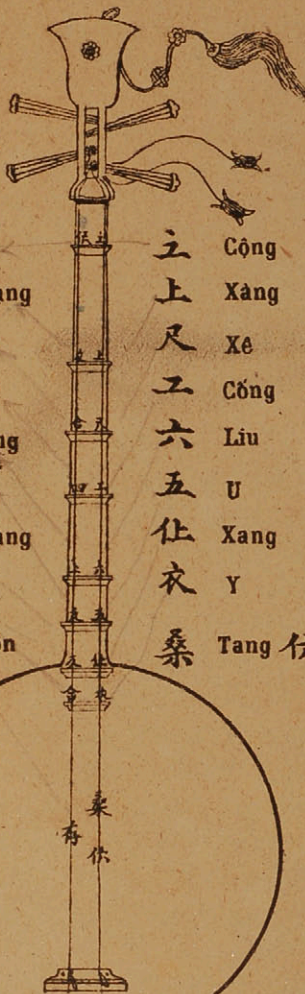
月琴圖

兩掌圖

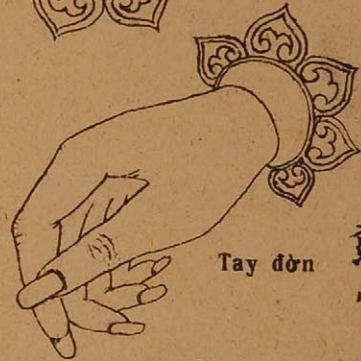
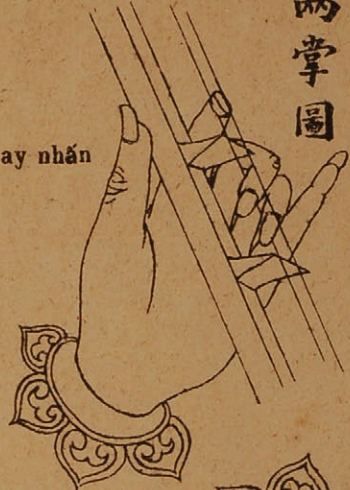
月琴鼓按

按掌

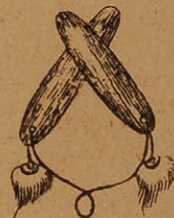
鼓掌



Tay nhân



Tay đờn



伏	Xê	上	Cộng
反	Phạng	上	Xàng
合	Hộ	尺	Xê
四	Xư	工	Công
上	Xàng	六	Liu
尺	Xê	五	Ư
反	Phạng	仕	Xang
合	Hộ	衣	Y
存	Tồn	桑	Tang 伏 Liu

### Dấu riêng đờn Nguyệt

- △ Ngón tay cái.
- ∇ Ngón tay trở.
- + Ngón tay giữa.

Đờn nguyệt thường hay đờn bằng móng tay trở, cho nên trong bản đờn tôi lục đây, không đánh dấu hết làm gì cho rộn; chỉ chỗ nào có dùng ngón cái với ngón giữa, mới làm dấu mà thôi. Như chỗ có dấu △, thời đờn bằng ngón tay cái mà hát lên; còn ngón giữa cũng đờn xuống như ngón trở.

× Nhấn. — Phàm đờn nguyệt tiếng nào cũng phải nhấn hết, nếu không nhấn, thời sao mà ra xàng, xê, cồng, liu được. Nhưng mà nhấn có chỗ dụng công, có chỗ không dụng công. Cho nên chỗ có dấu nhấn ấy là chỗ dụng công đó.

× Nhấn đầu nhẹ mà sau đuôi nhấn hãm vô. Những chữ có dấu này như là :  
 $\begin{matrix} \text{上} & \text{尺} & \text{六} & \text{仕} \\ \times & \times & \times & \times \end{matrix}$ , vân-vân..., thời đọc là : xàng-hư, xê-hê, liu-hiu, xang-hư, vân-vân, ... mà tiếng đuôi đừng đọc rõ.

◊ Nhấn mạnh, như 六 六, chữ liu trước phải nhấn cho ra liú.

◊ Nhấn hãm hay là nhấn ép. Những tiếng có dấu ◊ với dấu ∇, như là : 合 四 上 尺 工 六 五 仕 衣, vân-vân, thời đọc là : hó, xừ, xàng, xê, oán, liú, ú, xàng, ý, vân-vân.

◊ Nhấn vượt (nhấn mà vượt dài ra).

◊ Đát (đánh cả hai dây).

∇ Hưởng (đờn một tiếng mà hưởng tiếng khác. Như đờn tiếng xê, rồi bắt liền xuống tiếng cồng, chớ không đờn tiếng cồng mà nghe cồng).

◊ Phi (dùng cả mấy ngón tay, trừ ngón cái ra, mà rạch xuống. Mấy chữ có phi, như : 尺, 六, 五, vân-vân..., thời đọc là ta-rê, ta-riu, ta-ru, vân-vân...).

◊ Phi xấp (như là bắt chữ 尺 mà phi qua chữ 上, hoặc là bắt một chữ nào đó mà phi qua chữ khác. Mấy chữ có phi xấp, như : 尺 上, 尺 四, 工 尺, vân-vân..., thời đọc là : xê-ràng, xê-rư, cồng-rê, vân-vân...).

◊ Chụp (như là : tồn tang chụp, thời đánh dây tồn, dây tang, rồi lấy tay trái mà bưng dây lại đừng cho kêu, thời nghe ra chụp).

◊ Xê-huít (đờn chữ xê 尺, nhấn đầu nhẹ sau hãm vô, rồi lấy ngón tay trở tay mặt mà đè dây lại, đừng cho kêu, thời ra xê-huít).

◊ Gõ mặt đờn mà nhíp không. Hễ giữa ngón đờn có chấm này, thời lấy móng tay gõ giữa mặt đờn, mà lừa cho vờ nhíp. Đờn tranh thời gõ mặt trán.

### Phép lên dây

Dây đờn nguyệt có hai tên: dây lớn kêu là dây Đai, dây nhỏ kêu là dây Tiểu. Khi đờn thời cứ lên dây tiểu cho vừa tiếng ca (1), đừng cho nặng lắm mà cứng nhẫn; rồi lên dây đai mà lừa cho đến nghe ra giọng tồn tang mới được. Muốn thử coi đã đúng hay chưa, thời so tiếng họ 合 với dây tang ăn nhau là đúng. — Chỉ đai đánh có nhỏ đi nữa, cũng phải 120 mỗi tơ, còn chỉ tiểu phải 100, mới vừa đờn. Phải lựa tơ lãnh mà đánh mới tốt. Tơ lãnh là thứ tơ vàng mà trong, còn tơ trắng mà đục là tơ lựa

(1) Sau tôi sẽ kiểm rồi đăng cách giống tiếng đờn.

GIAG-KHÁCH

北宮序

上 合 合 合 上 尺 尺 存 桑 存 六 六 存 桑 存 仕

仕 衣 衣 衣 衣 衣 存 仕 衣 仕 五 存 仕 衣 衣 衣

存 仕 衣 仕 五 仕 尺 五 尺 五 六 反 反 五 存 仕 仕 仕 存 五

五 六 反 反 五 仕 上 尺 尺 伏 尺 尺 尺 伏 尺 伏 尺 伏 尺 反 六

五六反 尺 尺 伏 六 六 合 尺 合 尺 四 四 尺 六 工 六

六 尺 工 尺 存 桑 存 上 上 合 合 上 尺 尺 存 桑 存 上

上 伏 合 合 合 伏 反 伏 伏 立 伏 立 伏 立 伏 尺 尺 立

存 上 上 上 上 存 立 立 伏 尺 尺 立 存 桑 伏 合 伏 上 尺

尺 存 桑 存 上 上 存 桑 六 六 工 存 六 六 六

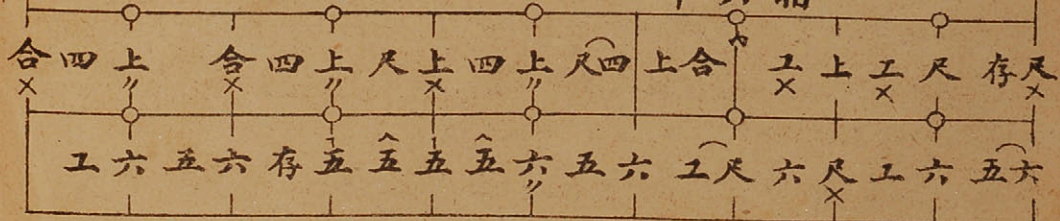
六 存 工 工 存 尺 存 桑 存 上 上

Nhập môn LƯU-TRUY (1)

16 nhịp.

八門流水

十六拍



(1) Bản đờn Nguyệt lục đây là bản của Ngài Nam-Sách với của ông Đới Phước để lại.

工尺存六工尺六工尺上 合四上尺四上尺工尺

工合 尺上 合四上 尺上 合尺 合四上 尺尺上四合

Thục-giang LƯU-THỦY. 32 nhịp. 蜀江流水 三十二拍

合伙合四上 尺上 合伙合四上 尺尺上四合

四上 尺上 四上 四合工 工尺上 工上 工尺工上

工尺 工尺 工六 存六 存五 五五五五五五

五六 五六 工五六 五六 工尺 存尺 工尺 工六

五六 五六 工尺 存六 五六 工尺 五六 工六 工

尺上 尺上 合伙合四上 尺上 四上 四上 尺

工尺上 尺上 四合

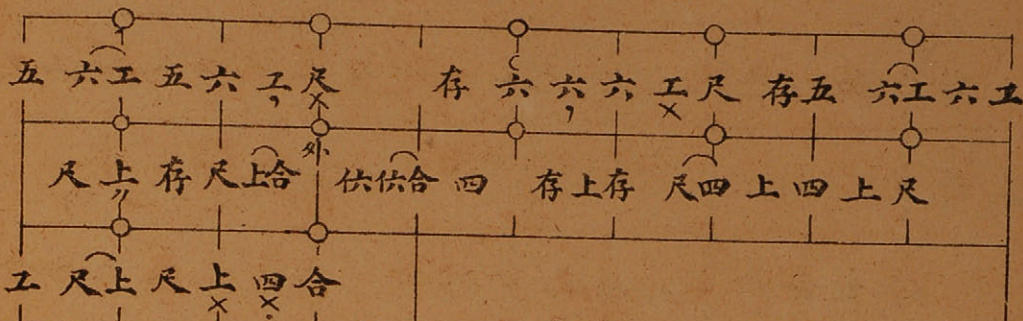
LƯU-THỦY đổi ngón. 32 nhịp. 流水换法 三十二拍

伙合伙合四 存上存尺上合伙合四 存上存尺上四

合四 上存尺六四上四合 工合工 尺上工尺上 工尺工尺

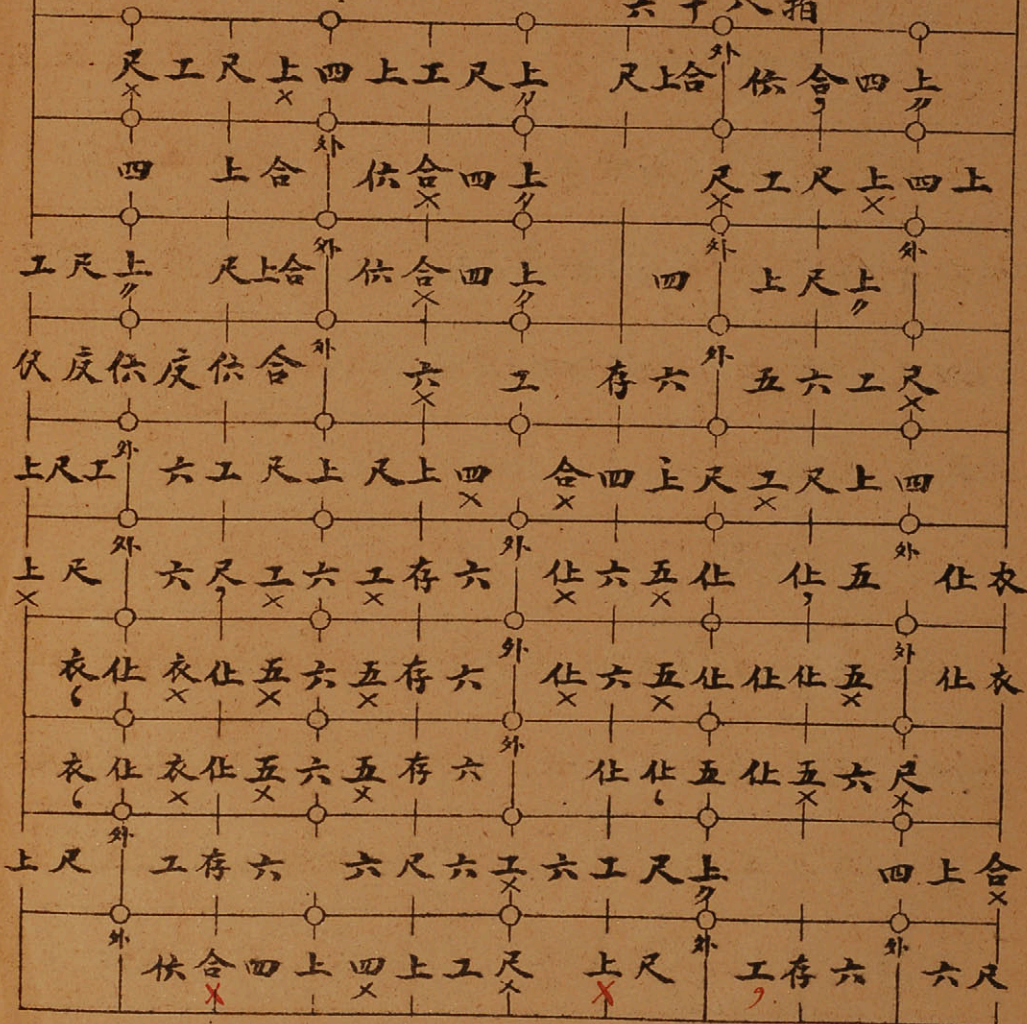
工尺 工尺 工六 存五六 存六五 五 五五

五六 五六 工五六 五六 工尺 存六尺 工尺 工六



CỬU CHIẾT-BẢN hay là CỒ-BỒN.  
68 nhịp.

九折版 俗名古本  
六十八拍



六	工	六	工	尺	上	四	上	尺	上	外	六	尺	工	六	工
存	六	六	六	尺	六	六	尺	六	尺	六	工	六	工	尺	上
	四	上	合	外	伏	合	四	上	四	上	工	尺	上	上	尺
六	六	尺	六	工	六	工	尺	上							

CỔ BÀN đôi ngón.  
68 nhịp.

古本 換法  
六十八拍

尺	工	尺	上	尺	四	存	尺	上	存	上	合	伏	合	合	合	四	存	上			
存	尺	四	伏	上	上	合	伏	合	合	合	四	存	上	尺	尺	尺	上	尺	四		
存	尺	上	伏	上	上	合	伏	合	合	合	四	存	上	尺	四	尺	上	尺	上	尺	伏
伏	尺	存	合	伏	合	存	六	六	六	工	工	存	六	六	六	工	尺				
上	六	工	存	六	六	工	尺	上	尺	六	四	伏	合	合	四	上	尺	六	六	四	
上	上	尺	六	尺	六	尺	工	存	桑	存	六	伏	六	六	五	存	任	任	任	任	
夜	任	夜	任	五	六	五	存	六	任	任	六	五	任	存	任	五	任	任	任	任	
夜	夜	任	五	六	五	存	六	存	任	任	任	五	任	五	六	尺					
上	尺	工	存	六	六	尺	六	尺	六	六	工	存	尺	上	存	尺	四	伏			

上上合 伏合合合四 存上存工尺上上尺尺 工尺上上尺存六 六六  
 尺六 六五 存尺上 尺四 存尺上尺上 六尺六尺工 存桑  
 存六 六六六六 尺六尺六 尺六尺六 六工 存尺上  
 尺四 伏上上合 伏合合合四 存上存工尺上上尺尺 工尺上上尺  
 存六 六尺六尺六 六工 存尺上

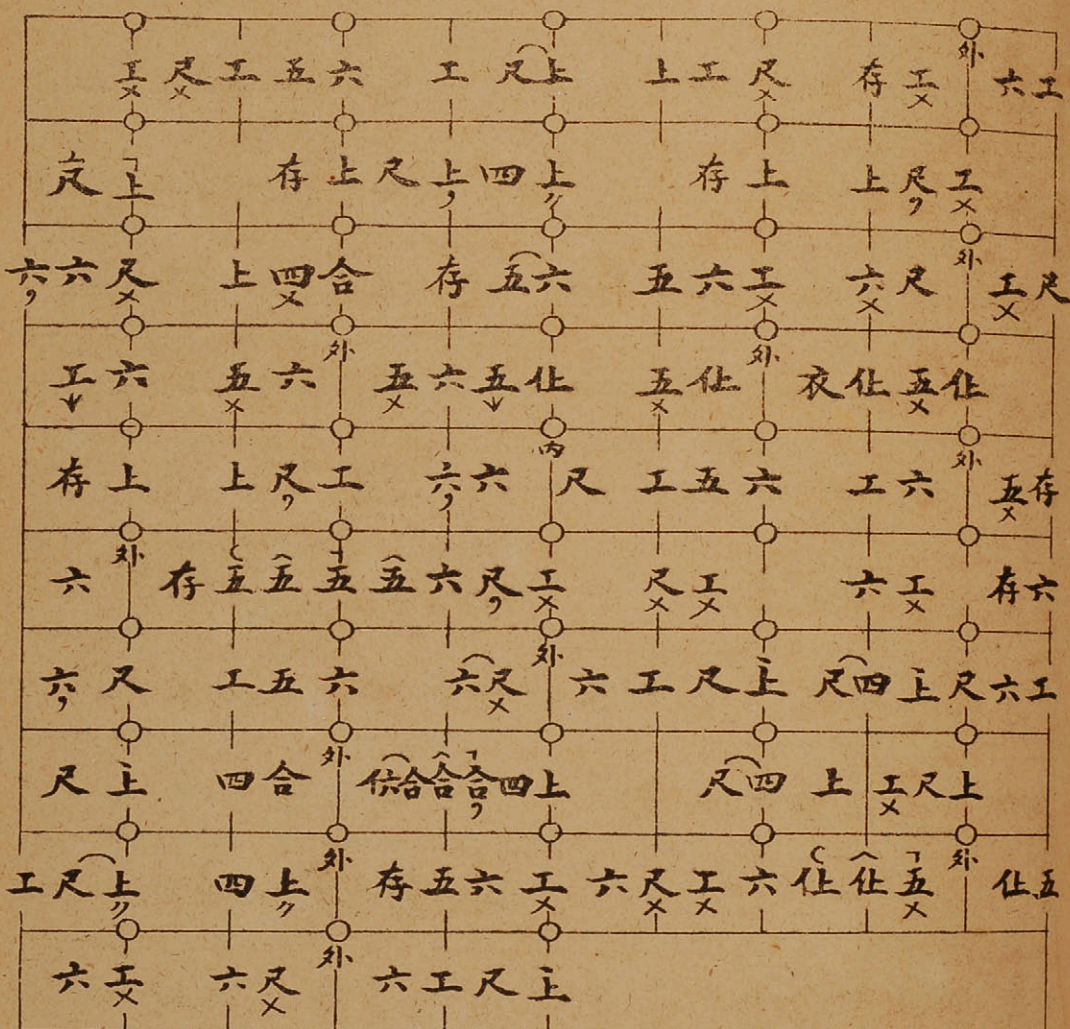
PHÚ-LỤC nhịp một.  
34 nhịp

賦 陸 平調單拍  
三十四拍

五 五 五五五六 五 仕五六 工六尺工尺  
 工六 工六五仕五六 工存六五六工尺上尺  
 六四上尺上 尺上四合四上四上工六工尺 六工尺上工尺  
 上尺 五 六工五六工尺上尺 六四上尺上 尺六四  
 合四上四上工六工尺 六工尺上尺上工尺 上尺六四上工  
 尺 尺尺尺尺六工 尺上四上合 工尺上四合工  
 六尺 五六尺 工六 工六五仕五六

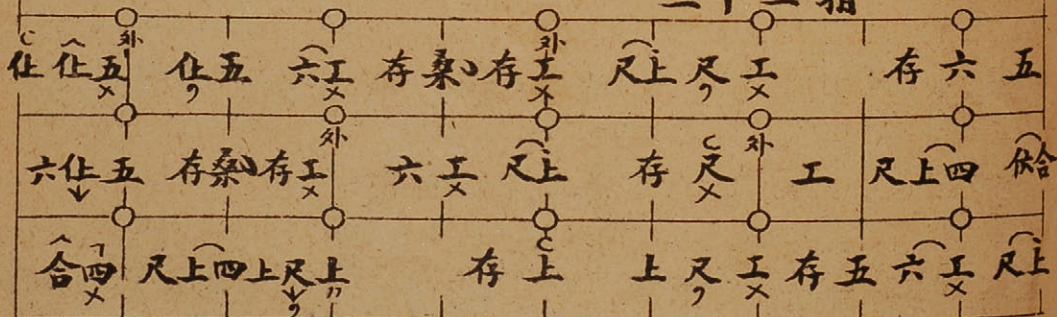
Mười bản tấu.  
10 - PHẠM-TUYẾT.  
48 nhịp.

鞞部十章一品雪  
四十八拍



20 - NGUYEN TIÊU.  
32 nhíp.

### 二 元 宵 三十二拍



尺 工 存 六 工 六 五 仕 仕 六 五 六 五 仕 六  
 五 仕 衣 存 仕 衣 衣 衣 仕 六 仕 五 六 五 仕 六  
 仕 五 仕 仕 六 五 六 仕 五 六 工 尺 工 六 存  
 仕 五 仕 五 六 工

30 - HỒ QUẢNG.  
12 nhịp

三湖廣十二拍

存 工 合 工 尺 上 存 上 四 上 工 合 四 合 四 上 工  
 上 尺 存 尺 工 尺 上 合 四 上 四 合 工 尺 上 尺  
 工 六 工 尺 上 四 合 工 合

40 LIÊN HUỖN  
40 nhịp

四連環四十拍

四 上 合 上 四 存 尺 工 上 尺 工 五 六 工 尺 上  
 尺 工 六 四 上 合 上 四 存 尺 工 上 尺 工 五  
 六 工 尺 上 尺 工 存 工 六 六 尺 工 存 工 六 工  
 六 五 五 六 工 上 尺 工 存 工 六 六 上 尺 工  
 上 尺 工 存 尺 存 工 工 尺 工 尺 上 四 合 四 上 合

上	四	合	合	四	上	合	上	四	存	工	六	六	上	尺	上
上	尺	工	存	尺	工	尺	工	尺	上	四	六	四	上	尺	合
上	四	合	四	五	仕	五	六	工	六	工	六	五	仕	五	六

50 - BÌNH-BẢN  
hay là BÌNH-NGUYỄN  
44 nhịp.

五平版一名平元  
四十四拍

存	尺	工	上	尺	工	五	六	工	尺	上	上	尺	上	尺	工	尺
上	四	四	上	尺	工	上	尺	存	工	尺	上	工	上	工	尺	工
尺	上	四	合	工	工	合	四	合	存	五	六	工	尺	上	尺	上
上	尺	上	尺	工	尺	上	四	合	存	工	上	尺	尺	存	五	六
工	尺	上	工	上	工	尺	上	四	合	尺	工	六	五	五	六	五
工	尺	工	尺	工	尺	上	四	上	四	上	合	合	工	尺	工	尺
工	六	工	六	五	六	四	上	合	四	上	存	尺	工	合	四	四
合	四	上	尺	四	上	尺	工	上	尺	存	六	六	工	六	工	尺
存	尺	工	尺	上	四	合	四	尺	上	上	尺	上	上	上	上	上

60 - TÂY-MAI.  
23 nhịp.

六西梅二十三拍

存	上	上	尺	工	六	五	任	任	六	六	五	六	六	六	六
五	六	工	六	五	任	任	六	五	六	五	六	工	六	六	六
六	工	六	尺	工	六	工	尺	上	四	上	尺	上	尺	上	尺
六	尺	尺	尺	上	尺	工	尺	上	四	尺	上	尺	上	尺	上
尺	上	尺	上	四	尺	上	尺	上	四	尺	上	尺	上	尺	上
尺	上	尺	上	四	尺	上	尺	上	四	尺	上	尺	上	尺	上

7° - KIM-TIÊN.  
26 nhíp.

### 七 金錢 二十六拍

五	六	尺	工	六	五	任	五	六	六	尺	工	六	工	尺	上
上	尺	上	工	尺	存	六	尺	六	六	工	存	六	尺	工	尺
六	工	尺	上	尺	上	工	尺	上	尺	存	尺	工	尺	上	四
尺	上	四	上	尺	上	尺	上	尺	上	尺	上	尺	上	尺	上
上	尺	工	尺	上	四	尺	上	尺	上	尺	上	工	尺	上	四
尺	上	尺	上	四	尺	上	尺	上	尺	上	工	尺	上	尺	上

8° - XUÂN-PHONG  
10 nhíp.

### 八 春風 十拍

合	四	合	上	四	上	尺	工	尺	六	工	六	六	四	尺	上
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

合四 合 合 上四				上四 合 六尺六				六尺六 上四 上					
90° - LONG-HỒ 7 nhíp.													
五六工 六 工 尺上				尺六 上				工 尺 工 五六工 尺六					
工 尺 上 尺六 上													
100° - TÀU-MÃ. (1) 34 nhíp.													
尺上四 上 合 四 上				四 上				工 尺 上 尺四 上 合					
四 上 四 上				四 合				六 工 工 六 尺 六 工					
尺 上 四 上 尺				上 尺				工 存 六 工 尺 上 尺 六 工					
五 六 五 仕 五 尺 上				上 尺				五 六 五 六 工 尺 上 尺 工					
尺 六 尺 工 尺 上				工 上				六 尺 六 工 六 工 尺 上					
尺 上 四 上 尺 存 六				尺 六				尺 工 尺 上					
工 上 工 上 工 尺				尺 六				尺 工 尺 上					

Mười bản tàu là những bản đơn khi đi hầu Ngự. Về điệu khách cho nên kêu là tàu.

Đờn mười bản tàu, hễ đến Xuân-phong Long-hồ, thời đờn cho mau một chút.

rời qua Tàu-mã thời phải đờn mau. Nhíp Tàu mã tuy là nhíp một, mà phải một lấy một nhíp mới hay.

Bản đờn Nguyệt, đờn Tranh, cả khách cả chậm, cả nam chi cũng còn nhiều nữa.

(1) Bản Tàu-mã nguyên tự bản Cổ bản dịch ra, mà bớt đi nửa nhíp.

mà quyền này lục chưa hết. Đợi quyền  
nhi rồi lục thêm.

Quyền nhì lại có lựa bài ca xưa nay  
mà lục vô nữa. Lại có thêm bài ca mới  
nói về Nam-sử, hoặc là địa-dur, hoặc  
là người danh-tiếng trong nước, hoặc  
là sĩ. nông. công, thương, hoặc là cách  
phong-lưu tài-tử. để ca thời lễ cũng có  
ích.

Còn bản đờn Tỳ xin đợi quyền sau  
sẽ hay. Vì là bản đờn Tỳ còn đờng

kiếm bản xưa chưa được. Những tay  
đờn đờn Tỳ bây giờ cũng như họ đờn  
Tranh, chẳng qua là đem bản đờn Nguyệt  
thêm bớt mà đờn đó mà thôi; chứ  
thiệt bản đờn Tỳ, chính mình tôi với các  
bạn đờn xưa, cũng còn chưa có. Nên  
phải kiếm đã, không dám sửa bậy điệu  
xưa.

(Còn nữa)

HOÀNG YẾN

Tri-huyện Bình-kê (Bình-định)

## HÙNG - SƠN KÝ - NIỆM

(Thi ca)

I

### Đề đền Hùng-vương

1

Cuộc đời từng trải mấy tinh-sương,  
Miếu tổ còn đây ngát khói hương.  
Mười tám đời truyền bia Cổ-tích,  
Hai ngàn năm lễ giấu Văn-lang.  
Sóng gợn mặt trước hồng pha biếc,  
Hoa nở đầu non trắng lẫn vàng.  
Hai chục triệu người chung giống cả,  
Thờ chung xin nhớ Tổ Nam-phương.

2

Này gương Việt-sử truyền Tiên-long,  
Trên đỉnh Hùng-sơn miếu cụ Hùng.  
Bài cũ chênh-vénh mưa nắng gió,  
Khí thiêng phảng-phất núi non sông.  
Phong-trào đã trải thời Âu-Mĩ,  
Sương-tuyết còn in giấu Lạc-Hùng.  
Khai-thác đại ghi công đức tổ,  
Kia đô Bạch-hạc nọ châu Phong.

II

### Mộ Hùng-vương

Trong khoảng thanh-minh tiết tháng ba,  
Lên thăm mộ tổ nước non nhà.  
Bốn ngàn năm lễ bao mưa gió,  
Ba thước nền xưa rợp cỏ hoa.  
Tản Đào đôi bên rồng hổ cuốn,  
Lô Thao phía trước đỏ xanh pha.  
Núi vàng con cháu ngày đông-đức,  
Được đất từ đây hẳn thế a.

III

### Vịnh đức Hùng-vương

Nhớ cụ Hùng-vương tổ chúng ta,  
Trời Nam riêng dựng cõi quan-hà.  
Trăm trai chia trị non cùng bề,  
Một mối gây nên nước ấy nhà.  
Núi-giống long-tiên chung-đức lại,  
Bản-đồ Hồng-Lạc mở-mang ra.  
Ngân thu nghiệp tổ còn lưu đó:  
Một giải non sông gấm cải hoa.

IV

### Lên đền Hùng-vương

Từng từng gào bước lên non,  
Nhìn xem miếu-mạo tôn-nghiêm khác thường.  
Rằng đây là miếu Hùng-vương,  
Ấy là thủy-tổ Nam-phương nước nhà.  
Kể từ gây dựng quan-hà,  
Đô là Bạch-hạc hiệu là Văn-lang.  
Nói truyền một mối Hồng-bàng,  
Sử xanh ghi-chép rõ-ràng còn đây.  
Bốn ngàn năm lễ tới nay,  
Con con cháu cháu mỗi ngày thêm đông.  
Đều là khí-huyết Lạc-hùng,  
Khắp Trung, Nam, Bắc cùng chung máu đào.  
Kia núi Tản, nọ sông Thao,  
Nguồn xưa gốc cũ lẽ nào dám quên.  
Nhớ xưa công-đức tổ-tiên,  
Cùng nhau sửa lại miếu đền thờ chung.  
Tấm thiêng tạc với non sông,  
Vẻ-vang núi-giống tiên rồng từ đây.  
Ai ơi xin nhớ lời này !

Thái-phong Vũ KHẮC-TIỆP.

# SỨ-HOÀ NHÂN-VĨNH

(Dịch thơ triều Lê)

## TỰA

Lời-lẽ là văn của con người ta, thi-ca là văn của nhà có học. Vậy làm người mà không biết cách nói truyện thì thô-bỉ mà không có duyên, đi học mà không có văn thơ thì thật-thà mà không có lý-thú; mới biết rằng văn-chương tô-điểm được cho cách nói, trang-sức được cho vẻ người, bất-cứ về thời-đại nào, quốc-giới nào, cũng lấy nhà văn-thơ làm trọng, vì cốt-cách tinh-thần, lý-tưởng cao-thượng, đều ngụ ở trong văn-chương cả.

Nước Nam nhà xưa nay quốc-văn như cụ Hàn-Thuyên, từ-trát như ông Bổng Quận, về trung gian này, những bậc cao-sĩ như ông Quát, ông Nhạ, quan nghề Yên-đồ, quan nghề Văn-đình, các bà văn thơ như bà Đoàn Thị-Điểm, bà huyện Thanh-quan, thị Hồ Xuân-Hương, đều là bậc văn-chương có danh-tiếng cả.

Các nhà biên-thuật ngày nay đã đem lòng khảo-cứu, hoặc đăng vào báo, hoặc in thành sách để giữ lại văn-thê nước nhà, truyền lại tinh-thần các cụ, thực là có công với hậu-học, với tiền-nhân, song hiềm vì quốc-văn của các cụ thì ít, mà hán-văn của các cụ thì nhiều, chưa thấy ông nào rời đến việc diễn-dịch để còn lại một hai phần phong-vị lý-thú của hán-văn trong ngày mai-một, tiếc lắm thay! Hán-văn ma dịch sang quốc-văn, âm-luật tuy không giống cả, nhưng tinh-thần cũng có thể phảng-phất được một hai, huống chi là những ông có tài về quốc-âm mà để khuyết-điểm về một phần ấy, thì chẳng hóa ra những lời kinh-nhân, những câu tuyệt-bút của các bậc tiền-bổ, chẳng thiệt-thời cho tai mắt các người hậu-sinh lắm ru.

Dịch-giả chúng tôi có lạm-tưởng đến một chút ý-kiến nông-gần ấy, mới tìm lục được tập thơ «Sứ-Hoà nhân-vĩnh», nguyên thơ này là của một ông hội-nguyên đình-giáp, làm quan Hộ-bộ Tả-thị-lang triều nhà Lê, trong khi vâng mệnh vua sang sứ nhà Thanh, bắt đầu đi từ kinh-đô Hà-nội đến Yên-kinh nước Tàu, phàm qua các núi sông lớn, nơi thắng-cảnh, chốn phồn-hoa, hoặc thổ-sản, nhân-vật, phong-tục, thành-trị, đều có hứng tình ngâm-vịnh, trên tả-cảnh, dưới vịnh thơ, biên thành một tập «hành-trình dã-lục», trong có 136 bài tả cảnh và 136 bài thơ, câu câu nhả ngọc, lời lời gấm thêu, đủ cả giọng tài-hoa, lời trung-hậu, thể văn phép-tắc, ý-từ cao-xa, đọc đến thơ khiến cho người ta động tứ phong-vân, sinh lòng cao-tưởng, không kém gì tập di-cảo của ông Tùng-Tuy, tập chiến-đường của ông La-Thuận, các tay danh-bút bên Tàu cũng có dấu phê ca-tung cả.

Nay chúng tôi cứ theo nguyên-bản dịch ra để gọi là làm một chút khiến-hưng cho các đồng-nhân trong khi nhàn-lắm, họa có bề-ích cho văn-giới, có di-dưỡng được tinh-tinh ít nhiều gì chẳng. Song tôi chắc rằng trong khi diễn-dịch còn nhiều chỗ thô-lược, nhiều câu mờ-mãng, cũng không dám nói đã vô-tội với tiền-nhân, nhưng vì đã vui lòng khảo-cứu, nên không dám tiếc ngọc bút han, giấu lời ngong-nghịu, liền đem vánh tai điếc mà ngọc-ngác với trong lúc sấm ran.

Đang lúc cỡi học thực-hành mà chúng tôi đem văn thơ ra diễn-dịch, khác nào mang đồ hàng hoa bày vào trong cửa hàng thêu khảm, còn có ích gì. Nhưng nghĩ lại, văn thơ mà có lý-tưởng cao xa, thì nung nấu óc khôn, tưởng cũng bỏ cho một phần thực-học, sĩ-phụ đã sẵn lòng cao-hưng thì thời giờ nhàn rồi, ai là chẳng thưởng-thức đến văn thơ, xin các ngài độc-giả có lòng yêu-mến, xem đến sách này, hoặc có chữ nào đại-dột, nghĩa nào thiếu-thốn, các ngài bình-phẩm thêm cho, để bỏ vào những chỗ khuyết-điểm của chúng tôi, thì thực là may-mắn lắm.

Nay tựa

Lương-ngọc Vũ Bích

## 1. Bài khởi-hành Lên đường tự - thuật

Khi ngài phụng-mệnh vua, sang sứ Tàu, trời vắng-vắng, gió hiu-hiu, nước non trang-diêm, một màu thanh-thu. Khi bấy giờ, vua sai mở tiệc tiễn-hành, bên thành Thăng-long, văn - vũ trăm quan, đều đông mặt cả, ca thơ Nhã, tấu nhạc Thiệu, tiệc yến rất là sang-trọng, ngài đã bãi - tứ rồi, bãi - mệnh rồi, cờ pháp-phối, ngựa ruồi-giong, qua bến Đông-tân, sang đường Kinh-bắc, hồi-đầu lại trông về Đế-khuyết, tắc lòng thần-tử, gang thước uy trời, nhớ khi tiệc yến tiên-đài, đượm trong tay áo những mùi thiên - hương, roi câu khi đóng dặm trường, kỷ - hành có thuật thi-chương một bài :

Bãi tiệc Đông-tân sắp sứ-thiệu (1),  
Trời thu vắng-vắng gió hiu-hiu.  
Bên tai phảng-phất khi ca Nhã (2),  
Giấc mộng triền-miên lúc tấu Thiệu (3).  
Cỡi Bắc thẳng rong chân ngựa ký,  
Ai Nam xa chỉ ngọn cờ mao.  
Tang-bồng đã thỏa lòng nam-tử,  
Vội lại thiên - hương được áo triều.

## 2. Cảnh cảnh phố Thanh-sơn (tức là phố Suối-hoa bấy giờ)

Đi từ trạm Phù-lưu, qua phố Thanh-sơn, trời hầu tối, nhật xế tà, hơi may hiu-hắt, bóng hoa lờ-mờ, non xanh còn đỏ tro-tơ, phồn-hoa vẽ cũ bấy giờ là đâu? Đương lúc ấy ngài trông thấy cảnh đã động lòng thương nay nhớ xưa, lại nghe thấy năm ba tiếng địch, véo - vót bên tai, như gọi lòng tha-hương lữ-thứ, vậy dừng chân lại mà vịnh mấy câu :

Gần hôm gió thổi, bánh chinh-xa,  
Qua phố Thanh - sơn trấn Bắc nhà.  
Làng xóm trông thưa hơi khói lửa,  
Đình-dài nghe vắng tiếng cầm-ca.

Chất-chiu đàn én bên ly-lạc,  
Lơ-lửng tầng mây ngọn thảo-hoa.  
Mục-dịch đường về thu chẳng oán,  
Vo-ve như giục bóng dương tà.

## 3. Khiên-hứng trong khi đi đường

Đi từ trạm Thị-cầu sang phủ Lang-giang, gặp lúc cuối thu đầu đông, trời khô tạnh, gió diu-hiu, lúa má thấp cao, cỏ cây tươi tốt, mây đầu núi xanh-xanh một sắc, nước dòng sông biể-biểu ngàn trùng, đường đi bốn mặt xa trông, xui nên lữ-khách trong lòng thành-thời, nhân khi khiên - hứng đề bài :

Roi câu nhè-nhe bước lên đường,  
Tiết-hậu vừa nay lúc tiêu-dương (4).  
Năm bảy dặm cây màu nhiễm lục,  
Trăm nghìn khu lúa sắc phơi vàng.  
Mây lồng xanh ngắt non Vân-lĩnh (5),  
Nước chảy trong veo dải Nhật-giang (6).  
Chỉ-điểm Nam-quan đường chữa nửa,  
Chinh-bào đã thấy đượm mùi sương.

## 4. Đêm ngủ xã Thượng-cương

Đi tự đồn Tân-lệ, đến xã Thượng-cương, sông Hóa-giang, mặt trời khi đã vàng vàng xế tây. Đêm hôm ấy, khi mây mờ-mịt, gió rung cây lác-đác lá rơi, đầu non sương tuyết bay hơi, trống còi lầu thú hồi hồi nghiêm canh, khi bấy giờ ngài tựa bóng đèn, ngồi đợi sáng, mặt dầu hơi gió, áo đượm mùi sương, nghĩ mình vắng mệnh quân-vương, dẫu rằng gian-khổ trăm đường quân chi, dưới đèn tả bức ca thi :

Đi tự Tân-dồn đến Thượng-cương,  
Trời tây khi đã bóng tà - dương.  
Mịt-mù nghìn núi lồng mây hắc,  
Lác-đác muôn cây rụng lá vàng.  
Trống điểm thú-lâu khuya lặn nguyệt,  
Cờ bay sứ-tiến sớm tan sương.

(1) Xe quan sứ đi. (2) Thơ ca là Chu. (3) Nhạc vua Thuấn. (4) Là tháng mười. (5) Núi Bái. (6) Sông Thương.

*Bắc-môn* <sup>(1)</sup> ai ấy đừng than thở,  
 Tự trước làm trai chỉ bốn phương.

### 5. Đường đi núi

Hai bên đường, núi như úp bát, đá  
 khắp-khẽnh, cỏ um-thùm, khe lạch  
 loanh-quanh, khói mây mờ-mịt, đường  
 đi gian-hiêm, cò tinh biến sắc, ngựa sắt  
 chồn chân, khi sắp đến Lạng-thành, tỉnh-  
 quan ra đón vào sứ-quán nghỉ chân, đề  
 đợi giấy Yên-kinh, rồi mới vượt sang  
 Nam-ái. Trong khi ấy có vịnh một bài :

*Đường đi gian-hiêm nửa tuần linh,*  
*Đá vẫn tri-tri một tiến trình.*  
*Gió thổi phi-phù dúi mái tóc,*  
*Sương bay toi-tả một lều tranh.*  
*Chồn chân thiết-ky nơi sơn-lộ,*  
*Tin dấu đồng-ngư lũ thổ-bình.*  
*Chờ đợi thiên-thư Kinh-bắc đến,*  
*Chinh-tiên tạm nghỉ quán sơn-thành.*

### 6. Giếng đá Tiên-tuyền

Quả núi phía tây-nam thành tỉnh  
 Lạng có một hòn đá to, ngang dọc độ  
 hơn chiếc chiếu, ở lĩ đá rí ra một mạch  
 nước vừa một vốc tay, suốt bốn mùa  
 không bao giờ cạn, về nước trong, mùi  
 nước ngọt, so với thứ nước của Lục  
 Hồng Tiệm pha chè, lại có phần hơn ;  
 người ở đây khách đi qua, uống nước  
 vào, thì không lo khi độc nữa, tục gọi  
 giếng ấy là giếng tiên, khi ngài chơi  
 đây có đề một bài :

*Giếng đá thành Sơn quả núi tây,*  
*Khơi đào con tạo khéo ra tay.*  
*Mạch thông kẻ đá tư mùa chảy,*  
*Nước vũng sườn non một vốc đầy.*  
*Nhấp dòng du-nhân tiêu khi độc,*  
*Rửa trần thiên-khách giải lòng chay.*  
*Biết mùi vị gập tay Hồng-Tiệm <sup>(1)</sup>,*  
*Suối ngọt Chung-nam <sup>(2)</sup> chứa dề tây*

### 7. Đền đồng Tiên núi Pha-sơn

Ở mé nam thành giữa đồng mọc một

quả núi cao, lưng-chùng núi khai một  
 cửa đồng rộng-rãi lắm, chứa được đến  
 nghìn người, trong cửa đồng nhũ đá  
 rủ xuống như cánh hoa sen, ngoài cửa  
 đồng núi nhỏ san-sát bày hàng như  
 chông vung úp bát ; song cao cửa rộng,  
 khói phủ mây lồng, chẳng khác gì một  
 cảnh non bồng vẩy, tục gọi đồng ấy là  
 đồng tiên,

*Trong núi Pha-sơn một đồng tiên,*  
*Cổ hoa cây đá cảnh thiên-nhiên.*  
*Bình-phong dựng trước muôn tầng gấm,*  
*Thạch-nhũ treo cao vạn đoá sen.*  
*Cửa đồng thoáng bay hơi cát bụi,*  
*Song cao quần lộn bóng vân-yên.*  
*Lạc-sơn nhân hứng dong chơi khắp,*  
*Ngõ quán huyền-đó dưới cửu-thiên.*

### 8. Đền hòn đá vọng-phu

Ở phía tây-bắc thành, trên núi mọc  
 một hòn đá, lưng tựa về nam, mặt trông  
 về bắc, xa trông như hình người đứng,  
 tục truyền là hòn đá Tô-thị trông chông  
 hóa ra. Tô-thị là vợ Đậu-Thao, khi chông  
 phải đi thù Trương-dương, trong lòng  
 thương nhớ, có dệt ra một bức hồi-văn  
 bằng gấm, để nói tâm-sự mình, trong  
 có câu rằng :

« *Chàng nay nhớ thiếp nặng bằng dòi,*  
 « *Thiếp cũng thương chàng chẳng lúc người.*  
 « *Dệt nên một bức dâng trời cỏi,*  
 « *Xin thả chông tôi về với tôi. . . »*

Khi ngài trông thấy mảnh đá có ý-  
 vị, có tinh-thần, mới động lòng thương  
 người chinh-phụ, mà vịnh nên một bài:

*Đầu non ai tạc đá cương-thường,*  
*Dấu cũ trông chông thú viễn-phương.*  
*Lưng dựa trời nam bao ngọn núi,*  
*Mặt trông ải bắc mấy ngàn sương.*  
*Mưa rơi hòa-lệ <sup>(3)</sup> chiều thê thảm,*  
*Gió thổi đải-y <sup>(4)</sup> dáng võ-vàng.*

(1) Thơ than việc vua vất vả.

(2) Hồng-Tiệm là người nhà Đường biết phân-biệt vị nước tinh lắm.

(3) Chung-nam là suối nước ngọt nhất.

(4) Hoa-lệ là nước mắt hoa.

(5) Đải-y là mảnh áo rêu.

*Một mảnh tro-tơ vẫn chẳng chầy.  
Nghìn thu nữ-giới để làm gương!*

### 9. Động Tam-thanh

Bên đầm phố Khe-lừa có một quả núi đá, lẫm vể xinh tươi, nhiều bề thanh-lich, nhìn như thợ trời đã gia công tác-tạo, mà gây nên một cảnh non bằng vậy. Trong núi có một động, cửa rộng hai ba mươi thước, bên trên có nhũ xuống những song mây nhũ đá, lỏng-la lỏng-lánh như ngọc truốt vàng tó, bốn bên lại tựa như lát bằng cẩm-thạch, vân đá trắng tinh, thanh-quang sạch-sẽ. Trong cùng động lại có thờ Phật, nhân đề tên động là động Tam - thanh. Những lúc đèn hương lễ - bái, mà rung chuông gõ khánh, thì tiếng đồng tiếng đá chen nhau mà vắng-vắng xa đưa, cùng mùi hương mùi sạ, hơi bay phảng-phất, dường như gọi tỉnh hồn mơ trần-thế, theo luồng gió mà chút sạch trên không. Thế cho nên văn-nhân tài-tử đến thăm cảnh đó đề thơ rất nhiều. Thật là một nơi thắng-cảnh cõi Việt-Nam. Vậy ngài cũng có vịnh một bài:

*Thơ trời khéo khéo tạc bầu tiên,  
Nhũ đá song mây cảnh tự-nhiên.  
Bốn vách treo-leo bình Cẩm-thạch,  
Một hồ trong sạch đất Kim-liên,  
Tiếng chuông gọi tỉnh mơ trần-thế,*

*Mùi sạ bay tan khi chuông-gần.  
Danh-thắng địa-dư ba-sáu động,  
Ai đi một đến cõi Nam-thiên.*

### 10. Phố Khe-lừa

Ở mé bắc thành, cách sông độ hơn mười dặm, mở rộng đường quan-lộ. Hai bên phố-xá đông-dúc lẫm, nguyên đây có cái chợ rất to, buôn bán đông-dúc, thuyền bến xôn-xao, khách ở Lương-Quảng có sang buôn bán ở chợ này nhiều, đem bán nhiều đồ hàng như là gấm, vóc, nhung, the, lụa, là, gĩa, nỉ, bát, đĩa, chóc, bình, nhung, sảm, quế, phụ, vân vân. Còn các phần người Nam ta thì đồ ăn thức dùng, sơn-hào hải-vật cũng đủ mọi thứ. Người đi kẻ lại, ngựa ruồi xe qua, ồn-ào sớm tối, thật là một chốn danh-trường lối-thị vậy. Ngài qua đây có vịnh một bài:

*Xôn-xao lối-thị với danh-trường,  
Thắng-hội Khe-lừa nhất một phường.  
Văn-vẻ gấm thêu chen mặt phố,  
Lối chân xe ngựa rộn bên đường.  
Đông tây vận-tải muôn hàng-hóa,  
Nam bắc giao-thông vạn khách thương.  
Nhân-chính vua ta Mừng Mãn khắp,  
Núi khe chẳng hạn chốn cùng-hoang.*

(Còn nữa)

Lương-ngọc Vũ-Bích dịch

## TIÊU - THUYẾT

MỘT BỘ TIÊU-THUYẾT CỔ CỦA NƯỚC NAM

Linh-nam dật-sử

嶺南逸史

(Truyện từ đời nhà Lý, nguyên chép bằng chữ Hán, của người Hán tên là MA VĂN-CAO, người đồng Dịch-sơn ở Đà-giang soạn, ông Chiêu-vân-vương TRẦN NHẬT-DUẬT nhà Trần dịch ra chữ Hán, ông Hoài-văn-nhau TRẦN QUỐC-TOÀN hiệu-chính lại, và ông THUÔNG HÁN-SIÊU phê-bình thêm).

### Lời tiểu-dẫn của người dịch

Dật-sử này là một bộ thuyết-văn tối-cổ của nước Nam ta. Nguyên chủ-não trong truyện này là một người họ Hoàng ở Phong-châu thuộc Phú-thọ, mà dẫu du-lịch lại qua tới Lương-Quảng; biên-lập ra truyện này là một người họ Ma ở Đà-giang tỉnh Bờ, mà bút ký-sự lại dùng nhiều tiếng thổ mán. Xét thời-đại truyện này khởi-phát ra là tự đời Lý Nhân-tôn (1073), ngang với đời Tống Thần-Tôn bên Tàu, thực là một truyện thuộc về thời-đại tối-cổ. Đến đời Trần có ông Chiêu-văn-vương Nhật-Duật 昭文王 日燾 am-hiền tiếng thổ tiếng mán nhân khi đi đánh Giốc-Mát ở Đà-giang gặp được Ma Văn-Khái là trưởng đồng Dịch-sơn đem quyền nguyên-văn Dật-sử này là của ông tổ ngũ-đại soạn ra, tặng cho ông Nhật-Duật. Ông xem ra thời thấy chữ viết chi-ly, tiếng nói liu-lo, mà vẫn rất khúc-chiết, sự rất ly-kỳ, bèn dịch ra Hán-văn, song những tiếng thổ-âm dễ hiểu, ông vẫn để lại làm dấu tồn-cổ. Lại có ông Hoai-Văn-hầu Quốc-Toàn 懷文侯國瓚 hiệu-chính, ông Trương Thăng-am Hán-Siêu 張升庵漢超 phê-bình. Đó thực là truyện đời Lý mà văn đời Trần, người nước Nam mà qua đất Bắc, chính là xứ Lĩnh-nam nguyên thuộc về đất Nam-Việt ta khi xưa, nên mới gọi là « Lĩnh-nam dật-sử », thế thời bảo bộ dật-sử này chính là bộ thuyết-văn chép những sự di-dật của nước Nam ta cũng phải.

Hưởng chi trong truyện kết-cấu lại còn lắm người trai trung, gái hiếu, chồng nghĩa, vợ trinh, nữ-tử mà anh-hùng, nam-nhi mà hào-hiệp, không biết bao nhiêu là nghĩa là tình, diễm ra lắm trò hoạt-kịch, quái-kịch, bi-kịch, tráng-kịch, văn-chương thực là ly-kỳ biến-hóa, càng biến-hóa lại càng tân-kỳ, không kể sao cho xiết !

Tôi vốn có ý kê-cửu về các truyện thuyết-văn nước Nam nhà, như những truyện đức Trần Hưng-Đạo, vua Lê Thái-Tổ, vân vân, nay lại được quyền này cũng là một truyện cổ-tích nước Nam, nên vội dịch ra đây để truyền-bá cho được phổ-thông, không những là biết được sự cổ-tích nước Nam nhà, mà lại biết được địa-giới châu Giao châu Quảng xưa kia vốn là một nước.

Còn như truyện dật-sử này truyền tin hay là truyền nghi, thời trong bài tự của ông Trần Nhật-Duật đề đầu sách này đã nói đủ cả, sẽ dịch như sau này.

Đông-châu NGUYỄN HỮU-TIẾN  
cần-chỉ

### Tựa của Chiêu-văn-vương.

Sử-ký là một thể thuyết-văn đề ký-sự, có sách quốc-sử, có sách dã-sử : Quốc-sử chép những sự thực-lục các triều, dù mà không nhảm, kỹ mà có thể, thực là hay lắm. Sách dã-sử chép cả những sự kể hiên người gian ở chốn ngõ hẻm, quân cướp kẻ trộm ở chốn sơn-lâm. Xưa nay làm ra sách ấy cũng nhiều, song phần nhiều là lời hủ-sáo, sự hoang-đường, cầu lấy một quyền sách tân-kỳ dị-dạng mà lắm truyện biến-ảo vô-cùng. thời thực là hiểm-có vạy.

Ta sinh gặp đời thịnh, thác ảm cảnh

vàng, học-tập Thi-Thư, vốn cũng có chút thiên-tính, ngoài sự thực-học ta có xem khắp cả các sách ngoại-thư; đến cả tiếng mán tiếng mè, chữ mừng chữ thổ, cũng xem hiểu được cả. Đương thời các bậc danh-công cự-khanh, hiên-nhân quân-tử, thường cười ta là vu-khoát, ta cũng chẳng cãi lại làm chi, chỉ một niềm nhần-nại, cốt giữ chí-thảo cho bền mà thôi.

Tháng mười năm canh-thìn (niên-hiệu Thiệu-bảo thứ hai đời vua Nhân-tôn nhà Trần, tức là năm Chi-nguyên thứ 17 đời nhà Nguyên, lịch tây 1200), vì trong nước nhiều việc, kẻ đầu-mục

thò-tù ở Đà-giang tên là Giốc-Mật làm phản, vậy có tờ chiếu cầu kẻ thông-hiệu tiếng mán để sai đi hiệu-dụ. Xét tất cả các quan trong triều và các hàng tướng-tá khó tìm thấy được một người, bởi vậy ta được ứng-tuyển, trên nhờ có thiên-uy đem tờ minh-chỉ đi hiệu-dụ. Giốc-Mật thấy ta nói được tiếng mán, hiệu được phong-tục của họ, và lại thấy ta có bụng truân-thành nghĩa-khái, bèn đem cả quân-chúng về đầu hàng. Sau khi sự đã yên rồi, ta vẫn lấy lòng tin-thực tiếp-đãi, cho nên thường cùng với Giốc-Mật đi lại vào mãi trong sào-huyệt các đồng, tù-trưởng trong các đồng đều theo về hàng-phục cả, vậy ta phải miệng nói tiếng mán, mũi uống rượu cần, suốt ngày thù-tạc với bọn tù - trưởng không lúc nào rời. Đến khi ta sắp sửa phụng-chiếu ban-sự, trước khi ra về, Giốc-Mật có bày tiệc tiễn; trong khi tiệc rượu, trưởng đồng Dịch-sơn là Ma Văn-Khái 麻文概 (tục - danh Mường Cầm) có đem ra một quyển sách của ông tổ năm đời là Ma Văn-Cao 麻文高 soạn ra, đưa tặng cho ta, ta nhận lấy xem, thời thấy chữ viết chi-ly, lời nói liu-lo, xét cùng ra mới biết là văn rất khúc-chiết, sự rất dị-kỳ, không kể sao cho xiết, mà chủ-não trong truyện này là người thôn Đào-hoa, quận Thanh-sơn, châu-Phong tên là Hoàng-Quỳnh. Ta được quyển này lấy làm quý báu lắm, đem về dịch ra chữ Hán, đặt nhan là *Linh-nam dật-sử*. Ôi! Văn-chương quý-hồ biến-hóa, có biến-hóa thời truyện mới tân-kỳ, vẫn trong dật-sử này ly-kỳ biến-ảo, không biết là mấy nghìn vạn trạng: xem như có người con gái mà anh-hùng, mà trung-hiếu, mà nghĩa-hiệp, mà hùng-đam áp-chúng, mà tri-tuệ kinh-nhân; tuy rằng truyện không lấy gì làm chứng-thực cho tin được, song thiên-biến vạn-hóa như truyện *Dật-sử* này tài nào lại không có sự hoang-đường, nếu đem truyện

lại về sau, tất cũng có người cho lời nói ta làm không lầm vậy. Nay tự:

Ngày tháng chạp niên-hiệu Hưng-long thứ năm, năm Đinh-tị (1297)

Quốc-thần Chiêu - văn - vương NHẬT-DUẬT viết bài tự này ở mái tây-hiền nhà vương-đề.

### HỒI THỨ I

Hoàng Phùng-Ngọc trên tiệc vịnh thơ,  
Thạch Thuyền-sư, trong chùa tặng chú.

Xưa nay có sách chính-sử thời tất có sách dã-sử, sách chính - sử truyền sự tin không truyền sự nghi, dã - sử thời truyền sự tin mà truyền cả sự nghi và truyền cả sự di-dật; cho nên những sự tai nghe mắt thấy chép ở trong chính-sử ai cũng biết thời không lấy gì làm lạ, còn những việc tai không nghe mắt không thấy, nếu chợt nghe thấy thời đều lấy làm kinh - dị bảo rằng tự người sau bịa đặt ra, không biết rằng thực cũng là việc tai nghe mắt thấy thật, những người không tin là chỉ vì tai mắt mình có chùng-hạn không biết đến đó mà thôi. Như là ông Đại-Vũ có dựng cái bia ở núi Cầu - lũ chép những việc thần-quái, ông Chu - tử đến tận nơi tìm không thấy, rằng không có việc ấy, kể hiệu-sự bịa ra đó mà thôi. Đến năm Gia-dinh đời nhà Tống, có kẻ tiều-phu đưa người lấy giấy in vào Thục đến tận chỗ bia, học khắc đề ở mặt bia được 72 chữ, còn khắc đề ở quán Qui-môn. Thế mới biết những việc kỳ - quái trong thiên-hạ không có người nói ra thời không tài nào mà biết được, nếu nghe nói những việc tai mắt mình chưa từng trông thấy bao giờ cũng không thể bảo rằng không tin được. Hưởng chi ngoài chính-sử lại còn có *phủ-chí, tỉnh-chí, huyện-chí, La-phủ-chí, Xích-nhã ngoại-chí*, cũng trường chép cả, và những

bạc dã-nhân cổ-lão cũng nghe thấy cả, thế thời ai muốn biết những sự tân-kỹ, đều nên tin rằng chính - sử tuy không có chép việc ấy mà dã - sử thời có chép đủ cả vậy.

Nội về triều nhà Lý đời vua Nhân-tôn niên-hiệu Thái - ninh thứ hai năm qui-sửu (năm Hi-ninh thứ 6 đời vua Thần-tôn nhà Tống, lịch tây 1073). Ở đất Lạc-thành châu Phong phủ-ly Hạc-sơn quận Thanh-thủy có làng Trinh-hương, cách về phía đông độ 50 dặm có thôn Đào-hoa, bốn mặt đều non khu cao núi hiểm, ở giữa có khu đất phẳng, cây cối xanh um, suối chảy róc-rách, nước trong như lọc, dân-cư có chừng độ mười nóc nhà, đều dựa núi trông xuống nước, trồng các thứ cây : đào, liễu, trúc, mai, sâm-si tươi-tốt. Gặp buổi trời xuân mát-mẻ, chim kêu riu-rít, ông già con trẻ đi lại vui chơi, có cái cảnh-tượng như cảnh Đào-nguyên khi xưa, cho nên cũng gọi tên là đồng Đào-nguyên. Người làng có độ mười họ là : Hoàng, Trương, Tiêu, Dương, Đinh, Bạch, Lư, Hứa, Hà, Tạ, Quách, Ma, Nùng, đều là người chân-thành phác-thực, chỉ chăm cày ruộng đọc sách, chẳng ham chi sự hư - danh. Thường thường trong thôn những lúc tiếng gà tiếng chó êm-dềm, vắng-vắng nghe tiếng học tiếng đàn như rót vào tai. Thực là :

Riêng một non sông cõi thái-bình,  
Danh không đua-đả lợi không tranh.  
Cành gà gáy nguyệt trời xuân vắng,  
Dịp sáo đồn hoa ngọn gió thanh.  
Riu-rít cảnh chim đua gọi bạn,  
Êm dềm giắc bướm lặng thâu canh.  
Đào-nguyên có phải là đây tá ?  
Tiên-cảnh này xem lắm vẻ xinh !

Nay nói về họ Hoàng trong thôn ấy có một người tên Hoàng Quỳnh tên tự là Phùng-Ngọc, tự thừa nhỏ thông-minh đỉnh-ngộ, không sách nào là không xem, từ - phú thi - ca lối nào làm cũng hay, và lại thần - lực trời phú cho rất khỏe, múa đôi gươm

rất tài, tự đời tổ truyền lại có một đôi long-toàn bảo - kiếm, hễ khi nào Phùng-Ngọc múa lên thời lúc mới trông như đôi con rồng trắng uốn-éo lượn - lội, đến lúc múa cực nhanh, thời như là trời đổ mưa tuyết trắng xóa, không trông thấy gươm và cũng không trông cả thấy người. Cha là Tư-trai, yêu giấu con như báu ngọc, lại thấy con răng trắng như ngà, mắt sáng như sao, đỉnh-đặc như mảng non mới mọc, cho nên đặt tên là Quỳnh 璚 mà tự hiệu là Phùng-Ngọc 逢玉. Thực là :

*Đẹp sánh non xuân thua vẻ đẹp,  
Tươi hơn hoa sớm lại càng tươi.  
Ngọc này xin chớ coi thường vội,  
Văn võ tài đua nọ kém ai.*

Một hôm gặp tiết Trưng-dương, khi trời minh-mị, Tư - trai muốn thừa-hưng dâng-cao. Núi quanh ở đó chỉ có núi Trường - nhĩ là nhất cao cả, lên cao trông được rất xa, và lại trong núi ấy có kỳ-phong quái-thạch, cổ-tích rất nhiều, đi du-ngoạn cũng thích. Bèn sai tên kiện-bộc là Hoàng-Hán đem tráp trâu hồ rượu theo hầu và dắt Phùng-Ngọc cùng đi chơi, quanh-co trông núi Trường-Nhĩ mà đi lên. Núi ấy cao trót-vót, tự chân núi đến đỉnh núi bích-lập ngất trời, cao xa đến bốn năm dặm, ba người vin mây rẽ sắn, theo con đường nhỏ mà đi lên, thực là :

*Núi cao ngất trên đầu,  
Mây bay quanh dưới gối.*

Ba người đứng trên đỉnh núi, trông xem một hồi lâu, rồi đi vòng quanh các nơi danh-thắng như là đồng Đường-vương, đền Chân-võ, hang Hàn-bà, du-lich xem qua một hồi, rồi trèo lên đỉnh núi Phụng-cốc trông xem suối bộc-bổ chảy nước toé ra trắng xóa như trăm trượng lụa, lại đến xem hòn đá bàn-cờ, thường-ngoạn một hồi lâu, mặt trời đã xế trưa, bèn qua đến chùa Quảng-phúc để nghỉ. Khi mới đến cửa chùa, thấy

trong chùa, trước toà tam-bảo thờ Phật thấp một đôi nền cực to, bày vô-số các thức phẩm-quả để hiến cúng; lại có các vị sư ngồi la-liệt hình như có việc gì; dưới đây hành-lang lại có mấy ông kỳ-lão mũ áo ngồi chính-tề; nhìn vào trong thấy có một vị hình như Cồ-khê Tăng tiên-sinh, ý chừng chú-sư ở trong đó bày tiệc tết Trùng-dương, vào nghỉ có lẽ không tiện, Tư-trai vội lùi bước ra toan tháo lui, không ngờ ông Thạch-thiền-sư trông thấy, gọi to lên rằng :

— Hoàng Thái-công đi chơi đâu đó mà lại trở ra ?

Tư-trai nghe thấy gọi không hiểu là ai, bước vào vái chào chư-tăng, cười mà rằng :

— Tôi muốn vào ngoạn cảnh chùa, thấy chư-vị tiên-sinh đương bận việc phúc, sợ vào làm bận ra không tiện chăng.

Cồ-khê cười mà rằng :

— Hoàng Thái-công nhận sai đây, hôm nay là ngày lục-thập thọ-đản cụ Thạch thiền-sư, nên các anh em môn-dồ trong sơn-môn cùng lại chúc thọ, chúng tôi cũng lại chúc mừng Thiền-sư đây, không phải là bận việc phúc-đức gì cả.

Tư-trai nói :

— Có phải thế à? Tôi không được biết.

Liền gọi Hoàng Hán đem tráp lại, mở ra lấy một phong ước độ năm sáu đồng tiền bạc, nâng tay đưa đến trước mặt Thạch thiền-sư thưa rằng :

— Chúng tôi không được biết hôm nay là ngày thọ-đản Thiền-sư, nên không sắm lễ mừng thọ trước, gọi là có chút lòng thành xin Đại-lão Thiền-sư thaυ nhận cho.

Thạch thiền-sư khiêm-nhường không chịu nhận mà rằng :

— Thọ - đản bản-tăng này có kẻ làm chi, dám dẫu phiền người đem

ngân-tiền tống-lễ, nay người đã quá bước tới đây, thực là làm vể-vang thêm cho nhà chùa; còn lễ này quyết không dám nhận.

Tư-trai nói :

— Lão Thiền-sư không nhận cho, hay là ngờ rằng chúng tôi lễ-y bất-thành, vậy xin cáo-từ, để hôm khác xin lại bái-chúc.

Cồ-khê đứng bên cạnh nói rằng :

— Bác Tư-trai không nên cáo-từ, cụ thiền-sư không nên phụ tấm lòng tốt của bác Tư-trai tôi, xin cụ nhận cho là phải.

Thạch thiền-sư nghe lời nói lên rằng :

— Người đã quá trách tôi như vậy, thôi thì bản-tăng xin nhận.

Bấy giờ Tư-trai mới mừng, tới đến chỗ ngồi. Chú-tiêu hiến chà xong, Thạch thiền-sư chấp tay lên nói :

— Dám hỏi cậu nhỏ này là con người hay là cháu người vậy ?

Cồ-khê đỡ lời thưa lên rằng :

— Đây là linh-lang của bác Tư-trai tôi, Lão-sư đừng coi khinh thường, tuy rằng cậu ấy tuổi còn nhỏ, song học-lực cậu ấy không vừa, dẫu các ông túc-học danh-nho, dễ thường cũng phải thua kém cậu ta đến mấy dặm.

Thạch thiền-sư hỏi :

— Năm nay cậu đã mấy tuổi ?

Tư-trai nói :

— Cháu nó năm nay mười-một tuổi, trẻ con chốn quê-mùa học đã biết gì, bác Cồ-khê tôi tán-dương khí quá, con nhà ngu-dốt chúng tôi sao dám đơng.

Chúng-tăng đều nói lên rằng :

— Linh-lang coi người đẹp như quan ngọc, cử-chỉ đứng-dẫn, Tăng tiên-sinh khen vừa rồi hẳn không sai.

Chúng-tăng dẫu ngoài miệng nói ra như thế, song trong bụng vẫn không tin Hoàng Quỳnh là hẳn có tài học gì hay không. Nói truyện một hồi lâu, chú

tiểu bưng cổ tray ra, Thạch thiền-sư đứng dậy mời chư-vị giải-tọa, chúng-tăng nhường Tư-trai hơn tuổi ngồi trên, mời Phùng-Ngọc ngồi bên cạnh. Hai cha con Tư-trai khiêm-nhường mãi không được phải tới ngồi, chúng-tăng cùng tới ngồi chính - tề. Thạch thiền-sư trông vào Phùng-Ngọc mà rằng :

— Ngày thọ-đản bần-tăng này có dám kê vào đầu, song nghe nói lịnh-lang học rộng tài cao, xin cho bần-tăng một câu đối để nhà chùa được thêm vang-vẻ.

Nói xong liền đưa một chén rượu mà rằng :

— Xin cạn chén này gọi là đề lịnh-lang nhuận - bút.

Phùng-Ngọc đỡ lấy chén rượu để trên mặt án, trông Tư-trai mà mỉm cười, không nói gì cả. Tư-trai nói :

— Nay con, lão-sư đã yêu con mà dạy như vậy, con giấu dốt cũng không được nào, nghĩ được thế nào cứ viết ra, đã có chư tiên-sinh ngồi đây chữa cho, sau có dán lên tường nữa may ra cũng khỏi người cười dốt.

Phùng-Ngọc vâng lời, liền chấp tay hướng vào trước mặt thiền-sư mà đọc một câu rằng :

Mở cá khuya tan niềm tục sạch,  
Giáp hoa tinh đốt tuổi già cao.

Chúng-tăng thấy Phùng-Ngọc không phải nghĩ-ngợi gì ứng-khâu đọc liền ngay ra thành một câu đối mà thiết diên-thọ sáu mươi, lại thiết cảnh thọ của nhà sư, đều kinh-dị mà nói rằng :

— Lịnh-lang ít tuổi mà tài-học nhanh như vậy ; đầu tài như Lý Bật vịnh thơ, Lưu Yến hay chữ, cũng chữa được mãn-tiếp như thế.

Cổ-khê nói :

— Lúc trước tôi nói các ông hãy còn không tin, bây giờ các ông xem thế nào ?

Tư-trai nói :

— Chư tiên-sinh chớ nên khen quá,

xin chư tiên-sinh chỉ - giáo mà chữa lại cho.

Chư - tăng nói :

— Thực là văn hay không còn phải chữa gì nữa.

Cổ-khê nói :

— Lũ chúng ta chữa có câu đối nào dễ mừng, mà Hoàng lịnh - lang đã có câu đối mừng rồi, chúng ta nên nghĩ mỗi người một câu, thỉnh - giáo cụ Thạch thiền-sư mới phải. Song trông thấy châu-ngọc ở trước mặt, tự nghĩ mình kém xa, không dám thò chữ ra nữa. Vậy tôi cùng ông Xuân - Quang, ông Nhân-trai ba chúng ta cùng nhờ Hoàng lịnh-lang làm hộ cho cả, thời mới được xuất-sắc.

Phùng-Ngọc vâng lời, liền đọc ra ba câu đối :

## I

Non tiền cảnh tĩnh từng mây phủ,  
Chùa cổ sư nhân tuổi hạc cao.

## II

Niềm sạch bụi trần người tựa phật,  
Lòng say mùi đạo cảnh quên già.

## III

Bối-diệp nghe kinh đà thoát tục,  
Giáp-hoa tinh tuổi cũng chưa già.

Chư - tăng nghe thấy Phùng - Ngọc đọc liền ba câu đối, tuy chữa biết rằng hay hay không, song thấy Phùng-Ngọc có tài ứng - khẩu như vậy, thời đều kinh-phục, cùng đồng-thanh tán-dương là bậc thiên-tài. Tư-trai khoái-ý vô-chùng, song vẫn làm điều khiêm-lớn. Cổ-khê nói :

— Mấy câu đối ấy đã thắm vào đầu, các ông chữa từng biết cái tài đại-bút của Hoàng - huynh, đầu đến bài tràng-thiên đại-cú, cũng chỉ làm nhóay một cái là xong.

Chúng-tăng nói :

— Chúng tôi mới được biết Hoàng-huynh không dám phiến lắm. Cổ-khê tiên-sinh vốn là cụ-giao biết Hoàng-

huynh đã lâu, xin soạn ra một đầu bài đề Hoàng-huynh vịnh chơi cho chúng tôi được nghe nhờ thời hay lắm.

Cổ-khé nói :

— Cái đó có khó gì, mà cũng không phải soạn chi đề-mục xa-xôi, chỉ quanh các núi đây độ hơn một trăm dặm vô-số là núi đẹp, mà nhất là núi Trường-nhĩ và núi Kỳ-bàn, các bậc du-nhân đặt-sĩ đến chơi đề-vịnh rất nhiều, song không được mấy bài xuất-sắc, xin các ông cứ nhờ Hoàng-huynh vịnh tức-cảnh ngay hai núi ấy, cũng đủ biết tài Hoàng-huynh, và lại làm cho hai núi ấy được thêm vang-vẻ, không biết ý Hoàng-huynh nghĩ sao?

Phùng-Ngọc nói :

— Nếu chư tiên-sinh không cười chúng tôi là ngu-dốt, vậy xin vâng lời chỉ-giáo.

Chúng-tăng cả mừng, gọi chú tiểu lấy các đồ văn-phòng từ-bảo bày ra trên án. Phùng-Ngọc cầm lấy bút toan viết. Thạch thiên-sur cả cười mà rằng :

— Chư - vị chúng - tăng sao coi khinh-thường làm vậy ?

Chư-tăng hỏi :

— Thưa thiên-sur bảo sao vậy ?

Thạch thiên-sur nói :

— Hoàng-huynh đã làm hộ câu đối cho chư-tăng, chư-tăng chữa tạ một chén rượu nào ; nay lại khinh-dị bắt Hoàng-huynh làm thơ, thế ra người giỏi chỉ làm đầy-tớ người vụng, mà có công lại không được thưởng chút gì !

Chư-tăng nghe nói vỗ tay cả cười mà rằng :

— Thạch thiên-sur nói phải lắm !

Liên gọi chú-tiểu rót rượu dâng lại. Phùng-Ngọc nói :

— Xin hãy đề đây, tôi viết thơ xong rồi uống luôn thế, xin chư tiên-sinh hạn vắn thơ cho.

Cổ-khé nói :

— Hôm nay hội cả ở Phan-vương-cung thời bài thơ vịnh núi Trường-nhĩ xin lấy vắn *cung* ; còn núi Kỳ-bàn kia vuông như cái đài, xin lấy vắn *đài*. Song vịnh núi Trường-nhĩ sao lại lấy vắn *cung* ? vì bác Tư-traí tôi trở về đường còn xa phải ngủ lại ở chùa này, nên vịnh bài thơ này đề tỏ ý trước cùng Thạch thiên-sur vậy.

Chúng-tăng cả cười đều lấy làm phải. Phùng-Ngọc thung-dung cầm bút dấm vào nghiên lấy mực, đặt tờ hoa-tiên trên án, rồi giơ bút lên viết như long-xà phi-vũ, vụt chốc xong ngay, chư-tăng trông thấy đều ngo - ngác kinh-dị, rồi đều đứng dậy xúm quanh lại xem, thấy trên tờ hoa-tiên viết một đầu đề rằng : « *Tiết trùng-cửu ngủ ở núi Trường-nhĩ* » lấy vắn *Cung*. Thơ rằng :

*Cheo-leo non Nhĩ ngắt từng không,  
Nợ giữa lưng trời cảnh Phan-cung.  
Đỉnh Phụng chạm mây gương nguyệt*  
[chéch,

*Doanh Ngân gợn sóng khói đan xông.  
Hương bay nghi-ngút tòa sen ngắt,  
Sương tỏa thâm nghiêm cửa bụt phong.  
Đương giắc du-sơn chưa lĩnh mộng,  
Gà dâu gáy giục rạng trời đông.*

Lại bài thơ vịnh đá Bàn-cờ rằng :

*Non cao ai khéo đắp nên đài?  
Này cảnh cờ tiên cảnh lạ thay !  
Lổm-đổm diêm sao quân kẻ vạn,  
Rõ-ràng vạch đá nước chia hai.  
Được thua bày cuộc khen ai tạc,  
Cao thấp đua tài mặc khách chơi.  
Nhấn bảo cao-nhân nào những kẻ,  
Thử lên đấu trí với ông Trời.*

Chúng-tăng thấy Phùng-Ngọc viết xong hai bài thơ, chữ tốt như rồng, nét tươi như hoa, mà văn thơ lại hay, chúng-tăng chỉ nức-nở khen hoài, không ai chữa được một chữ nào cả. Tư-traí nói :

— Thạch sư-phụ tôi xin mời chư-vị ngồi lại uống rượu ; trẻ nhà quenó mới học làm cho tắc-trách đó thôi, chớ thơ từ đã hay hơn gì là mấy.

Thạch thiên-sư bèn gọi chư-tăng ngồi lại vừa uống rượu vừa xem thơ. Chúng-tăng nói :

— Chén rượu này xin mời Hoàng-huynh cạn đi cho. Bấy giờ trời đã xế chiều, chúng tôi xin cáo-từ. Tư-trai ông đường về còn xa, xin nghỉ lại ở đây cho tiện ; ngày mai trở về có đi qua tề-quán, xin mời tôn-ông và linh-lang quá-bộ vào chơi, thời chúng tôi lấy làm vẻ-vang lắm.

Cồ-khê nói :

— Thế nào cũng qua chơi, ngày mai tôi xin cắt người theo hầu.

Tư-trai vàng lời, chúng-tăng cả mừng rồi cùng đứng dậy chấp tay xin cáo-từ. Thạch thiên-sư mời lưu lại một đôi lời rồi tiễn chư-tăng ra khỏi cửa chùa tống-biệt. Thạch thiên-sư trở vào mời cha con Tư-trai đến mái hậu-hiên ngoạn-cảnh, trông lên đỉnh núi đá Bàn-cờ ; bèn sai tiểu-đồng hái thứ chè ở trên đỉnh núi ấy đem pha cho cha con Tư-trai uống, rồi bàn luận về lẽ *bất-sinh bất-diệt* của phái Phật-học một hồi lâu, thời trời vừa tối, nhà sư gọi thấp đèn dọn-đẹp rồi đi nghỉ. Ngày hôm sau thức dậy, Tư-trai cáo-từ xin về, Thiên-sư cố mời lưu lại một hôm nữa. Ngày hôm sau cáo-từ ra về, Thạch thiên-sư đưa ra khỏi cửa chùa cầm tay Phùng-Ngọc mà rằng :

— Tôi xem tướng linh-lang mi-mục quang-thái, sau này lắm duyên kỳ-ngộ, công-danh phúc-thọ không biết đâu mà lượng được. Bần-tăng có một đạo thần-chủ bí-quyết chỉ mười bốn chữ, xin đưa cho linh-lang nhớ lấy, rồi sau sẽ gặp được vợ đẹp, chớ đừng quên.

Nói rồi liền đưa ra một phong thư nhỏ tặng cho Phùng-Ngọc, Phùng-Ngọc

nhận lấy rồi cáo-từ mà trở ra về. Thục là :

*Định sẵn nhân-duyên sau sẽ gặp,  
Tặng cho thần-chủ trước làm môi.*

## HỒI THỨ II

Gặp người đẹp thăm hoa tôi chốn.  
Nghe giặc tới hóa-phép trừ-hung.

Phùng-Ngọc từ khi vịnh thơ ở núi Trường-nhĩ trở về, thanh-danh lừng-lẫy, nhiều người đến xin văn thơ xin chữ viết suốt ngày, thắm-thoắt đã mấy năm trời, một hôm Tư-trai gọi Phùng-Ngọc bảo rằng :

— Cô mày từ khi thiên-cư đến ở Tùng-hóa, thường có thư-tin gửi về, mười năm nay không có tin-tức gì cả, không biết tình-cảnh ra làm sao, nghe có hai thằng con hư lắm, cô mày thường uất lên vì con. Ta muốn cho mày đi thăm cô xem để khỏi lòng ta áy-náy, ý mày nghĩ sao?

Phùng-Ngọc thưa :

Cha đã dạy, con xin đi ; con nghe gần đó có núi La-phù là nơi cổ-tích tự đời nhà Đường, có 432 ngọn núi, hơn 980 suối nước bệc-bổ, ở trong có nhà ngọc quýnh, đài ngọc dao, bếp luyện-đan, lò nấu thuốc, thắng-cảnh rất nhiều, con muốn qua chơi một lần, để cho thoả chí, cha nghĩ có nên cho con đi tới nơi ngoạn-cảnh chăng ?

Tư-trai nói :

— Đi chơi ngoạn-kỳ lắm-thắng, là về phần người cao-nhân chí-sĩ, sao lại không nên. Chớ như con đâu còn xanh tuổi còn trẻ, sợ không quen những sự mạo-hiêm đấng-nguy được chăng ?

Phùng-Ngọc thưa :

— Xưa kia Lý Tồn-Húc mới 12 tuổi, mà đã theo cha đi đánh phá được

Vương Hành-Du, hiển-tiếp về chốn kinh-dô ; Khấu Bình-Đà mới lên tám tuổi, mà đã lèa chơi núi Hoạ ngâm thơ, không sợ gì nguy-hiêm. Huống chi con nay đã 16 tuổi, dẫu không dám ví như Lý Tồn-Húc trên trận xông-pha, Khấu Bình-Đà lên cao ngâm-vịnh, song con đi cũng chẳng sợ gì, xin cha chớ ngại.

Từ-trai nghe nói cả mừng mà rằng :

— À, con ta kiến-thức cũng khá, ta cũng chẳng cấm làm chi. Ngày mai là ngày hoàng-đạo, đi xuất-hành cũng hay, ta cho Hoàng-Thông với Hoàng-Hán theo hầu con đi thăm cô-nương, qua chơi La-phù, rồi liệu mà trở về cho sớm.

Liền gọi hai tên người nhà là Hoàng-Thông với Hoàng-Hán đến dặn bảo rằng :

— Ngày mai ta cho Phùng-Ngọc nó đi Tùng-hóa thăm bà cô, rồi tiện đường qua chơi núi La-phù, hai người nên sắp sửa hành-lý theo con ta đi, dọc đường hầu-hạ trông nom, phải cho cẩn-thận, khi về ta sẽ ban cho trọng-thưởng.

Hai người vâng lời đi sắm-sửa đồ chực theo hầu. Từ-trai dắt Phùng-Ngọc vào nhà trong, sai bày rượu để tiễn con đi, lại dặn đi dặn lại những lúc đi đường phải cho cẩn-thận, rồi đi ngủ. Sớm hôm sau trở dậy cơm xong, Phùng-Ngọc bái biệt xin khởi-trình ra đi. Từ-trai cùng vợ là Sa-thị đưa ra cửa, Hoàng-Hán gánh đồ hành-trang, Hoàng-Thông dắt một con ngựa hồng đến để chực theo hầu. Sa-thị cầm tay Phùng-Ngọc mà rằng :

— Con đi, liệu chóng chóng trở về, đừng để mẹ già hôm mai dựa cửa trông đợi. Trong bao ta có gửi hai cái khăn tay bằng lụa dệt hoa gấm để làm quà cho cô-nương, con tỏ ý ân-cần với cô cho mẹ nhé.

Phùng-Ngọc thưa :

— Thưa mẹ, con đi lâu là ba tháng, chóng ra thời chỉ trong hai tháng là

trở về, xin mẹ chớ buồn rầu, những lời mẹ dặn con xin ghi nhớ.

Nói đoạn bái-từ ra đi.

Vậy trong *Ti-bà ký* có hai bài ca-từ như sau này :

1<sup>o</sup> *Điệu-Giang-thủy-nhi* :

Dưới gối con xa cách,  
Trên thềm mẹ ngân-ngờ.

Lúc đi may áo cho con mặc.

Mắt mờ mờ,

Dặm trường trông xa lác.

Lạnh lòng thay !

Tựa cửa mong mỗi mắt,

Lòng mẹ sao cho đành được ?

Xiết nỗi nhớ thương !

Tin nhân mong đợi, hỏi thăm sau  
[trước.

2<sup>o</sup> *Điệu Viên-lâm-hảo* :

Nay con đi,

Cha mẹ chớ phiền ngại nỗi chi.

Nay con đi,

Sẽ trở về tức thì.

Chỉ mong sao, song thân kang-kiện,

Dưới thềm về lạy có khi,

Dưới thềm về lạy có khi.

Lúc ấy vừa độ trung-tuần tháng hai, cỏ rợn màu xanh, hoa phở sắc thắm, Phùng-Ngọc lên ngựa từ từ mà đi, được hai ba ngày đến cầu Trạng-nguyên, Hoàng Hán hỏi rằng :

— Nay đến đây, công-tử muốn đi đường thủy hay là cứ theo đường bộ mà đi ?

Phùng-Ngọc nói :

— Đi thuyền thời buồn lắm, thời cứ theo đường bộ mà đi.

Hoàng Hán nói :

— Nếu đi đường bộ thời chốc nữa phải sang đò, rồi tự dắt Trường-sa lên Đường-hồ, qua núi Kỳ-linh xuyên sang Hải-phong, đến núi Dương-đề rồi tới Nga-phụ là gần hơn cả. Nếu đi đường Lam-quan thời khó đi mà xa lắm.

Phùng-Ngọc nghe nói cả mừng mà rằng :

— Ta muốn nhân thể ngoạn-cảnh núi Kỳ-dầu và núi Dương-đề, thời cứ đường ấy mà đi là phải.

Từ đó sang dò qua sông rồi cứ theo đường qua đất Trường-sa tiến lên. Phùng-Ngọc ra đi nguyên không có sự gì cần-cấp nên vừa đi dọc đường vừa ngoạn-cảnh, hề gặp non sông cảnh lạ tức phông-hoài đề-vịnh, không biết bao nhiêu thơ từ mà kể. Không mấy ngày đi đến núi Dương-đề, núi ấy cao vót như bình-phong, ngăn cách huyện Hải-phong với huyện Qui-thiện ra làm hai. Khi trước Việt-vương Đà có đào xuyên ở giữa đỉnh núi khai một cửa ải-quan, đóng quân ở đó canh giữ, gọi là cửa ải Dương-đề. Cứ từ chân núi về bên huyện Hải-phong lên đến trên đỉnh độ hai mươi dặm thời hãy còn bằng phẳng. Còn từ chân núi về bên huyện Qui-thiện lên đến trên đỉnh độ mười dặm thời hình núi bích-lập, không thể đi thẳng lên được, ở đó đã có con đường chữ Chi, đi vòng quanh mãi mới lên được, thực là một cái ải-quan hiểm-cố một người chống được muôn người. Phùng-Ngọc lên đến trên đỉnh núi, khoát-nhãn trông xem hồi lâu, tình-hoài sảng-khoái, bèn gọi Hoàng-Thông đem bút lại, vạch rêu viết lên trên thạch-bích một bài thơ :

*Núi ngất lưng trời tựa bạc thang,  
Lên cao cao vót mấy mươi ngàn.  
Ngò như mặt giếng nhỏ lên khỏi,  
Độ với từng mây đứng xênh-rang.  
Nguyệt chếch hùng-quan then khóa chặt,  
Rêu phong cổ-thụ cửa chèn ngang.  
Cũng toan vạch đá đề thơ khắp,  
Cho chú sơn-linh sợ khiếp gan.*

Phùng-Ngọc viết xong, lại đề lạc-khoản mấy chữ rằng : « *Cổ-mai Hoàng Quỳnh đề* », đề xong rồi lại ngâm đi ngâm lại, hân-nhiên tự-đắc, bồi-hồi

quanh quần mãi ở đấy. Hoàng-Hán giục bảo rằng :

— Xin cậu cho cất nghiên bút đi, rồi đi xuống chớ ! Đây đến Nga-phụ còn 20 dặm đường nữa, mà nay sắc trời mù-mịt, sợ sắp có mưa chẳng !

Hoàng-Thông vội-vàng thu nhất nghiên bút, dắt ngựa đi trước, Phùng-Ngọc mới trở gót đi xuống núi. Đi đó vài hôm chợt đến một chỗ, xem ra sườn đồi chân núi, bên suối cạnh khe, trồng toàn cây mai cả, không hở một chỗ nào, bấy giờ vừa độ thượng-tuần tháng ba, lá tươi rợp bóng, quả chín đầy cành, đi rấn bước lên, thời rợp trời toàn là bóng mai cổ-thụ ; ở giữa có một dòng suối nước trong như lọc, đôi bên suối có độ vài mươi nóc nhà, rào trúc mái tranh, bóng mai lấp-lánh, coi ra chiều phong-nhã lắm ; đi qua khỏi dịp cầu đá, sực thấy có một cái đình, ở giữa đình có hai bàn thạch-bản nhẵn bóng như ngọc, Phùng-Ngọc xuống ngựa ngồi nghỉ ở đó, trông lên trên đỉnh thấy có cái biển đề bốn chữ đại-tự : « *Sư-Hùng mộng - xứ 師 雄 夢 處* ». Phùng-ngọc xem thấy rồi gặt đầu mà rằng :

— À thế ra ở chỗ này. . .

Hoàng-Thông hỏi :

— Chỗ này là thuộc về sở-tại nào vậy ?

Phùng-Ngọc nói :

— Đây gọi là thôn Mai-hoa, nguyên trước có người nữ-đạo-nhân ở La-phù tên là Tố-Nguyệt, thường trồng đến hàng nghìn cây mai ở đây, cho nên gọi là Mai-hoa-thôn ; năm Khai-hoàng đời nhà Tùy, có ông Triệu Sư-hùng đi chơi La-phù, qua tới đây, gặp một người gái đẹp mặc áo trắng rất trang-nhã ra đón rước, Sư-Hùng hỏi truyện thời thấy nói-năng thanh-nhã, hương-khi thơm-tho, bèn cùng nhau đến lầu-lâu uống rượu, thời thấy có một tiểu-dồng mặc áo xanh vừa mùa

vừa hát đứng hầu. Sư-Hùng không ngờ uống rượu say quá, bèn cùng dắt mĩ-nhân đi nằm, sáng ngày tỉnh dậy, thời chỉ thấy một mình ngồi ở dưới gốc cây mai, chim kêu véo-von, bóng mặt trăng tà tà đã gần lặn mà thôi, chẳng thấy mĩ-nhân với đồng-tử nào cả. Sư-Hùng buồn-bã trở về, người đời sau truyền làm vậ-sự, nên mới đề biển bốn chữ như thế để làm di-tích. Ta thường xem sách *La-phù-chi*, thôn Mai-hoa ở ngoài cửa La-thủy, nay đã đến thôn Mai-hoa thời còn cách La-phù không xa mấy nữa.

Phùng-Ngọc nói rồi có ý cả mừng, bước ra ngoài đình, ngoan xem phong-cảnh, chợt thấy bên phía bắc đình trong bóng cây xanh, thò ra một cành thạch-lựu, thấp-thoảng đôi ba cành lửa lựu lập lòe đâm bóng, đỏ đỏ hồng hồng, cảnh-trí thiên-nhiên rất là thú-vị. Phùng-Ngọc cứ thuận bước bước lên, đương lúc ngửa trông cành hoa lựu, chợt nghe tiếng vòng xuyên có người thoảng qua, Phùng-Ngọc vội ngoảnh trông theo chưa rõ, theo ngấm kỹ ra, không ngờ mê tít người đi, hồn vía bay lên mây cả. Nguyên là một ả mĩ-nhân tuổi vừa đôi tám, đứng bên trong cầm cành tre nhỏ đương với lấy cành hoa, chợt thấy Phùng-Ngọc đến, vội-vàng bỏ cành tre, trở bước lui về. Phùng-Ngọc giảo bước lên xem, thời thực là mây vẽ xuân-sơn, nhơn quang thu-thủy, lưng như lưng dương-liều mềm-mại chiều xuân, má như má đào-hoa hây-hây màu đỏ, xem ra trang-trọng mà yêu-kiều, rõ thật phong-lưu mà ôn-nhã, không ngờ người đầu của lạ, thật là nghiênh nước nghiênh thành. Phùng-Ngọc theo hút mũi ngóng xem, thời xa xa trông thấy mĩ-nhân vào một nhà ngoài cửa tường xây bằng vó mẫu-lệ. Phùng-Ngọc bấy giờ bịnh như mất của báu ngọc gì tiếc vợ tiếc vắn, đứng ngẩn đứng ngờ, bùi-ngùi mà than rằng :

— Tiên hay là người ? Thực hay là mộng ? Quái lạ thay !

Đương lúc ngờ-ngần, chợt thấy trong nhà có một ông già bước ra, áo thâm khăn lượt, đạo-mạo xâm-nghiêm, bỏ quạt tay ra đằng sau lưng ngửa mặt lên trông trời. Phùng-Ngọc nghĩ ngay ra một mẹo liền xóng tay áo bước tới trước mặt vái chào lão - ông mà nói rằng :

— Thưa lạy cụ, vãn-sinh chúng tôi ba thầy tớ, nhân đi chơi La-phù đường qua qui-hạt, vì mãi xem rừng mai không ngờ trời gần tối, sợ đi lên núi không biết ngủ vào đâu, muốn ngủ nhờ qui-trang một đêm, sớm mai xin đề tiền thù-báo lại, không biết trưởng-giả có dung cho không ?

Lão-ông thấy Phùng-Ngọc tuổi trẻ người đẹp, mà cứ-chỉ phong-lưu, ngôn-từ nhã-nhặn, liền đáp lại rằng :

— Thảo-mao tệ-sá, chỉ sợ hẹp-hòi, công-tử nếu không nề-hà chi, tạm nghỉ lại đây thời xin vâng có ngại gì.

Phùng-Ngọc nghe lời liền vẫy gọi hai tên đầy-tớ đem đồ hành-lý lại, lão-ông đón vào nhà thảo-đường, phân ngôi chủ khách mời ngồi, gọi tên tiều-dồng ra pha chè. Phùng-Ngọc đứng dậy cúi mình vái tạ mà rằng :

— Vãn-sinh hôm nay xuyt nữa cùng-dồ, may nhờ cụ dung-nạp, thực là cảm lòng ân-đức, song chưa được rõ lão tiên-sinh qui-tính đại-danh là gì ? Xin cụ chỉ-giáo cho biết.

Lão-ông đáp :

— Lão-phu họ Trương tên Hãn, hiệu là Thu-cốc, dám hỏi qui công-tử đại-danh là gì ? Quê-quán ở đâu mà nay nhân đi chơi đâu, có việc gì ?

Phùng-Ngọc thưa :

— Vãn-sinh vốn người ở thôn Đào-hoa, huyện Trinh-hương thuộc phủ Phong-châu đất Lạc-thành, họ Hoàng tên là Phùng-Ngọc, năm nay 16 tuổi,

tu khi nhỏ vốn theo học tập Thi Thư, tinh ham ngoạn-cổ, nghe đất La-phù là nơi sơn-xuyên danh-thắng, cảnh-trí rất nhiều, vẫn có chí muốn đi thưởng-ngoạn, song chưa được dịp nào. Nay nhân cha tôi sai tôi đi đến Tùng-hóa thăm cô tôi, vậy muốn tiện đường qua chơi luôn thê, nhân đi qua qui-hương, thấy có cái đình đề biền sự-tích Sư Hùng, biết qui-địa đây là nơi danh-thắng, vì thế ham mê thưởng-ngoạn, thành ra chậm trễ cả hành-trình, may nhờ cụ dung-nạp, khỏi đến nỗi cùng-đồ, ba thầy tớ chúng tôi thật là vạn-hạnh !

Trương-lão thấy Phùng-Ngọc thông-minh mẫn-đạt, trong bụng rất mừng, liền vào nhà trong bảo làm cơm rượu đề khoản-dãi. Vụt chốc tên tiêu-dồng ra bày tiệc, Trương-lão mời Phùng-Ngọc tới ngồi, Phùng-Ngọc hai ba lần khiêm-tốn không được, phải ngồi dự tiệc. Trương-lão ân - cần mời rượu, trong lúc uống rượu, Trương-lão cùng Phùng-Ngọc đàm-luận, thời vẫn thơ từ-phủ, Phùng - Ngọc đều tinh-thông cả, hỏi một điều đáp lại mười điều, trôi-trát như nước chảy thao-thao bất - tuyệt. Phùng-Ngọc chối từ rằng không kham được tửu-lực, song Trương-lão cứ ân-cần mời uống mãi không thôi, vậy có thơ rằng :

*Người tài may gặp được ông hay,  
Gặp được ông hay thỏa dạ này!  
Được ngắm đêm dài tình gặp gỡ,  
Ân cần chuốc chén nhớ đêm nay.*

Bấy giờ gần đến canh hai, Trương-lão chợt thấy người coi trâu ngoài trại hô-hoán rầm lên, chạy vào nói :

— Nguy đến mất rồi: ông mau chạy trốn đi không thì chết cả !

Trương-lão, Phùng-Ngọc đều vội-vàng đứng dậy hỏi rằng :

— Việc nguy-cấp gì đó ?

Người thủ-trại nói :

— Nay có quân giặc Hỏa-dải kéo đến bốn năm trăm quân, vào cướp ở trại ngoài kia, nay đã sẵn vào đến cửa trại thôn ta rồi !

Trương-lão nghe nói mặt xám xanh như gà cắt tiết, vội gọi đầy-tò đóng chặt cửa trại lại, rồi quay lại bảo Phùng-Ngọc rằng :

— Thời, qui-công-tử cứ tự-tiện lên đi, lão-phu còn phải vào đem tiện-nội và tiêu-nữ đi trốn, không dám bồi-tiếp nữa.

Nói rồi, toan chạy vào nhà trong. Phùng-Ngọc lúc mới nghe ngằn người ra không biết truyện gì, rồi nghe thấy Trương-lão nói đến hai tiếng « tiêu-nữ » chợt nhớ đến lời Thạch thiên-sư dặn, chạy lại nắm lấy tay Trương-lão bảo rằng :

— Xin lão tiên-sinh đừng hoảng-sợ, văn-sinh đã có phép đuổi tan được giặc.

Trương-lão hắt tay ra nói :

— Phép với chẳng phép, quân cường-tặc nó đổ xô vào thời chết cả bây giờ ! Công-tử buông tay tôi ra, tinh-mệnh tôi nguy đến thời làm sao !

Phùng-Ngọc cố giữ lại nói :

— Văn-sinh lại không phải là tinh-mệnh hay sao, xin cứ chấn-tĩnh, tôi xin bảo hộ cả nhà vô-sự.

Vừa nói vừa dắt Trương-lão lại ngồi ở ghế, liền gọi Hoàng-Hán đem chiếc bô cả bôi-bàn, lau bàn đi cho sạch ; lại bảo tên tiêu-dồng hầu đổ vào nhà trong lấy cái bát sạch múc một bát nước trong đem ra ; lại gọi Hoàng-Thông lấy đôi gươm ra, Phùng-Ngọc cầm lưỡi gươm đưa lên trên bát nước, y pháp niệm thần-chú 14 chữ, niệm xong đem bát nước để trên bàn, dặn cả đồng-bộc không được om - xòm cả đồng-quái, cứ yên-tĩnh mà nghe, rồi giặc tự phải lui. Lại ngảnh lại nói với Trương-lão rằng :

— Tiên-sinh cứ lặng mà xem, không làm-lỡ chi mà sợ.

Trương-lão nói :

— Xin nhờ công-tử, xin nhờ....

Trương-lão vừa nói vừa run, chữa rứt lời, tiếng reo dần đã râm-râm, đuốc sáng rực trời. Phùng-Ngọc vội vàng nhảy lên bàn ngồi xếp bằng tròn cầm đôi thanh gươm. Bên ngoài thời nghe tiếng khóc rập rập. Trương-lão bấy giờ đánh trống ngực thình-thình. Tên tiêu-dồng nhà Trương-ông sẽ vây Hoàng Thông đến gần ghé tai nói :

— Chúng ta sẽ ngó xem bên ngoài ra làm sao đi.

Hoàng Thông nói :

— Ngó chỗ nào mà trông thấy được ?

Tiêu-dồng nói :

— Đề tôi đi lấy thang.

Nói rồi liền đi rón chân rón tay vào buồng lấy thang, rồi dựng lên tường mâu-lệ, hai đứa sẽ bước lên thang trông ra ngoài tường, thời thấy quân giặc vô vàn, nào là khăn đỏ quang đầu, giầy gai bịt gót, hăm-hăm như hồ-rước lang-bôn, nhao-nhao lên đông-xung tây-đột, đao múa bay sừng, thây chết đầy khe nước ; khói bùng bật lửa, gió táp sém rừng mai ; nhà tranh vách sậy vụt chốc thiêu hóa tro than ; gái đẹp trai lành, chớp mắt biến ra hồn cuốc. Đương lúc trông ra, thấy trước mặt dưới gốc cây mai có một người chạy ra hất-hơ hất-hải tìm đường chạy trốn, nhận kỹ ra thời giống như anh Lý Đại, đằng sau có một tên giặc trần mình đuôi theo, tay cầm thanh đao mã-tấu cực to, chạy đi như bay ; qua đến cầu đá, người kia bị rẽ mai vướng phải chân vấp ngã xuống đất, vừa trở dậy toan chạy, thời bị tên giặc đuổi kịp chém một nhát đao, đứt đôi làm hai đoạn. Hai người ở trên đầu tường trông thấy sợ run lên, hăm

rằng đánh cảm-cấp, chợt lại nghe thấy tiếng reo, hàng mấy trăm quân giặc ù ù kéo đến trước trại như đàn ong ; hai người thất-kinh, xuyết nữa sa chân ngã xuống thang, phải vịn nép vào tường không dám động-dậy. Nhưng quái sao quân giặc xô-xát đến trước cửa lại không xông vào được, hình như quân đèn cù, chỉ quanh ở ngoài cửa trại chực nhảy xông vào, rồi lại giật lùi ra đứng ngáy ở bên ngoài ; chúng lại reo ầm lên cố nhảy xông vào, đua nhau nhảy vào được mấy bước, lại phải lui ra, dừng trông nhau ngơ-ngác. Tên tiêu-dồng sẽ ghé tai bảo Hoàng Thông rằng :

— Dễ thường phép-thuật của chủ-nhân nhà anh linh thật !

Hoàng Thông nói :

— Im đi, đề xem chúng nó nói gì.

Hai người bên lẳng-lẳng nghe chúng nó nói, thời thấy một tên giặc cầm đao trở lên tường mà rằng :

— Rõ-ràng là một khu trại tường nhà kia, làm sao chúng mình xông vào, lại không trông thấy, chỉ thấy hình như là một cái hồ nước lớn sóng nổi quần-quận, hay là chúng ta hoa mắt chẳng ?

Lại một tên giặc nữa nói :

— Chúng ta lại xông vào xem sao nào.

Rồi chúng lại reo ầm lên quanh cả ngoài cửa trại nhảy xông vào hai ba lần, rồi vẫn thấy giật lùi ra như trước. Bấy giờ Hoàng Thông với tiêu-dồng hai người trong bụng mới khỏi sợ, cứ nấp ở trên tường cười với nhau mà rằng :

— Xông vào nữa đi, đã nhọc chưa !

Chợt lại thấy một tên giặc nữa nói :

— Cái nhà kia dễ thường là miếu thờ thần sợ chúng ta xông vào làm phá-hoại cho nên biến phép thần-thông ngăn chúng ta lại chẳng ?

Lại nghe thấy tên khác nói :

— Anh nói phải rồi, thôi chúng ta kéo quân về.

Bèn bảo nhau kéo ra ngoài cửa trại. Hoàng Thông với tên tiểu-dồng bước xuống thang, sẽ mở cửa ra đi dò đến hai ba dặm đường, thấy quân giặc thực là tan đi cả rồi, mừng rỡ chạy trở về nhà nội-đường báo tin. Khi ấy Trương-lão ở nhà sợ phát sốt rét lên, hai tên chạy về nói :

— Thưa ông, quân giặc đã đi rồi ạ !

Trương-lão bấy giờ mới hơi định-thần, hỏi sao nó lại lui đi. Hai tên bèn thuật truyện lúc đứng ở đầu tường xem và những lời nghe thấy chúng nó nói, và đã đi hai ba dặm theo hút xem, thời quả quân giặc đã đi xa rồi ; chỉ những nhà cửa ở trong thôn-trại này bị chúng nó phá đốt sạch-sẽ cả. Trương-lão nghe nói rồi liền ngoảnh-lại Phùng-Ngọc mà rằng :

— Cả nhà chúng tôi mà khỏi phải cái tai-nạn tàn-phá này, thực là nhờ ơn qui-công-tử tái-sinh tái-tạo cho vậy !

Trương-lão vừa nói vừa toan cúi đầu xuống lạy, bấy giờ Phùng-Ngọc đã thu phếp lại rồi, vội-vàng đỡ Trương-lão dậy mà rằng :

— Đó là nhờ hồng-phúc của lão tiên-sinh, chớ vãn-sinh có tài-cán gì đâu.

Lúc bấy giờ cả nhà kinh-hoảng mới tỉnh, mọi người sợ khiếp đều té dại cả người, đi Phùng - Ngọc cũng mỗi một muốn đi nghỉ. Trương-lão liền gọi tên tiểu-bộ đem chăn đệm, rồi tự mình trang chải mở ra, đưa Phùng-Ngọc tới khách phòng yên nghỉ ; và dặn bảo tên tiểu-bộ dọn-đẹp đầu giường, rồi lui vào nhà trong cùng vợ với con gái nói truyện cảm ơn Phùng-Ngọc một hồi rồi mới đi nghỉ. Vậy có câu rằng :

*Vi không yêu khách sẵn lòng,  
Nàn này ai cứu thoát vòng gian-nguy.*

*Cho hay gặp-gỡ cũng kỳ,  
Mượn duyên chén rượu tiếc gì với ai.*

Nói về Trương-lão kinh-hoảng quá vào nằm trong giường trần-trọc mãi không ngủ được, nghĩ đến Phùng-Ngọc là người hùng-tài biện-bác như Tần-Bật, bằng-thanh ngọc-nhuận như Vệ - Giới, và lại anh - khí phát - hiện lưu - lộ ra ngoài mây mặt, ai thấy cũng phải yêu, mới được độ một tí tuổi mà sát-thoái được quân cường-tặc, không có một chút gì kinh-hoảng, thực là thủ-đoạn anh-hùng ngộ-nạn cũng chẳng kinh, nếu ta muốn kén rể cho con, bỏ qua mất người này sao gọi là khôn được. Song y ở Trình-hương, con gái mình gả cho y thời y tất đem về, như thế thì lại không nở cắt-đoạn phân-ly được, vì thế trần-trọc nghĩ mãi nửa đêm, lại tưởng đến nỗi quân giặc Hỏa-đới, càng ngày càng tứ-ngược, quan tỉnh thời đều sợ khiếp, chỉ chủ-nghị chiêu-hàng, hễ ai kháng-cự với giặc thời cho là khích-biến, nếu ai bị phải giặc cướp phá thời không biết kêu vào đâu, tình - cảnh như thế thời còn quyền-luyến chỗ này làm gì nữa. Ví như đêm hôm nay may gặp anh học-trò này cứu thoát được nhà ta, nếu không gặp y thời cũng như anh Lý Đại hóa làm ma ở dưới lưỡi dao rồi, nghĩ đi cho cùng chỗ này ở không được nữa, gì bằng đem đưa con gái gả cho y, đợi y đi Tùng-hóa trở về, rồi đem cả nhà theo y đến ở tạm làng Trình-hương, để đợi cho yên-tĩnh đã sẽ hay. Như thế thời cha con không phải cách-biệt nhau, và lại tránh được nạn giặc, thực là lưỡng-tiện. Song không biết anh học-trò này đã lấy vợ chưa, nếu đã lấy rồi, con gái ta cũng xin làm thứ vậy. Chú-ý đã định, đợi đến sáng ngày ra sẽ nói chuyện.

Nói về Phùng-Ngọc đã sát - thoái được quân cường-tặc rồi, trong bụng

mừng thầm, nghĩ rằng : Người mĩ-nhân gặp hôm qua quả là con gái ông này, thời lời nói Thiên-sư dặn khi trước đã hơi nghiệm ; song còn việc hôn-nhân nếu vội-vàng khải-xỉ nói ngay thời không tiện, phải nghĩ kế-sách gì nói đả-động đến ông ấy để cho ông ấy tự nói ra thời mới tiện, nghĩ đi nghĩ lại không được mẹo gì, đến hơn hai trống canh. Lại chợt nghĩ ra nói rằng : Như thế này thời cực-điều ! Liền đánh thức Hoàng Thông dậy bảo rằng :

— Ta nghe ông Trương-lão có người con gái, đoan-trang mĩ-lệ, tuyệt-thế vô-song, ta muốn hỏi lấy, song mới gặp-gỡ mà nói ra ngay không tiện, may giùm bộ tao cứ nói như thế.... may là người tôi-tớ dấu đường-đốt nói ra cũng chẳng can sao.

Hoàng Thông vâng lời, sáng sớm thức dậy giả tảng vào nhà trong lấy nước ra đề pha cho Phùng-Ngọc uống, chạy đến nhà giữa, thời thấy Trương-lão đã thức dậy cùng với bà vợ ngồi ở nhà nội-đường đương bàn về truyện định gả con cho Phùng-Ngọc, và bảo nhỏ cho con gái biết, rồi sẽ tìm mối nói đánh tiếng với Phùng-Ngọc, sực thấy Hoàng Thông bước vào. Trương-lão nói :

— Lão quản-gia dậy sớm mấy ?

Hoàng Thông nói :

— Cậu tôi hay uống nước sớm nên tôi vào gọi tên nhỏ để lấy nước.

Trương-lão nghe nói liền bảo tên nhỏ đến tú chè lấy thứ chè ngon đem ra pha. Tên nhỏ lại bảo con Liễu-hoàn vào thưa với cô cho thứ chè ngon để đem ra pha cho Hoàng công-tử uống. Một lát thấy một cô-nương cầm phong chè đưa ra, Hoàng Thông giả tảng thất-kinh mà rằng :

— Ôi chà ! đây là có con gái yêu nhà cụ đấy ư ? Tài-mạo đẹp thế này cũng giống như công-tử tôi, không biết cụ đã nhận trâu cau ở nơi nào

chửa ? Nếu chửa, mà cụ cho sánh đôi với công-tử tôi, thời thực là giai-nhân tài-tử tốt đôi quá.

Trương-lão mỉm cười mà rằng :

— Lão quản-gia nói thế cũng hay, nhưng không biết qui công-tử đã có vợ chưa ?

Hoàng Thông nói :

— Công-tử tôi trước vẫn thế rằng nếu không gặp người tuyệt-thế giai-nhân thời không lấy, ở nhà cũng có đôi ba nhà thế-gia cụ-tộc muốn gả con gái cho cậu tôi, song cậu tôi xem ra toàn là hạng nhi-nữ tầm-thường, nên không thuận nơi nào cả, giá được người tài-mạo như cô-nương, hễ nói một lời là xong.

Trương-lão nói :

— Tôi cũng có ý thế, nhờ quản-gia nói đạo-dạt hộ cho xem thế nào.

Hoàng Thông nói :

— Thưa vâng, để tôi ra nói thử với cậu tôi xem sao.

Nói rút lời, liền chạy ra nhà ngoài. Một hồi lâu lại trở vào nội-đường. Trương-lão vội-vàng đứng dậy hỏi :

— Thế nào quản-gia, qui công-tử ý có ưng không ?

Hoàng Thông nói :

— Thưa cụ, cậu tôi nghe thấy nói cô-nương nhan-sắc, lại được ý tốt cụ thuận cho, thời thực lấy làm mừng. Song cậu tôi nghĩ lại có ba điều này khó xử : 1<sup>o</sup> là chửa được mệnh cha mẹ không dám tự-chuyên ; 2<sup>o</sup> là nhân đi chỗ lữ-thứ, lễ-vật không được đủ sẵn ; 3<sup>o</sup> là lấy cô-nương thời phải cưới đem về Trình-hương, sợ cụ không cho ly-biệt đi xa, phải làm rề ở đây, thời cậu tôi lại sợ ông bà tôi ở nhà mong nhớ, vì khó xử hóa nên không dám tung-mệnh.

Trương-lão cả cười mà rằng :

— Hai điều trên thời không cần, đã có tôi đây là đủ ; còn một điều sau

thời tôi đã tỉnh rồi, công-tử không phải ngăn-ngại, để tôi ra nói chuyện.

Nói rồi liền bước ra nhà ngoài. Phùng-Ngọc đón chào, Trương-lão mời cùng ngồi mà rằng :

— Lão-phu sinh ra được hai đứa con trai : thằng lớn là Chi-Long, từ khi nhỏ nó đã ra học buôn bán ở phủ Quế-lâm tỉnh Quảng-tây ; thằng thứ hai là Phi-Long, vẫn theo ông Trung-ly Tiết tiên-sinh học ở núi Dịch-sơn, đều không ở nhà cả ; ở nhà chỉ có lão-phu với chuyết-nội tôi là Long-thị và tiểu-nữ là Qui-nhi, với mấy đứa tỷ-bộ mà thôi, trong nhà không có người đĩnh-tráng và lại ít họ-hàng thân-thuộc, mới rồi những quân giặc núi đi đến đâu là tàn-phá đến đấy, mà đất Long-đoàn với đất Qui-thiện này là tàn-hại nhất ; nếu cứ quyền-luyện gốc dâu côi thì mà ở đây mãi, sợ cũng khó toàn-vẹn được. Lão-phu muốn thiên-cư di chỗ khác để tránh quân hung-bạo đã lâu, chỉ vì không biết đâu là bến Đào-nguyên mà tới. Nay nghe tiếng quý-huyện là nơi thanh-danh văn-vật, đức-chính ông Tăng Công-Phương hãy còn nhuần-thấm, di-phong ông Trình xử-sĩ hãy còn dấu thơm, thực là một chốn thanh-bình phúc-địa, nếu công-tử không nề chi con nhà chất hạng phi-phong, thời tôi xin hiến tiểu-nữ để nâng khăn sửa túi, đợi khi công-tử đi Tùng-hóa trở về, thời cả nhà tôi xin theo Công-tử về nam, không biết công-tử có bằng lòng không ?

Phùng-Ngọc nói :

— Thưa cụ, con chỉ sợ nơi rừng gai, góc, không phải là chốn phụng đậu loan chơi ; nếu lão tiên-sinh không hiềm bỉ-lậu thời nhà văn-sinh sân vườn còn rộng, có thể tạm lưu xengựa được, văn-sinh xin cầm roi theo hầu. Còn đến như việc kết-thân lịnh-ái, thời văn-sinh chưa

bẩm mệnh song-đường, chưa sắm đủ lục-lễ, đâu dám mong tên bán-tước-bình.

Trương-lão nói :

— Tôi nghe người quân-tử nên sánh bạc giai-nhân, tiểu-nữ đâu không dám ví như bạc hiền-phi, song tài-tinh chi tiết cũng khác bọn dung-lưu, chấp-kính cũng có lúc hành-quyền có hề chi vậy. Còn như sinh-lễ, thời tiểu-nữ may được dư-sinh thực là nhờ ơn công-tử, quyết không dám nhận, chỉ xin cho một vật gì làm tin là đủ.

Phùng-Ngọc nói :

— Nhờ được lão tiên-sinh quá yêu như vậy, lễ nào văn-sinh lại chẳng tuân theo, xin mời lão tiên-sinh lên ngồi, để Phùng-Ngọc cúi đầu làm lễ.

Nói rứt lời, liền kéo ghế ý lại để giữa nhà, mời Trương-lão ngồi lên, liền cúi đầu thụp xuống lạy. Trương-lão vội-vàng vái lại, bèn nhận là con rề. Phùng-Ngọc liền bước tới bưng khách lấy một cái khăn tay bằng lụa thêu gấm, nguyên là của mẹ gửi cho có bèn đem ra, hai tay nâng đưa cho Trương-lão mà rằng :

— Tiểu-tế đương ở chốn đất khách không có vật gì để dâng làm tin, đây là cái khăn của mẹ tôi tự tay thêu dệt ra, xin mượn một cái để dâng nhạc-phụ làm sinh-vật vậy.

Trương-lão cầm lấy xem thời cái khăn ấy một mặt thêu một cây thông cổ-thụ, mặt bên kia thêu tích thọ-đồ ông Quách-Phân-Dương, Trương-lão cả mừng mà rằng :

— Xem như cái khăn này thực là cái chung-triệu tốt lắm !

Liền đem vào đưa cho con gái nhận lấy, và rứt lấy một cái kim-soa ở trên đầu con gái đem ra đưa cho Phùng-Ngọc nhận lấy, rồi sai mở tiệc vui mừng hai ngày. Xong rồi, Phùng-Ngọc cáo-từ xin khởi-trình ra đi, Trương-lão cầm lấy tay Phùng-Ngọc mà rằng :

— Hiền-tế hãy ở chơi một vài ngày nữa, lão-phu còn có câu truyện để nói với hiền-tế đây.

Thực là :

*Tài-tử nổi danh vừa đẹp lứa,*

*Hung-nhân cảm giận rắp mưu gian.*

Không biết Trương-lão nói câu truyện gì về sau sẽ hiểu.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch

## DU-LUẬN CỦA CÁC BẠN ĐỌC BÁO

### I

#### VẤN-ĐỀ VIỆC HỌC NƯỚC TA BÂY GIỜ

##### I. — Ý-kiến về việc học

Chấp cái ý-kiến về việc học nước ta bây giờ, tất là ở về phần người có đủ cái con mắt trông tỏ được sự-thế nước ta bây giờ, duy bởi cái sự-thế xoay khiến ra thế mà cái sự-lý mới có điều phải thế, duy cái sự-lý phải thế, mà cái chỗ ta cầu cho có được cách học để làm cho trong cùng đàn ta với nhau có thể yên-tuyên sinh-hoạt được ấy, cũng không thể không được vậy.

Thế thời bàn đến cái việc học nước ta bây giờ, ấy phải là cái lời bàn nhân việc cũ mà lo-liệu việc mới, cũng phải là cái lời bàn tùy thời-thế mà biến-thông đó vậy.

Tôi xét ra quốc-dân ta đối với việc học nước ta bây giờ, một là có cái ý hỏi về cách học khoa - cử ngày trước là làm, hai là có cái ý không chịu là cách thay đổi của Nhà-nước bây giờ cũng chưa được phải lắm, cho nên bấy lâu nay đối với cái vấn-đề việc học, vẫn muốn có lời bàn đề giải - quyết lấy. xem những lời bàn-bạc, như ở về phần chữ nho thời nhiều người có ý muốn bảo-tồn, những là chưa thấy ai có giải-quyết được cái cách bảo-tồn thế nào là hay là phải mà thôi. Còn về phần chữ quốc-ngữ và chữ pháp, có người bảo rằng nên đem chữ quốc-ngữ

làm phổ-thông, có người bảo rằng nên đem chữ pháp làm phổ-thông, cũng mỗi người nói một đường giữ một nẻo cả đó, những là cũng chưa thấy ai có bàn đến cái hình-thức về sự học chữ quốc-ngữ và học chữ pháp ấy cho có được rành-rọt kỹ-càng là thế nào tốt cả, ý hoặc là ở về cái điều muốn nói, thường có ý không dám nói, lại hoặc là chưa có chịu trụ về cái sự-lý có hợp với nước ta bây giờ, mà nghiên-cứu cho cùng đó chẳng.

Ồ! gọi là việc học, tất phải có cái tinh-thần, rồi sẽ mới có cái hình-thức, nếu chỉ chực xếp-dặt cái hình-thức, mà không trước hết phải nghiên-cứu cái tinh-thần đã, thời đâu có luận-biến đến thế nào, cũng chung-qui là cái lời bàn vô-bằng-cứ hết cả vậy.

Đây tôi xin hãy trụ về trong chỗ sự học ta bây giờ, có ba thứ chữ, là chữ nho, chữ pháp và chữ quốc-ngữ đó, trước hãy giải-quyết cái lý-do quốc-dân ta phải học ba thứ chữ ấy là tại làm sao, cùng là cái cách-thức quốc-dân ta học ba thứ chữ ấy là nên thế nào.

Chữ nho mà quốc-dân ta phải học có hai lẽ : Một là ta phải đề cho vững-chặt cái nguyên-lực đạo-đức, nghĩa là cái tinh-thần xã-hội mà có phần duy-trì lại được, là nhờ về có sự học chữ nho đó, việc chính-trị nhà-nước mà có phần làm cho

để trị-yên được, cũng là nhờ về có sự học chữ nho đó. Hai là ta phải học để cho dưỡng-thành cái phủ-lực tiếng nói, nghĩa là cái tiếng nói của ta từ xưa đến nay đã thành rồi, phần nhiều là y-cứ vào chữ nho cả, mà đến cái tiếng nói của ta bây giờ cần phải có thêm nữa, cũng nên y-cứ vào chữ nho hết cả.

Chữ pháp mà quốc-dân ta phải học cũng có hai lẽ: Một là ta phải học để làm cái cách giao-thiệp ở trên chỗ giao-tế, nghĩa là nước ta nhờ Đại-Pháp bảo-hộ, thời trong chỗ quốc-dân ta giao-tế với dân Pháp. cái gì mà không phải là chữ Pháp. Hai là phải học để làm cái cách nghiên-cứu văn-minh, nghĩa là nước Pháp là một nước văn-minh, tiên-tiến ở thế-giới, thời bây giờ ta nếu có muốn tham-thấu cái cách văn-minh của thế - giới, chỉ trụ về trên cái chỗ chữ pháp và sách pháp mà nghiên-câu lấy là đủ.

Đến như chữ quốc-ngữ của ta, so với chữ nho là sự cần cho ta về phần thứ nhì, chữ pháp cần cho ta về phần thứ ba, chữ quốc-ngữ hẳn là cần cho ta về phần thứ nhất vậy. Tại làm sao thế? Nghĩa là chữ quốc-ngữ làm cái sự tiện-lợi cho ta về sự học ấy nhiều lắm, ta học chữ quốc-ngữ, chữ là tiếng nói, tiếng nói là chữ, một người đọc, các người hiểu được hết cả, sự tiện-lợi là một. Ta học chữ quốc-ngữ, ta chỉ phải nhớ cái thể-cách văn-minh, không phải nhớ cái thể-cách chữ nữa, sự tiện-lợi là hai. Ta học chữ quốc-ngữ, sự phổ-thông dễ và mau, không như học chữ nước khác sự phổ-thông khó và lâu, sự tiện-lợi là ba.

Thể thời hợp cả ba thứ chữ, mà đều là chữ quốc-dân ta phải học cả, ấy là cái sự-lý ở nước ta bây giờ tất phải thế vậy, bây giờ còn cái cách học ba thứ chữ ấy phải thế nào là phải

Tôi xét sự học ở các nước, gọi là cái thứ chữ nên cho toàn-quốc-dân cùng học, thời tất là lấy chữ nước mình, chừa có nước nào đem chữ nước khác, để cho cả toàn-quốc-dân cùng học, mà lại có thể tấn-tối mau được bao giờ. Và lại nếu mình không có chữ đã đành, chớ mà nước mình có chữ không học, lại đi học chữ nước khác, trông ư sự-lý cũng có phần không đáng nữa.

Bây giờ ta học chữ nho, là học đạo-đức, và học tiếng nói, phàm là quốc-dân ta, tất phải là người có biết chữ nho hết cả, thời bây giờ như cái niên-hạn tiêu-học, phải định-hạn làm sáu năm, ba năm về trước là tiêu-học dự-bị, thời phải vừa học chữ quốc-ngữ vừa học chữ nho, ba năm về sau, là tiêu-học cụ-thể, thời chữ nho sẽ đề ra chuyên-khoa, mà chữ quốc-ngữ nhưng là phổ-thông, không có học đến ba năm, không nói rằng có thể biết chữ nho được, về sau lên trung-đẳng-học, cao đẳng-học, và đại-học, thời cũng chỉ phải có khoa-học chữ nho về tu-thân luân-lý, chớ không phải học chữ nữa vậy.

Ta học chữ pháp là học giao-thiệp, và học nghiên-cứu văn-minh, trong sống người quốc-dân ta, nếu có phải là người biết chữ pháp, cũng chỉ là một phần ít người, bây giờ chỉ định riêng ra một phái học chữ pháp là được.

Còn như học chữ quốc-ngữ, là sự học phổ-thông cả toàn-quốc, phàm quốc-dân ta, có học gì cũng phải là học bằng chữ quốc-ngữ tất cả, tức là bây giờ từ đại-học, cao-đẳng-học, trung-đẳng-học, cho đến tiêu-học, đều tất phải làm sách giáo-khoa bằng chữ quốc-ngữ để mà dạy vậy.

Ấy lấy cái ý-kiến tôi đối với sự học ba thứ chữ, cũng là tôi chỉ so-sấn về cái sự-lý có hợp với nước ta bây giờ, mà bàn ra đó thôi. Tôi xin có lời bàn ra hai mảnh, một đẳng nói về tinh-thần

việc học, một đảng nói về hình-thức việc học, gọi là để thay mặt cả toàn-quốc-dân mà giải-quyết cái vấn-đề việc học nước ta bây giờ, phải như thế mới được.

## II. — Về cái tinh-thần việc học

Tinh-thần là gì, là quốc-dân ta đối với việc học, cái chủ-ý khuy-nh-hướng vào đâu, mà khi đã gọi là cái việc học của cả toàn-dân khuy-nh-hướng vào đấy, ấy lại cũng tức là quốc-dân ta sử-dĩ vì quốc-ta ấy, cũng ở vào đó thôi. Quốc-dân ta ta ngày xưa khuy-nh-hướng chuyên về điều đạo-đức, bây giờ khuy-nh-hướng cũng chuyên về điều đạo-đức, mà lại kiêm cả về điều công-lợi nữa. Ngày xưa khuy-nh-hướng chuyên về điều đạo-đức là cái nguyên-chất mặt trong quốc-dân-ta, bây giờ khuy-nh-hướng kiêm cả công-lợi, là cái xu-thế mặt ngoài quốc-dân ta vậy; làm sao thế vậy? nghĩa là nước ta ở về ngày xưa, còn là thời-buổi đóng cửa nước lại cho chặt, trừ ra có một nước lớn mà nước ta phải chịu lún, là nước Tàu ở về đảng phía bắc nước ta ấy, ngoại-giả không còn có giao-thông với một nước nào là nước cường hơn nước ta nữa; vì thế cũng không có biết ở bên ngoài thế-giới là trời đất thế nào, cho nên mấy nghìn năm nay, gọi là Việt-Nam dân-tộc, chỉ quanh-quanh ở trong hai cái vùng sông Nhị-hà và sông Cửu-long (Mékong), bới đất nhặt cỏ, cày cuốc làm ăn, nhơn-nhơn là một dân thái-bình vô-sự, cũng đã có phần tự-đắc lắm vậy. Huống-chi lại có một câu học-thuyết thứ nhất cho quốc-dân ấy, là như câu nói rằng: « Cũng chỉ cứ nhân-nghĩa mà thôi, việc gì phải nói đến sự lợi, » cho nên trong cái chỗ quốc-dân sinh-sôi nảy-nở, quây-quần với nhau, ăn hiền ở lành, trên kính dưới nhường, chỉ biết có cái thói nhân-nghĩa đạo-đức, không có biết sự cạnh-tranh là gì sốt cả, tức như bắt đắc-đi mà phải có ra mặt cạnh-tranh.

cũng chẳng qua là một khi một thì, không có thể ân-nhận được, mà phải cầu cho thoát khỏi sự khổ-nạn, chớ kỳ-thực chưa hề có cái thói tập-thương là cùng-bình độc-vũ bao giờ. Mà đã không biết sự cạnh-tranh là gì, tức là không biết sự công-lợi là gì sốt cả vậy. Thời buổi bây giờ là thời buổi nào? Đã là cái thời buổi phải mở toang cửa nước ra rồi vậy, mà ai thử hỏi nước mình bây giờ là nước thế nào, thử hỏi dân mình bây giờ là dân thế nào, ở cái khoảng quốc-dân mặt trong cùng ngoảnh lại với nhau, thời cái tình tương-thân tương-ái với nhau, đã vẫn là không có thể rời nhau ra được, mà mặt ngoài lại có cái sự nó làm cho tức-hực mình ấy, là sự xấu hổ về nước mình vừa nghèo vừa yếu, là cái sự mong muốn cho nước mình vừa giàu vừa mạnh vậy. Huống chi đem cả mười mấy triệu anh em đồng-bào, mà nương-tựa vào bên dưới bóng cờ ba sắc, ư bây giờ thời cũng là vững như Thái-sơn Bàn-thạch vậy, nhưng bởi lại còn có cái thế-lực khác to hơn bảo-hộ nữa ấy, lại chỉ sợ quốc-dân ta phải thay chủ làm tôi tớ kẻ khác, mà bây giờ cái khổ-hướng của quốc-dân ta, không biết đến đâu là cùng-cực vậy. Ôi! bởi thế mà quốc-dân ta đối với hai điều học-thuyết là điều đạo-đức và điều công-lợi ấy, không khỏi có cái nổi đều sốt sắng ở trong tâm-huyết quốc-dân ta vậy; duy vì điều đạo-đức và điều công-lợi, đều sốt-sắng cả, mà ở về trên chỗ xã-hội tương-đối với nhau, hề có trông thấy cái sự gì là sự đồng-chúng tương-tàn, thời trừng mắt lên để cùng nhìn với nhau, có trông thấy sự gì là sự ngoại-thế lằng-áp, thời đành lòng để cùng theo đuôi với nhau. Lại bởi thế rồi mà cái tình-hình trong xã-hội tương-đối với nhau, hình như có cái ân-trạng nguy-nguy ngập-ngập, tựa-hồ chỉ sợ cái nổi giống cha rông mẹ tiên, để có khi đến lúc này mà tiêu-diệt đi chăng? Nhưng quốc-dân ta

cũng lại còn có điều tự-quyết được ấy, thời là cái điều quốc-dân ta không có tội-tình gì mà đến nỗi thế vậy, có lẽ lòng trời xoay đổi, mà sắp cho ta lại có một ngày lại trông thấy mặt trời, ấy tức là một ngày Nhà-nước có khi cải-lương việc học lại đó chẳng.

Bây giờ tự cái ân-tình mặt trong quốc-dân ta, có cái ý muốn hưởng Bảo-hộ Chính-phủ mà giải tỏ ra ấy, thời là cái ý-hướng của quốc-dân ta muốn tự-định lấy vậy.

Một là cái ý-hướng ở về trên chỗ điều đạo-đức, quốc-dân ta là dân theo Khổng-giáo, gọi là điều tam-cương, gọi là điều thập-nghĩa, gọi là điều ngũ-thường, gọi là điều tứ-đoan, cái giáo-trạch mấy nghìn năm lưu vào khí-huyết, thấm vào cốt-tủy, Khổng-giáo có phần hợp với quốc-dân ta, thời là lại bởi quốc-dân ta vốn là dân thiên-tính trung-hậu, mà Khổng-giáo dạy cho ta, lại cũng ở về điều đạo-đức có phần làm cho giảng-buộc chặt-chẽ, tình tất phải thẳng được lý, ân tất phải che được nghĩa, cái sự giáo-dục bởi người làm ra, có phần cùng ngay với cái tính-mệnh của Trời cho đó, mà cùng giống nhau như hệt, cho nên Khổng-giáo là cái sự khuynh-hướng của quốc-dân ta ở về trên chỗ điều đạo-đức, thật là có cái thể không lay chuyển được vậy. Từ khi phong-hóa Âu-châu lan sang Á-đông mà cái phong-trào mới làm cho đến đồ nát, thế nhưng mà cái phong-hóa mà toan đến đồ nát đi ấy, cũng chẳng qua là cái sự nóng-nảy đại-dội ở về một khi một thì, thấy người ta hay, mình cũng muốn hay ngay, thấy người ta khá, mình cũng muốn khá ngay, mà mới đến nỗi thế thôi; thế nhưng mà lại bởi cái lòng hời quá của quốc-dân ta cũng đã vẫn có sẵn vậy, cho nên quốc-dân ta ở về trên chỗ điều đạo-đức bây giờ, một là cái ý-tưởng bảo-tồn

quốc-túy, một là cái ý-tưởng tham-thấu văn minh, mà ở về cái ý-tưởng hai đảng ấy, lại tất là phải làm người thủ-cựu thật là người thủ-cựu, làm người duy-tân thật là người duy-tân, mà không có phải rằng cứ chịu đứng vào cái địa-vị dở-dở dang-dang khôn chẳng ra khôn, đại chẳng ra đại đâu vậy; ấy là cái ý-hướng của quốc-dân ta ở về trên chỗ điều đạo-đức là thế, chính thực là ở về phần người chủ-trì việc học, chủ-trương giáo-dục ấy, phải nên nghiên-cứu đến nơi, ấy là một điều vậy.

Một là cái ý-hướng ở về trên chỗ điều công-lợi, quốc-dân ta mà có cái ý-hướng về điều công-lợi, cũng chẳng qua bởi ở cái ý xem xét về thời-thế mà ra, mà phải làm ra cái sự bất-đắc-dĩ mà phải xoay phướng-hướng ra thế vậy. Từ lúc nước Đại-Pháp sang nước Nam ta, lúc trước là lúc còn đem điều-ước thông-thương, lúc sau là lúc đã kết cái đại-cục bảo-hộ, lại cho đến mấy năm nay, mà lại có một chiến-cục kinh-thiên động-địa ở Âu-châu vừa rồi, làm cho quốc-dân ta đã hiểu rõ rằng chỉ nhân-nghĩa không, không có thể trông cậy được, chỉ đạo-đức không, cũng không thể giữ-gìn được, thành ra không thể nào không phải đứng lên mà xu về cái thể công-lợi, để làm một cái đường đất cho được yên-tuyên mà sinh-hoạt; bây giờ quốc-dân ta lại cũng đã hiểu rõ rằng người hậu-tiến tất phải học người tiên-tiến, cho nên ở về gần bây giờ trở lại, quốc-dân ta đối với Bảo-hộ Chính-phủ, có điều ra ý trung-thành, gián-hoặc còn có kẻ còn đem cái ý phản-đối, cũng chẳng qua ở trên chỗ sự-thế chưa có tỉnh-ngộ hẳn, là một số người thật ít, mới thế thôi; nhưng kẻ ở về cái chỗ thực-tế cả toàn-thể quốc-dân, chính đang ngong-ngóng đề hưởng về cái khai-hóa-nhiệt-thành của Đại-Pháp, chính đang ngong-ngóng



nghèo không có thể trợ học được, thế mới phải. Trường trung-học lập ra ở các tỉnh, đã đành cũng có chỗ phải lập ra ở phủ huyện nào nữa đó, đó cũng là tùy-tiện cho học trò vậy; đến như trường cao-đẳng và trường đại-học, nhưng chỉ lập ra ở chỗ thủ-phủ ba kỳ, như là ở Huế, ở Hà-nội và ở Sài-gòn. Còn như các cách học khác nữa, như là nữ-học, vũ-bị-học và bách-công-học, cùng là các thực-nghiệp-học, các nhà trường ấy, đều phải trừ-lập hết cả, nhưng cách dạy nên sẽ bàn riêng. Bây giờ lại cũng bắt chước các nước, có các thứ nhà trường hoặc nhà nước lập ra, hoặc các quan lập ra, hoặc nhà tư-gia lập ra, nhưng cái cách dạy, đều theo cái học-qui nhà-nước định ra hết cả.

Học-khoa tức là các khoa dạy cho học-trò ở trong trường đó vậy, như khoa tu-thân, khoa văn-học, khoa lịch-sử, khoa địa-lý, khoa toán-thuật, khoa cách-trí, khoa hội-họa, khoa xướng-ca, khoa thủ-công, khoa thương-nghiệp, khoa nông-nghiệp, khoa ngoại-quốc-ngữ, ấy là các khoa ấy. Ở bậc tiểu-học phổ-thông cả toàn-quốc-dân, thời ở về các khoa ấy, chỉ là dạy cho có đủ cái trí-thức thiệp-liệp, ở về bậc trung-học là học dự bị lên chuyên-môn ở cao-đẳng-học, thời là dạy theo cái lẽ do thiên nhập thâm, đến như cao-đẳng-học là học chuyên môn, thời thuộc về những người theo học về khoa nào đều là phải dạy cho có đủ cái trí-thức hoàn-toàn về khoa ấy. Lên đến bậc đại-học, thời là tinh rồi mà lại cầu lấy cho thật tinh, thâm rồi mà lại cầu lấy cho thật thâm, nghĩa là đến đấy rồi mà cái việc học của nhà-nước đặt ra, đã là cùng rồi, cái lý học của người ta muốn cầu cho biết, cũng đã là cùng-cực rồi vậy.

Hai là thuộc về các bậc học, những bậc nào thuộc về cách giáo-dục

nào. — Bây giờ định ra các bậc học thời có bốn bậc đó, tựu-trung bậc tiểu-học tức là quốc-dân-chi-giáo-dục đích, là gia-đình-chi-giáo-dục đích, lại cũng tức là cương-bách-chi-giáo-dục đích vậy, nghĩa là đã gọi là cách học phổ-thông cả quốc-dân, ấy là dạy cho một cái tư-cách làm quốc dân là phải thế, phàm là con em trong quốc-dân, tất là ai cũng phải có một cái tiểu-học tốt-nghiệp-văn-bằng, mới được đi ra làm việc này việc khác, ai có con em mà không cho đi học, tất là phải phạt tất cả. Bậc trung-đẳng-học là học dự-bị chuyên-môn, bậc cao-đẳng-học là học chuyên-môn, cho đến bậc đại-học là học nghiên-cứu cho đến cùng-cực, đều là nhân-tài-chi-giáo-dục đích, nhưng trung-đẳng-học và cao-đẳng-học, còn là trung-tài-chi-giáo-dục tích, đến bậc đại-học mới là tuấn-tú-toàn-tài-chi-giáo-dục đích vậy.

Ba là thuộc về sách dạy và thầy dạy, bây giờ làm thế nào tổ-chức cho khéo. — Sách dạy tức là những sách giáo-khoa đề mà dạy cho con em bây giờ đó vậy. Bây giờ phải có một tòa học-vụ-hội-đồng, những các ông hội-viên, thời là lấy những ông quan tây và quan nam có chân văn-học ấy sung vào đấy, để cho có cái chuyên-trách trừ-định việc học.

Lại lập ra một cái tu-thư-cục, chọn những người có cái tài làm sách sung vào đấy, để cho có cái chuyên-trách sửa-soạn sách dạy, tựu-trung những sách phải sửa bây giờ, như sách đề dạy chữ nho, và sách chữ nho dạy về tu-thân luân-lý, phải chuyên do những người có cái đặc-sắc giỏi chữ nho, hoặc làm ra sách mới, hoặc là dịch theo sách tàu, đều phải có một thứ sách thật là gọn-ghe, thật là đủ ý-vụ là có thể khiến cho con em mau mau chóng chóng bi ết được chữ nho vậy.

Đến như những sách giáo khoa về chữ quốc-ngữ, thời bây giờ nhất-khái theo cả toàn-thê những sách tây dạy ở các trường bây giờ ấy, mà dịch ra tất cả; còn đến như trong khi dịch sách thời lại phải cứ mỗi một ông giáo chữ tây, kèm thêm một ông chữ nho, để cầu cho có phần được rắng những tiếng dịch ra đó, có lẽ được thỏa-hợp đĩnh-chính vậy.

Lại cốt rằng bây giờ việc học của ta, cần phải tổ-chức lấy bậc tiêu-học trước đã, thời bây giờ cũng cần phải sửa lấy những sách tiêu-học-giáo-khoa trước đã vậy.

Bây giờ lại còn có một sự cần-cấp cốt-yếu nhất nữa, là cái vấn-đề tiếng nói; làm thế nào cho được cái tiếng nói của cả toàn - quốc, chung - qui thống - nhất, thời bây giờ chỉ có lẽ rằng ở về trên những chỗ sách dạy, phải có một thứ chữ thống-nhất, thế nghĩa là ở bây giờ gọi là cái Quốc-văn-tự-diễn ấy, tất phải có lập được tòa Hàn-lâm mới xong vậy.

Thầy dạy tức là những ông thầy mới đặt ra để dạy về các khoa đó vậy. Bây giờ thực về những thầy dạy chữ nho, thời cứ chọn những ông tiến-sĩ phó-bảng, cử-nhân, tú-tài, và những người nhất-nhi-tường ấy là được, thuộc về những thầy để dạy chữ quốc-ngữ, thời ở về các ông thầy dạy chữ nho ấy, cũng có nhiều người kiêm cả được, bây giờ không cứ là những ông thầy về bậc nào khoa nào, từ ra những người đã có cái văn-bằng đỗ về khoa học chữ pháp rồi ấy, ngoài ra lại phải lập ra các trường sư-phạm, để đào-tạo lấy những thầy dạy cho được hoàn-toàn về sau này; ấy lại cũng là cái trách-nhiệm của các ông học-vụ-hội-đồng, thế-tất phải trù-liệu sớm đi mới được vậy.

*Bốn là thuộc về chữ Pháp, bây giờ là học giao - thiệp, và học nghiên - cứu*

*văn-minh, thời phải có bao nhiêu bậc giao-thiệp và bao nhiêu bậc học nghiên-cứu văn-minh.*

Một là bây giờ chuẩn-định làm sự học quốc-dân giao-thiệp, tự-trung cũng phải phân ra có thật nhiều bậc người giao-thiệp, thời cũng tất phải phân ra thật nhiều hạng học giao-thiệp, như những người theo về việc nhà nước, trên từ các quan to, cho đến các quan phủ huyện, các quan binh-biền, các hạng thông-ngôn, giáo-học, thừa-phái, lại cho đến dưới nữa là người tổng-lý kỳ-mục, đều phải là những người có biết chữ pháp hết cả, thời bây giờ phải đặt ra các trường dạy, để đào-tạo lấy người; đại để kỳ-trung những các hạng thông-ngôn giáo-học, tất là phải có cái bằng trung-học đỗ về chữ pháp trở lên mới được, còn như những bậc người kia, chỉ có một cái bằng tiêu-học chữ pháp cũng là đã được rồi, nhưng là những người học được bậc cao, thời lương-bổng sẽ lại tùy-từng bậc mà gia-hậu thôi vậy.

Một là bây giờ chuẩn-định làm sự học nghiên-cứu văn-minh, tự-trung các khoa-học cũng nhiều, cứ theo qui-chế học-pháp làm nhất-định, gọi là các trường học chữ pháp, ở trong nước đã phải có đủ các thứ nhà trường cho học-trò học, về sau lại lấy những người tốt-nghiệp về bậc đại-học, phải cho sang lưu-học ở bên Pháp, học thành rồi về nước nhà, đều phải đem những sự đã học được đó mà dịch ra làm sách quốc-ngữ, để truyền-bá các cách văn-minh cho quốc-dân cùng biết.

Nhưng cốt lại là bây giờ ở về sự học chữ pháp, thời phân ra làm hai phái học là thế vậy, nhưng lúc trước tất phải có cái bằng tiêu-học về chữ quốc ngữ đã, để làm cái cách giáo-dục có cái tư-cách quốc-dân đã, không phải là bắt đầu đi học chữ pháp ngay mà được.

Tóm-lược lại, đây tôi ư cái vấn-đề việc học nước ta bây giờ, cũng là làm một cái lời bàn giải-quyết đó vậy, đại-đề cái ý-kiến của tôi đối với sự học, là tôi cũng chỉ so-sán về cái sự-ly có hợp với nước ta bây giờ mà bàn ra đó thôi, tôi tưởng giá-phông không có thể được cả toàn-số quốc-dân ta cùng biểu-đồng-tình, nhưng chắc có thể được cái số quá nửa người cùng biểu-đồng-tình vậy. Tôi sở-luận cái tinh-thần việc học, là cái sự thiết-thực chính-đáng chi khuynh-hướng của cả toàn-quốc-dân, ở về người thô-thiền hoặc không có tự-nhận lấy được, chớ như ở về phần người hữu-thức, chắc không ai không bảo thật là chính lý vậy. Còn đến như tôi sở-luận cái hình-thức việc học, thời chẳng qua nhân cái tinh-thần ở vào đó, mà lược-cứ cái hình-thức phải xếp-đặt như thế, cũng lại là chỉ theo cái văn-minh học-ly, mà không có dám làm ra khác ý chỗ nào sót cả vậy.

Thế nhưng bây giờ tôi cũng tự nghĩ

rằng có lẽ lời bàn của tôi đây là lời bàn háng-quơ mà thôi; làm sao vậy? Nghĩa là Nhà-nước Bảo-hộ ư cái việc học nước ta bây giờ đã làm ra một cái định-cục rồi vậy.

Thế nhưng tôi lại còn có cái sự mong ở về ý-ngoại ấy, ấy là giá-phông Chính-phủ Bảo-hộ ư cái lời bàn tôi đây có khi xem-xét đến, mà có ý nhất-khái thi-hành, thời tôi dám có một lời quyết chắc rằng chỉ trong độ mười năm mà quốc-dân đã kha-khá rồi, lại trong độ hai mươi năm mà quốc-dân ta đã khá lắm nữa rồi, dần-dà cho đến ba-mươi năm, mà đến lúc bấy giờ quốc-dân ta đối với cái ơn-đức Bảo-hộ, có lẽ đáng là núi sông nước Nam còn lúc nào, là quốc-dân ta phải ghi-nhớ lúc ấy vậy. Tôi đang cầu khẩn đêm ngày mong được như thế vậy, quốc-dân ta cũng nên cầu khẩn đêm ngày mong cho được như thế vậy.

Văn-son NGUYỄN KHẮC-BÌNH

## II

### MẤY LỜI PHÂN-GIẢI LẠI VỀ BÀI « BÀN VỀ VIỆC HỌC Ở NHÀ QUÊ »

Nhân bài dư-luận về việc học của ông cử NGUYỄN KHẮC-BÌNH đăng báo kỳ trước, bản-chí mới tiếp được một bài phân-giải lại của quan Huyện HOÀNG HỮU-ĐÔN xin cứ ý nguyên-văn đăng như sau này. Như lời bản-chí đã nói trên đầu bài ông cử NGUYỄN kỳ trước, quan huyện HOÀNG nguyên định bàn riêng về sự học chữ Pháp, nên trong bài đăng báo số 43 không nói đến quốc-ngữ và chữ Hán, chớ bản-tâm ngài không phải là muốn bàn nên bỏ Hán-văn và quốc-ngữ đâu. Vậy bài bình-luận của ông cử NGUYỄN nên coi như là một bài công-luận, nhân bài của quan huyện HOÀNG mà làm ra để khuyến-khích quốc-dân nên duy-trì Hán-học, chớ không phải là một bài phản-đối riêng về ý-kiến quan huyện HOÀNG. Bản-chí chắc rằng quan HOÀNG HỮU-ĐÔN là người cao-thượng, không có vì những lời bình-luận ấy mà méch lòng, và cũng chắc rằng ông NGUYỄN KHẮC-BÌNH biết lẽ công-bằng, sẽ sẵn lòng công-nhận những lời phân-giải như sau này. Hai ngài tuy lập-luận mỗi người một khác mà cái chủ-ý cũng là một, cùng là vì sự công-ích cho quốc-dân mà bàn-bạc cả. — Còn cái vấn-đề về sự học ở nước ta thời tưởng bàn đến bao nhiêu cũng chưa hết được, bản-chí vẫn sẵn lòng mở một mục riêng đề các bậc cao-minh nghị-luận.

Xem báo Nam-Phong số 47 vừa rồi, thấy ông Cử Nguyễn Khắc-Bình bình-luận bài « Bàn về việc học ở nhà-quê » một cách nghiêm-khắc quá, lẽ ra cứ mấy lời giải của quý-bào chủ-bút ở đầu bài bình-luận ấy, cũng đủ làm cho quốc-dân nhận biết rằng cái mục-dịch bài của tôi là cốt cổ-động việc sơ-đẳng-học cho chóng hoàn-toàn, để cho con em nước mình khỏi phải lâu ngày mong-đợi, chớ không có ý gì bàn về việc nên lưu lại hay nên bỏ chữ hán cả; bĩ-nhân đã nhiều lần ngăn-ngại không muốn trả lời, vì lại thêm ra một mối tranh-biện nhau vô-ích; nhưng mà đọc đi đọc lại bài bình-luận của ông, thấy ông nghiêm - khắc quá, cho đến những câu bĩ-nhân không nói đến, mà cũng cho là lời bĩ-nhân nói, mà bĩ-nhân tưởng là có khi chính tại cái câu bĩ-nhân không nói ấy, mà sinh ra có bài bình-luận quá-khắc này.

Câu không nói ấy là câu thứ tư mà ông cử Nguyễn đã tìm ra được: « Quốc-dân ta bây giờ, kể về học chữ nho, thật là không có sự ích-lợi cả ». Cái câu kết-án ấy, bĩ-nhân cũng đọc đi đọc lại năm bảy lượt như ông, mà trong bài của bĩ-nhân, không thấy chỗ nào là lời của bĩ-nhân nói như thế. Lại thay! ách giữa đường vô-cớ mà lại phải quàng vào cổ! Hay là ông Cử nóng nảy quá, xem câu ấy trong tờ thông-tư của quan Toàn-quyền ngày 20 tháng 3 năm 1918, mà quý-bào chủ-bút đã dịch ra, và bĩ-nhân cũng có nhắc lại trong bài của bĩ-nhân (số 43), trong tờ tư ấy, đoạn gần cuối cùng, có câu: « Ngày nay chữ Tàu học không có ích-lợi gì nữa ».

Có lẽ là vì câu ấy chẳng, vì xem trong bài bình-luận ông Cử, thì câu thứ tư rất là kịch-liệt, nhưng mà bĩ-nhân có can-thiệp gì đến câu nói ấy, là câu trong tờ thông-tư, nghĩ cũng buồn thay!

Câu thứ ba. — Trong câu này, tôi nói rằng việc học bây giờ, thì nên lấy chữ quốc-văn làm gốc; nhưng mà cứ theo thời-thế bây giờ, nếu không học chữ pháp thì khó lòng mà tấn-tới bằng người; tôi tưởng câu ấy cũng đã nhiều người nói như thế, cái ý tôi là cốt nói những người sau này có muốn chuyên về chữ pháp, thì lúc bắt đầu cũng nên học qua chữ pháp một ít, thì sau đó công đôi chút, cái đó tưởng cũng không hại gì, chớ tôi có khi nào nói đem chữ pháp làm gốc để dạy phổ-thông cho quốc-dân mình đâu, mà Nguyễn-tiên-sinh cũng phí mất ít thì-giờ mà bình-luận. Và lại sự học chữ pháp bây giờ cần hay không cần, quốc-dân cũng đã rõ, mà các nước văn-mình trong năm châu, tuy phần nhiều không thuộc quyền nước Pháp mà cũng nhiều người học chữ pháp, nghĩa là học để rộng thêm kiến-vấn tư-tướng để cho hiểu biết nhân-tình thế-sự ngày nay, chớ có phải học để vì kế sinh-nhai, vì tính nô-lệ, thì còn kể làm chi.

Thưa Nguyễn-tiên-sinh, bĩ-nhân vốn cũng là xuất-thân một nhà cựu-học, ba đời khoa-giáp, vẫn tôn hán-học, vẫn lấy chữ trung-quân ái-quốc làm trọng; nhưng nhiều khi nhìn đến 5, 7 tủ sách nho của nhà để lại, tìm đi tìm lại, trông trước trông sau, cũng chỉ thấy toàn sách cựu-học, và mười lăm quyển tân-thư, muốn hiểu tinh-thế thiên-hạ bây giờ, biết tính làm sao!

Có người bảo rằng đã có tân-thư của Tàu; có thật, nhưng được bao nhiêu quyền bán ở nước mình, bĩ-nhân đã nhiều lần dụng-tâm tìm khắp các phố để mua một ít mà xem, nhưng xin thú thật khó lòng mà tìm được nhiều sách, hoặc là không may cho bĩ-nhân gặp lúc Trung-hoa-dân-quốc chưa gửi sang chẳng? — Đến lúc phải đi hỏi thăm hỏi dò, mới biết rằng

muốn mua nhiều sách thì phải hỏi đến « Thương-vụ Ấn-thư-quán » ở Thượng-hải mới có ; mà quả vậy, cứ xem quyền thư-mục của nhà bán sách ấy, thì ở bên ta nghìn phần chưa có một. Nếu mà sách tân-thư tàu ở đây cũng có đủ như thế, người bản-quốc ta trước-tác tân-thư chữ nho cũng nhiều như thế, thì bi-nhân xin hết sức hô-hào cùng quốc-dân mình nên cố công học-hành, dù thập-niên đăng-hoả, cũng cam tâm. Nhưng than ôi ! muốn học mà không đủ sách, học mà phải mua sách tìm sách tần-phiền như thế, thì trông cũng khó lòng cho con em Việt-Nam mình biết bao !

Ta hồi-trở lại các thư-viện các nước, và cái đại-thư-viện ở Hà-nội (1), sách tân-thư kể đến hàng vạn, hàng triệu, mà bọn thay cho mình, tìm được năm ba mươi bộ tân-thư tàu, vài ba mươi quyển quốc-văn mình còn khó như thế mà đáng lo buồn xiết bao !

Xin các bậc văn-sĩ, các nhà tư-bản nghĩ đến cái vấn-đề này cho. Hoặc nên mở một hiệu bán nguyên sách tân-thư tàu và các ngài cũng nên lưu-tâm mà trước-tác tân-thư ta cho nhiều, để cho những người hiếu-học đủ xem. Bi-nhân mong rằng Nguyễn - tiên - sinh bớt cái thì - giờ bình-luận mà trước-tác tân-thư thì hay hơn.

Cũng vì nhiều nỗi khó - khăn cho sự học chữ nho bây giờ như thế, nên bi-nhân mới có cái ý-kiến nên học thêm pháp-văn cho rộng hơn ; đã đành pháp-văn và hán-văn cũng đều là chữ ngoại-quốc cả, vậy thì chữ nào hay thì cũng nên học cả, ta đâu có học cả chữ nho, chữ pháp cũng không hại gì, cốt lấy chữ quốc-văn ta làm gốc là đủ.

Ai đã đọc qua lịch-sử nước Ba-lan, cũng phải ngậm-ngùi, và một điều đáng nhận biết rằng nước Ba-lan (Pologne) đã gần 200 năm nay, từ năm 1772, 1793, 1794, ba lần qua-phân, bao phen lưu-huyết, chung-cục phải Đức, Nga và Hung-gia-lợi thôn-tinh, mất cả quốc-hiệu, nhiều người Ba-lan phải đến nổi lưu-tán ra nước ngoài, thế mà quốc-văn nước Ba-lan còn, thì ngày nay nước Ba-lan cũng hưng-phục lại được. Và lại người Ba-lan phần nhiều sùng-mộ pháp-văn, mà cũng nhờ cái nghĩa giao-thông bằng văn-tự và tư-tưởng ấy, nên bây giờ Đại-Pháp cũng hết lòng mà bênh-vực cho nước Ba-lan được quang-phục. Ôi ! quốc-văn một nước quan-hệ với vận-mệnh hưng vong như thế, thì việc học quốc-văn mình phải làm gốc là cố-nhiên rồi, nhưng mà học chữ pháp tưởng cũng chẳng hại gì cho người Việt-Nam mình.

Mà ngày nay những người không có hạnh-phúc mà mua được tân-thư tàu như Nguyễn-tiên-sinh, và các ngài đã mua được, thì cùng nhờ có sách Pháp mà biết được lịch-sử năm châu, hiểu được tư-tưởng, học-thuật, nhân-tình, thế-sự trong thiên-hạ.

Học pháp-văn như thế, tưởng cũng không phải là vô-ích.

Còn như sự ích-lợi về hán-học, bi-nhân đã từng nhận biết mà tôn kính xưa nay, không khi nào có lời nghị-luận đến, mà cũng không khi nào nói đến việc bỏ hán-học ; cứ ý bi-nhân, thì dầu muốn đời cũng không nên bỏ, miễn là không hại cho sự học-vấn của mình thì thôi. — Chữ hán cũng như

(1) Cái đại-thư-viện đã lập tại Hanoi vài năm nay, chính chỗ nha Kinh-lược cũ, ở phố Trường-thị (Rue Borgnis Desbordes), thư-viện này có hơn mấy vạn sách, và nhật-báo tạp-chí cũng nhiều, người mình và người Pháp đều được tự-do ngày ngày đến xem đọc. Quốc-dân cũng nên đến xem, cho biết sự học-vấn của Pháp cũng như rừng nho bề thánh, vô-cùng vô-tận, kể sao cho xiết, chớ xin đừng nghĩ lầm rằng chỉ học mấy câu đầu lưỡi, mấy chữ đề dịch, đã đủ đâu. (H.H.Đ.)

chữ La-tinh ở Pháp, có khi nào bỏ được.

Nguyễn-tiên-sinh nói rằng độ mấy trăm năm nữa mới nên nói câu bỏ hán-tự, thì cũng hơi sớm quá!

Vả lại xưa nay, bản-tâm bí-nhân vẫn một lòng kính mến những người nho-học, mà nhất là những người danh-nho cao-sĩ; xin xem qua mấy câu của bí-nhân viếng ông Phan Bru-Văn vừa rồi, cùng đăng vào số báo *Nam-Phong* số 47 này, thì rõ bản-tâm bí-nhân đối cùng nho-học thế nào.

Tự-nhiên mà Nguyễn-tiên-sinh vội-vàng đem một câu bí-nhân không bao giờ nói đến, mà bình-luận quá-khắc trên tờ báo, khiến cho bí-nhân phải ngậm-ngùi biết bao!

*Câu thứ năm.* — Trong câu này Nguyễn-tiên-sinh cũng thêm một chữ cho khác hẳn ý-kiến của tôi, và lại làm cho nặng thêm. Trong bài trước, tôi có nói: « ai có con phải nên cho đi học sớm, » chứ không nói như lời Nguyễn-tiên-sinh: « ai có con phải cho đi học chữ tây sớm. » Nghĩ cũng lạ thay! Vậy thì Nguyễn-tiên-sinh cố thêm những chữ tôi không nói đến, để mà bình-luận cho đỡ buồn hay sao?

Nguyễn-tiên-sinh lại buộc đến chữ « công-danh », bí-nhân có nói: « ai có con nên cho đi học từ 7 tuổi, kéo sau lỡ bước công-danh ». Cũng vì bí-nhân thấy đồng-bào mình phần nhiều hay để trẻ con ăn chơi lêu-lồng đến 9, 10 tuổi mới cho đi học, nên mới nhắc lại câu ấy, và chữ công-danh của bí-nhân nói đó, cái ý cũng như chữ công-danh mà Nguyễn-tiên-sinh đã giải nghĩa.

Chữ công-danh này tức là lập công-danh sự-nghiệp cùng đời, tức là để kinh-bang tế-thế, phù vua giúp nước, pháp-văn gọi là *gloire*, chứ không phải nói về đường sinh-nhai, về đường hoạn-lộ, để chung-thân chỉ khu-khu

giữ chút thân-danh; Nguyễn-tiên-sinh lại nói rằng có lẽ ý tôi bảo lỡ bước công-danh, nghĩa là không mong gì vào đường làm quan nữa!..

Thưa Nguyễn-tiên-sinh, câu ấy ngài, hiểu lầm, xin xem qua bài « Một cái khuynh-hướng sai nên giải » của bí-nhân đã đăng vào báo *Thực-nghiệp* số thứ 4 lúc báo mới xuất-bản, thì cái bản-tâm của bí-nhân đối cùng hoạn-trường thế nào đủ biết.

Xưa nay bí-nhân vẫn lấy tinh-thần-chủ-nghĩa làm trọng, vẫn xem vật-chất-chủ-nghĩa làm thường, bí-nhân đã nhiều phen than-thở về chữ phú-quí vinh-hoa đã lừa biết bao khách công-khanh xa-mã. Nguyễn-tiên-sinh lại nói rằng: « Dù sớm dù muộn, lúc nào chẳng lập được công-danh. » Phải lắm. — Nhưng bí-nhân xin hỏi, đời nào cũng thế, có học mới dễ đường công-danh sự-nghiệp, nếu mà lúc trẻ chậm bước, đến khi quá tuổi, vào trường nào cũng bị xô đuổi, thì biết học vào đâu? Mà đã vô-học, thì cũng khó lòng lập được công-danh cùng đời.

Hay là lấy truyện bà Trinh-Đức (Jeanne d'Arc) và hai bà Trưng nước ta mà so-sánh, nói rằng làm thân nhi-nữ, mình tuy vô-học, cũng còn biết lấy thân tuấn nước, cứu nạn cho dân, mà lập được công-danh sự-nghiệp cùng đời, danh-tiếng vẻ-vang cho đến muôn đời cũng còn bia đá tượng đồng. Nhưng mà ta thử hỏi, trong thế-giới chùng đượ bao nhiêu người vô-học mà làm nên như thế?

*Câu thứ sáu.* — Nguyễn-tiên-sinh lại nói đến chữ « văn-minh », và cách cư-xử cùng người Pháp. — Tiên-sinh trách tôi sao đã nói đến chữ văn-minh quý-báu, mà lại không nói đến cái văn-minh quý-báu ấy nó thế nào, tiên-sinh cho là một cái khuyết-diểm về sự lập-ngôn. Xin tiên-sinh hãy xem lại

cái bài của tôi trước, là mục-dịch nói về việc gì, cái vấn-đề tôi định cùng quốc-dân giải-quyết là cái vấn-đề việc học; nếu lại cứ giải nghĩa từng chữ thì hóa ra tôi lại nghị-luận ngoài vấn-đề của tôi hay sao? Rồi e lại có người khác bình-luận nữa. — Và lại hai chữ văn-minh, Chủ - bút báo *Nam-Phong* cũng đã có một bài đại-luận trong số 42 rồi, và tôi nhớ lại có đọc một bộ « Văn-minh-sử » của ông DRAULT và ông MONOD và một bộ sách tàu nhan đề « Thái-tây dân-tộc văn-minh sử », hai bộ sách ấy giải nghĩa hai chữ văn-minh, ước cùng đem đăng báo tưởng đến 10 số báo *Nam-Phong* bỏ cả những bài khác, chỉ đăng nguyên chữ văn-minh cũng chưa đủ, mà chắc Chủ-bút cũng hơi phiền lòng, vì cứ đọc văn-minh hoài trên báo.

Vậy thì bỉ-nhân tưởng Nguyễn-tiên-sinh giải nghĩa hai chữ văn-minh vừa rồi, cũng còn hơi thiếu.

Còn Nguyễn-tiên-sinh bảo rằng cái câu tôi nói : « Ta phải học chữ pháp để cho hiểu tinh-tinh người Pháp mà ăn ở cùng nhau », Nguyễn-tiên-sinh nói rằng : « nếu mà câu ấy lọt vào tai đám học của mình thì thành ra mình dạy cho con em mình chỉ có con mắt trông về đường phục-tùng, chỉ có con mắt trông về đường nô-lệ, không còn có con mắt trông về đường tự-lập là thế nào nữa. »

Ôi ! câu nói ấy, tưởng đâu đến nỗi quan-hệ đến thế, mà Tiên-sinh dạy quá lời ! Câu của tôi đã nói, tưởng xưa nay nhiều người tai mắt cũng đã nói thế !

« Học chữ pháp để cho hiểu tinh-tinh người Pháp để mà ăn ở cùng nhau », câu ấy tưởng có thần-lực gì quái-lạ, làm cho con em Việt-Nam mình chỉ có con mắt trông về đường phục-tùng, nô-lệ, và không trông về đường tự-lập !

Thưa Tiên-sinh : trước câu ấy 50 năm nay, cho đến ngày nay, mà có lẽ cho đến ngày sau, cái tâm-lý của người mình thế nào, xin tiên-sinh xét lại cho kỹ mà xem.

Tiên-sinh bình-luận quá nghiêm-khắc, làm cho tôi mấy hôm nay phải ngậm-ngùi suy-nghĩ không nguôi lòng, nghĩ bao nhiêu lại thương thâm bấy nhiêu !

Than ôi ! Nước mình phải nội-thuộc Tàu hai lần, cái tâm-tính phục-tùng nô-lệ, tưởng đã một gần đến xương, có phải vì câu tôi nói vừa rồi mà đến thế đâu !

Cái tâm-tính ấy sau này còn hay hết, cũng do sự học-vấn thấp hay cao của quốc-dân mình đó mà thôi.

Và lại tôi nói : hiểu-tinh-tinh để ăn-ở cùng nhau, nghĩa là có hiểu biết nhau mới quan-sát được những việc hành-động của nhau, mới biết tâm - lý người qui-quốc đối cùng người mình làm sao, để mà xem mình có điều nào hèn-hạ nhục-nhẫn thì nên bỏ đi, điều nào chính-dáng thì nên giữ lại, để mà cư-xử cùng nhau cho xứng cái nhân-phẩm người đối cùng người. Chớ nào phải hiểu biết tinh-tinh nhau, để mà cầu cái điều thỏa-hợp một khi một thì, để mà khuất-tùng xu-phụ, để mà rẻ mình như lươn như rùn, tôn người như trời như bễ, nếu thế, há chẳng thẹn mặt cho con tiên cháu rồng lắm rư ? Nếu vậy, há chẳng nhục cho một nước vẫn tự-nhận là nước văn-hiến lắm rư ?

Thưa Tiên-sinh, cái gương thế-sự còn đó, đã mờ đi đâu ! — Trước câu nói của tôi, cho đến bây giờ, cho đến đời sau, tưởng cũng còn có người không cần hiểu biết tinh-tinh nhau, mà cũng vào luồn ra cúi, lấy nhục làm vinh, nhan-nhẫn biết bao nhiêu người, đã làm cho thẹn mặt non sông của Việt-Nam tổ-quốc lắm rồi ! — Lo

là phải đợi đến bao giờ mới trông thấy ! Mà nói bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu !

Còn Tiên-sinh nói rằng chỉ tôn đạo-đức, trọng pháp-luật, là đủ làm cho nhau tương-thân tương-ái ; — theo lý-học thì rất phải lắm ; nhưng mà lúc thực-hành thì tưởng cũng hơi khó. — Nếu đã không hiểu tinh-tĩnh nhau thì bình-nhật tất không thể tương-thân cùng nhau được, thì cũng khó lòng mà tỏ lộ cái đạo-đức pháp-luật của mình ra được, mà dù có biểu-lộ ra được, cũng chẳng qua trên tờ giấy trắng mực đen đó mà thôi.

Vậy thì cái câu của tôi nói, tưởng cũng chẳng hại gì cho tâm-tĩnh người mình cả, hoặc là vì tôi chưa kịp giải nghĩa rõ, nên Nguyễn-tiên-sinh mới vội trách đó thôi.

Còn như câu thứ nhất, thứ nhì, tôi xin cảm - tạ tiên-sinh cũng một lòng vì quốc-dân, vì tổ-quốc, mà cũng cố-động để giải-quyết cái vấn-đề phổ-thông giáo-dục cho xong, để cho con em nước mình được yên lòng đèn sách ; cái vấn-đề này, tưởng những người thức-giả trong nước, nên tận-tâm mà giải-quyết cho hoàn-toàn.

Thưa Tiên-sinh, bản-tâm tôi xưa nay là không muốn bình-luận riêng đến ai bao giờ, chỉ cốt đem chút nhiệt-tâm mà bày-tỏ những vấn-đề quan-trọng trong nước, để cùng dư-luận mà phân-giải, ai có ý-kiến người ấy, nếu không hợp nhau, thì lại bày giải ý-kiến mình ra, nhưng mà tưởng chẳng nên bình-luận nhau làm gì, nếu tiên-sinh nhân cái bài của tôi, mà bàn riêng một bài cũng về vấn-đề ấy, mà không chỉ-trích từng câu của tôi thì hay hơn, không ngờ tiên-sinh vội-vàng bình-phẩm kịch-liệt quá, thậm-chí tiên-sinh nóng-nảy quá, đến nỗi đem những câu của tôi không nói đến mà nghiêm-trách, thì thật là quá-khắc lắm vậy.

Tôi vẫn thường nhớ những câu sách dạy rằng : « Đương khi những vấn-đề

quan trọng trong nước chưa giải-quyết xong, thì bao nhiêu người trong nước không nên mất thì-giờ mà bình-phẩm nhau vô-ích, nghĩa là phải coi cái vận-mệnh một nước làm trọng hơn hết. »

Sau này bỉ-nhân lại xin cảm ơn Nguyễn-tiên-sinh đã lấy cái nghĩa đồng-bào mà bình - luận, nếu bằng không có câu « đồng-bào chi nghị » thì không biết Tiên-sinh bình-luận đến thế nào nữa !

Nói tóm lại, thì cái bài trước của tôi là bàn về một cái vấn-đề chung về sự-học, không nói riêng gì đến vấn-đề sư-phạm, phải nên dạy-hân-văn hay là pháp-văn, phương-pháp dạy thì phải thế nào ; về môn sư-phạm, thì tưởng đã có các ngài sẽ bàn đến, cho nên bỉ-nhân chỉ nói phải lấy quốc-văn làm gốc, và bàn qua mấy câu về pháp-văn mà thôi, bản-tâm của bỉ-nhân là muốn các bậc tri-thức trong nước nên cùng nhau giải-quyết cái vấn-đề phổ-thông giáo-dục cho xong mà thôi ; vậy mà Nguyễn-tiên-sinh bình-luận quá lời, trích ra từng câu, từng chữ, thật đáng buồn thay !

Nhưng mà bỉ-nhân cũng không dám trách tiên-sinh, mà chỉ xin thưa lại rằng tiên-sinh bình-luận một cách quá nghiêm-khắc lắm vậy.

Bỉ-nhân lại mong rằng tiên-sinh nên để thì-giờ mà giải-quyết những vấn-đề quan-trọng trong nước còn đang phân-vãn, hoặc là trước-tác thêm tân-thư cho con em đủ học, thì hơn là đem thì-giờ mà bình-luận quá nghiêm-khắc, làm cho kẻ bị bình-luận phải ngậm-ngùi vô-ích, và lại mong rằng trong bài này, còn có câu gì sơ-xuất, xin tiên-sinh cũng lượng cho, — thế mới xứng cái nghĩa « đồng - bào » của tiên - sinh đã bày tỏ ra đấy vậy.

HOÀNG HỮU-ĐÔN  
Tri-huyện Yên-phong

## BÀI KÝ CHƠI CHÙA THẦY

Người ta sinh-trưởng trong một nước mà không biết giang-sơn, thắng-cảnh, danh-lam của nước mình thời sao có sinh ra lòng mến nước. Không những thế mà thôi, đã làm trai thời phải tang-bồng hồ-thỉ, đi cho biết đó biết đây; phải nên tới những chỗ thâm-sơn cùng-cốc, nhiên-hậu kiến-văn mới rộng; phải có lưu-lạc giang-hồ, mới trải mùi nhân-tinh thế-thái.

Vậy bấy lâu nay chúng tôi vẫn nghe nói núi Sài-sơn là nơi thắng-cảnh nước nhà, nhân buổi nhàn-du, năm Tân-dậu mùa xuân tháng ba, cùng với người bạn đồng-sự cùng đi ngoạn-cảnh. Hôm đi khi trời ôn-hòa ấm-áp, mây quang trời tạnh, trăm thức hoa đua nở, dục lòng người hơn-hở du-xuân. Đi ô-tô tự nhà, xa chạy vùn-vụt hơn một tiếng đồng-hồ đã đến chân núi.

Núi Sài-sơn thuộc tỉnh Sơn-tây về vùng phủ Quốc-oai. Ôi! sao cổ-nhân đã có câu: « Có sơn thời phải có thủy », mà đây dương đồng-bằng mà lại nảy ra mây ngọn núi? Tuy không có thủy mà cảnh cũng hữu-tình. Dưới chân núi có một giầy lâu-dài cổ nguy-nga là đền thờ đức vua LÝ THẦN-TÔN; khi vào đến đền thời thấy gian giữa thờ khi đức vua đi tu; gian bên tả thờ tượng ngài y như lúc ngài còn triều-ngự; dưới có hai ông phỗng đứng chầu, ngoài có hai con hạc to và đẹp. Gian bên hữu thờ bài-vị khi ngài hiền-thánh. Cứ như lời ký-lão trong làng nói thời trong khám có hài-cốt đức vua luyện lại đắp thành tượng, chỉ khi nào có hội-hè, thời đàn-anh trong làng phải tray-giới tinh-khiết, rước tượng ra dề mộc-dục. Lại xem như đồ thờ, nào lọ cổ, nào bình hương, nào đồ gỗ, thời đủ biết khi-vật của ông cha mình khi trước cực-kỳ là tinh-xảo tráng-lệ và văn - chất lắm. Tục truyền rằng: vua LÝ THẦN-TÔN kiếp

trước là ông TỬ ĐẠO-HẠNH. Ông TỬ ĐẠO-HẠNH tên húy là TỬ-LỘ, người làng An-lãng huyện Vĩnh-thuận, tức là làng Láng (Hoàn-long). Tu ở chùa THẦY, cha là TỬ-VINH làm quan triều nhà LÝ, dùng tà-thuật phản ông DIÊN-THÀNH-HẦU; ông DIÊN-THÀNH-HẦU nhờ phù-thủy là ông ĐẠI-DIÊN dùng phép đánh chết. Ông TỬ ĐẠO-HẠNH tức giận lắm muốn báo thù, nhưng ngặt vì pháp-thuật của mình chưa được tinh-thông. Sau đêm ngày cố chí tu-luyện, báo thù được Đại-Điên.

Nhân bấy giờ vua Lý Nhân-Tôn chưa có con, cầu-tự mãi để giáng-sinh hoàng-tử nối nghiệp, mà vẫn không được. Sau có người tâu rằng: « Ở ngoài bể có đứa trẻ con lên ba, tự xưng là Hoàng-tử, tên gọi là Giác-Hoàng. Nhà vua có sự gì, y đều biết cả. » Vua sai mang về muốn nuôi làm con. Nhưng Đình-thần tâu: « Phải cho y thác-sinh vào nơi cung-cấm mới được. » TỬ ĐẠO-HẠNH nghe thấy thế mới bảo người nhà rằng: « Đây là Đại-Điên muốn đầu-sinh vào nơi nhà vua để báo thù đây. » Ông TỬ ĐẠO-HẠNH bèn làm phép không cho Đại-Điên đầu-thai được. Tin ấy đến tại nhà vua biết là TỬ ĐẠO-HẠNH làm phép để ngăn-ngừa việc đầu-thai. Vua giận lắm, bắt TỬ ĐẠO-HẠNH hành-tội. May mà nhờ được ông SÙNG-HIỀN-HẦU cứu. Rồi sau ông TỬ ĐẠO-HẠNH đầu-thai vào bà SÙNG-HIỀN-HẦU để báo ơn. Khi phu-nhân sinh được đứa bé con, đặt tên là Dương-Hoán. Dương-Hoán mặt mũi khôi-ngô, đỉnh-ngô lắm. Khi lên hai tuổi thông-minh lạ nhường, vua yêu mến cho nuôi ở trong cung làm con, rồi lập lên làm Hoàng-thái-tử. Khi lên ngôi tức là vua LÝ THẦN-TÔN; đó là kiếp trước ông TỬ ĐẠO-HẠNH. Bởi vậy trong đền có câu đối thờ rằng:

爲仙爲佛爲國王生化三身留異蹟。  
有洞有湖有天山江山一帶表奇觀。

Khi cung-chiêm đèn xong rồi chúng tôi lại sang chùa. Chùa này gọi là chùa Hương-hải, chùa trông cổ lắm. Chùa xây tự đời nhà Lý, đến nay đã ngót nghìn năm. Trong chùa thờ cũng như các chùa khác, duy chỉ có những chuông, trống và khánh là khác các nơi. Chuông cao bằng đầu người, rộng hơn một thước mặt, đúc tự năm ất-tị, tiếng kêu to lắm; trống thì to lạ nhưồng, bình-sinh tôi chưa trông thấy bao giờ, không biết làm từ đời nào, không còn dấu-tích gì cả, chỉ còn có tang không; người chui vào giữa đứng ngẩng lên vừa chấm đầu. Lại khánh cũng to, cân nặng bảy trăm cân, tiếng đánh kêu vang khắp vùng. Lúc trở ra trông phong-cảnh dưới chân núi cũng lấy làm ngoạn-mục; trước cửa đền có hồ bán-nguyệt; giữa hồ có nhà mùa rổi, hai bên tả hữu có hai lớp cầu. Cây-cối thực là cồ-thụ. Đứng đằng trước mà trông lại thực là một bức tranh sơn-thủy lâu-dài tuyệt-bút.

Xem xong chúng tôi rủ nhau dâng-sơn. Đờng lên một bước một cao, khác nào như thể lúc vào Thiên-thai. Đờng lên chùa Thầy khó hơn đờng vào động Hương-tích. Phải trèo, phải vịn cân-thận mới lên được. Lối đi khắp-khênh quanh-co, gian-nan trặc-trở; cây-cối um-thùm, cỏ hoa tươi-tốt, khiến lòng người cao-hứng mãi vui quên cả nhọc. Trèo lên hơn một khắc đồng-hồ, nhác trông lên vách đá đã có bia đề:

紹治貳年貳月拾捌日奉御筆  
予告休養之禮部尙書潘輝湜。扶  
鳩來覲。念其疇昔之臣。賞賜銀  
錢。詩以系之。

北郡詞場歷宦編。天衢幸際琢  
觚圓。乘槎不辱文章著。歸杖難  
捭疾病纏。楓殿芳留樽俎事。柴  
巖閑契鶴龜年。三朝疇昔常追念。

看著家兒日勉旃。

Lên trên tí nữa đã có nhà quán khách; chỗ này có tòa nhà gạch làm theo lối mới, để chỗ nghỉ chân; trong nhà nào tao-ông, dật-sĩ, mặc-khách, thi-nhân, đề-vịnh không biết bao nhiêu mà kể. Ký-giả không sao ký-ức được tường-tận, duy chỉ có bài này còn nhớ phảng-phất, vậy chép ra đây đề chư-quán nhân-lâm:

Trọng phục, lân què, phượng cũng đi,  
Sài-sơn phong-cảnh vẫn thanh-kỳ.  
Hóa-sinh truyện cũ còn ghi đó,  
Xây đắp công-phu dám kể chi.  
Lơ-lửng chợ trời mây trắng xóa,  
Tờ-mờ hang thánh đá xanh ri.  
Non kia sao mãi không già nủ,  
Trái tự Hồng-Mông biết mấy thi.

Đứng chỗ nhà quán-khách, thời gió mát lạ-lùng, không có chút bụi; cảnh-trí thực hữu-tình, vậy cũng bắt-chước cồ-nhân ngâm một câu:

Lâng-lâng chẳng chút bụi trần,  
Đờng lên chẳng biết rằng gần hay xa.  
Xinh thay hồi thú yên-hà,  
Đào-nguyên có phải nay đã ở đây?

Từ nhà quán-khách đến động Thánh-hóa, thời đi độ rầm phút đồng-hồ; nhác trông vào cửa động đẹp vô-cùng, không có lời nào tả cho hết cảnh xinh, không bút nào vẽ cho hết vẻ đẹp; duy chỉ có bộ máy ảnh thời mới chụp được hết linh-thần của tạo-hóa. Trong động có suối nước trong, có rỗng phun nước. Động cũng giống như chùa Giải-oan động Hương-tích. Nhưng lối lên động thời khó lên lắm. Chỉ có một cái thang nhỏ bắc lên, lên đến nơi phải bò rạp xát mình xuống đá mới vào được; vô-y trượt chân ngã thời có sự nguy. Vào tới động phải soi đuốc hoặc nếu mới trông rõ. Trong động hẹp lắm, đứng chỉ độ được vài ba người, bề cao vừa chấm đầu. Đá thạch-nhũ lấp-la lấp-lánh như kim-cương, như bức thảm gấm rác hạt chai

cheo trên tường. Trong động có pho tượng đồng, dưới có vết chân, có ống chân, có vết trán. Tục truyền rằng động này là chỗ ông Từ Đạo-Hạnh lột xác trần.

Lúc trở ra, người đã nhọc, vào nhà hậu may gặp được một vị cao-lăng người tuy còn ít tuổi, pháp-đạo đã cao-thâm, người có vẻ thanh-kỳ, từ-bi cốt-cách, câu truyện thanh-đàm, hòa-nhã; pha trà đãi chúng tôi để giải-khát. Ngồi nghỉ chân được ít lâu, nhà chùa cho mấy chú tiểu đi hướng-đạo đưa lên « Chợ Trời ».

Núi càng cao, gió càng mát, cảnh lại càng xinh, trông ra tứ-phía ruộng nương bát-ngát mông-mênh, cửa nhà san-sát như hai hàng bát úp. Trông xa thì thấy mấy ngọn núi, nào núi Kỳ-lân, núi Voi-phục, nào núi Phượng-hoàng, nào chùa Vọng-cách. Núi biếc, non xanh, cây cối rườm-rà, cỏ non mơn-mỏn, mây che khói tỏa quanh sườn, sương mờ buổi sáng chưa tan, ánh mặt trời chiếu vào trông đủ màu ngũ-sắc, đẹp như bức gấm Tứ-xuyên. Trên cảnh cây chim kêu riu-rít, vượn hót véo-von. Trông phong-cảnh chỗ này chẳng khác gì như Bồng-lai Tiên-đảo. Vẻ trời sắc nước, bóng liễu phất-phơ; cảnh lê trắng diêm. Cây hải-đường mơn-mỏn cành tơ; dóa thược-được đỏ tươi nhưng-nhức. Khiến lòng khách hữu-tình ngao-ngán, thêm động lòng thơ :

Núi kia ai đúc nên bầu,  
 Hoa kia ai khéo nhuộm màu tốt tươi.  
 Bước chân đến chốn chợ Trời,  
 Chợ Trời chỉ hợp vài người khách du.  
 Chợ Trời có bán xin mua,  
 Hết bao nhiêu của cũng mua chợ Trời.  
 Thử lên mặc-cả vài lời,  
 Bán mua đôi trác rất người khách tiên.  
 Tới nơi hết sạch lòng phiền,  
 Mong rằng ta sẽ gặp tiên đó mà.

Trái bao thỏ lặn ác tà,  
 Mà xem phong-cảnh nay đã khác xưa!

Lên đến chợ Trời, lại rẽ sang hang Thần -tôn tục gọi là hang Cắc-có, đường đi lên sườn núi, đá mọc lò-nhò, khó đi bằng mấy đường lên chợ Trời, đi giò từng bước, phải vin cây, rẽ lối lấy mà đi, kẻ đường thì không xa, thế mà đi mất hơn nửa giờ mới đến, vì đường đi khó lắm. Đến nơi trông thấy hang sâu quá, ai đều giợn gáy; dấu có can-dởm đến đâu cũng phải rùng mình, hang sâu thăm-thẳm không biết đâu là đáy, tối mò-mò; không có ai dám đứng trước cửa hang, nhỡ sa chân thì khó mà lên được, trông thấy hang này lại nhớ đến mấy câu của cụ Chu-Thần vịnh hang Hương-tịch :

Thăm-thẳm một hang lồng bóng nguyệt,  
 Gặp-ghềnh mấy lối uốn thang mây.  
 Chùng giang-sơn còn đợi ai đây,  
 Hay tạo-hóa đã ra tay xếp đặt....

Xem xong hang Cắc-có lại trở về hang Gió, hang này có nhiều gió và mát lắm, lại có nhiều giới quý, khi xưa gọi là « giới ngự cồng ». Nhà chùa có kể cho nghe rằng giá ở dưới đồng-bằng ta trời nóng-nực đến đâu, thời chỗ hang này vẫn mát lạnh. Chúng tôi đến đây ngồi nghỉ hóng mát, trong trí nghĩ vô nghĩ vẩn, ra cô-nhân hay tới những nơi rừng rậm, núi xanh, hang sâu, nước biếc, để di-dưỡng tính-tĩnh, có người mãi vui mẩn cảnh quên không muốn về nhà. Bởi vậy sách có câu :  
 空山寂寞道心生; lại có câu : 仁者樂山知者樂水.

Ồi ! sao người đời nay có lắm người chỉ mãi vui vào cuộc chơi-bời vô-ích, đến nỗi mất cơ mất nghiệp, tổn tinh-thần, hại sức khoẻ, mất danh mất giá, không được hưởng cái thú thiên-nhiên của tạo-hóa. Khi ký-giá đương nghĩ

vơ-vần chợt nghe chuông chùa đã đánh, ngừng đầu lên, mặt trời đã xế, chiếu dãi thu-không, dờ đồng hồ ra xem đã gần bốn giờ chiều, vội-vàng ihu-xếp hành-lý ra về. Lúc về đến

nhà ăn cơm xong nằm nghỉ, trong trí vẫn còn bàng-khuàng nhớ cảnh nhớ chùa.

LÊ ĐÌNH-THẮNG

Thơ-ký ở phủ Thống-sứ Bắc-kỳ

## VĂN - UYÊN

### HÁT SẼM CÔ - ĐÀO

#### I

Anh như tấm vóc đại-hồng, em như kim chỉ thêu rồng nên chăng? Nhất chờ, nhì đợi, tam mong, tứ tưởng, ngũ nhớ, lục thất bát mong, cửu thập tìm; em thương ai con mắt lim-rim, chân đi thất-thần như chim tha mồi. Tối hôm qua nguyệt đôi sao dôi, tiếc công gần-bó tiếc lời giao-đoan. Lời thề xưa đã lỗi muôn vàn, mảnh gương còn đó phiếm đàn còn đây. Trót vì đàn đã bén dây, chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta! Chén son nguyệt với trắng già, càn-khôn đưa lại một nhà vui chung. Đường xa-xôi xin chớ ngại-ngùng, xa lời xa tiếng nhưng lòng chẳng xa; nguyệt với trắng già!

#### II

Thiếp nay thi-lễ con nhà, thấy chàng mũ-mạo nét-na dịu-dàng, cho nên lòng muốn đa-mang, biết rằng quân - tử có mang hay không? Ngẫm duyên kỳ-ngộ trang-phùng, lựa đôi ai lại đẹp bằng Trưng-như, cầu-hoàng một khúc lẳng-lơ, Trác Văn-Quân phải ngần-ngờ lòng sầu. Vì đâu nên lấy được nhau, nếu không duyên nợ có đâu thể này. Đôi ta nay gặp nhau đây, ba-sinh ấu hãn nợ này chẳng không. Xin chàng hãy quyết đành lòng, nâng khăn sửa túi má hồng tựa-nương; họa may than lộn với vàng!

#### III

Trách thân vả lại giận trời, trách chàng quân-tử ở ra người thờ - o! Phòng không để thiếp đợi chờ, năm

canh vô-vô những là thổ than. Nào khi hợp mặt chén vàng, non nguyên biển hẹn trông anh chàng chẳng quên. Ai ngờ ra dạ bạc đen, say bèn nhan - sắc bỏ bèn ngãi-tình. Để cho em vô-vô một mình, tương-tư khắc-khoải bệnh thất-tình đầy voi; trách thân nên lại giận trời!

#### IV

Ai ôi! nghĩ lại kẻ già, đừng tham-lam lắm nữa mà mệt thân; đời người sống được bao lâu, sớm lo tối nghĩ mình tầm xác ve. Sao bằng phong-nhã đủ bề, thị-thành cũng lịch giang-kê cũng mầu. Trí tài ai kém ai đâu, mắng vui non nước một màu xanh -xanh. Ra chi của-cải thế-tình, mà đua khôn -khéo mà tranh sang-giàu. Đào-Tiềm Lã-Vọng tích dâu, thanh-nhàn sánh với công-hầu ai hơn; vui thay nước trí non nhân!

#### V

Đêm hôm qua vắng-vặc trăng rằm, thấy anh qua cửa em nằm không yên. Mẹ anh chẳng phải mẹ tiên, thấy anh lịch-sự có duyên dịu-dàng. Trông thấy anh, em những mơ-màng, ước gì đây đây phượng-hoàng kết đôi. Thấy anh chưa kịp ngỏ lời, ai ngờ anh đã vội dời gót loan. Làm cho em mơ-mẩn canh tàn, chiêm-bao trông thấy được anh chàng cạnh bên; có chẳng duyên ngộ ngẫu-nhiên!

#### VI

Trách duyên vả giận trăng già, xe tơ lằm lỏi hóa ra chỉ mảnh. Biết ai

than-thở sự - tình, chẳng qua mình lại biết mình mà thôi. Lấy chồng gặp phải kẻ tồi, cho nên lòng những bồi-hồi đắng cay. Cả ngày chè rượu sra-say, khi nay thuốc phiện khi mai tài-bản. Nói ra mang tiếng phũ-phàng, nín đi áo-não cau - tràng xiết bao! Cùng thì phận gái má đào, người thì gặp được anh-hào đảm - đang, mình thì cũng dự phẩn-hương, gặp nơi lều-lồng chẳng thương chút nào; cần rằng chịu biết làm sao!

## VII

Anh đây mục-hạ vô-nhân, nghe tiếng em hát cái lòng xuân anh nỡ-nùng. Dù em yếm thắm giải hồng, đứng - đứng anh có thèm trông đầu nào. Lấy anh anh cho đi trước cho hào, dù ngắm, dù nguyệt, muốn sao mặc lòng; bảo em em có nghe không, em còn ngồi đấy hay bong đầu rồi? Hai tay sờ chỗ em ngồi!

## ĐƯỜNG - THI DIỄN - NÔM

Tập này của cụ ĐẶNG TỊCH-TRƯ 鄧錫疇, tự là VÕ-TỰ 禹叙, hiệu là QUI-VĂN-TỬ 龜文字, biệt-hiệu là Tình - điền 情田, đỗ Tiến-sĩ đời vua Tự-đức, ở làng Gia-tốn, tổng Gia-thị, huyện Gia-lâm, tỉnh Bắc-ninh, làm đến Đốc-học Bắc-giang, rồi tạ-thế.

## I

王 勃 蜀 中 九 日  
九 月 九 日 望 鄉 臺  
他 席 他 鄉 送 客 杯  
人 情 已 厭 南 中 苦  
鴻 雁 那 從 北 地 來

Ngày trùng-cử ở Thục (VƯƠNG BỘT)

Hôm nay trùng-cử lên đền,  
Khác làng khác tiệc rượu đền đưa nhau.

Cối này người chán đã lâu,  
Chim hồng còn ngóng vì đầu bay về.

## II

劉 廷 琦 銅 雀 臺  
銅 臺 宮 觀 委 灰 塵  
魏 主 園 陵 漳 水 津  
卽 今 西 望 猶 堪 思  
况 復 當 辰 歌 舞 人

Đài Đồng-trước (LƯU ĐÌNH-KY)

Đền Đồng còn những bụi lò,  
Bến Chương chúa Ngụy có mồ ở đây.  
Rầy trông còn ngắm-ngùi thay,  
Nữa người hát múa bấy chầy nghĩ nao?

## III

張 說 送 梁 六  
巴 陵 一 望 洞 庭 秋  
日 見 孤 峯 水 上 浮  
聞 道 神 仙 不 可 接  
心 隨 湖 水 共 悠 悠

Tiến bạn là ông Lương Lục  
(TRƯƠNG DUYỆT)

Quận Ba thứ nhất Động-dình,  
Trên hồ núi ngắt lênh-đênh khôn nhìn.  
Người về xem bằng thần-tiên,  
Lòng ta quanh-quần đầu bên hồ này.

## IV

王 翰 涼 州 詞  
葡 萄 美 酒 夜 光 杯  
欲 飲 琵 琶 馬 上 催  
醉 臥 沙 場 君 莫 笑  
古 來 征 戰 幾 人 回

Lời ở châu Lương (VƯƠNG HÂN)

Rượu đào vui chén hôm nay,  
Ai đem đàn gịục làm ngày hứng ta.  
Chớ cười say thắm ái xa,  
Xưa nay đánh giặc về nhà để ai!

V

劉禹錫石頭城

山圍故國周遭在  
湖打空城寂寞同  
淮水東邊舊辰月  
夜深還過女牆來

**Thành Thạch-dầu (LƯU VŨ-TỊCH)**

Núi quanh thành cũ như vòng,  
Nước triều sóng đánh thành không  
gần mòn.

Sông Hoài mảnh nguyệt vẫn còn,  
Cánh khuya soi bóng tường con lẫn-lẫn.

VI

陳簡齋重九詩

憶昨良辰重九日  
天恩曾預宴城東  
籠紗北望西風冷  
誰折黃花壽兩宮

**Ngày trùng-cửu (TRẦN GIẢN-TỀ)**

Nhớ ngày trùng-cửu năm nào,  
Ơn trời được dự yến vào đền đông.  
Lồng đèn trông gió lạnh-lùng,  
Để đem hoa cúc dâng cùng hai cung.

VII

(一)

李太白清平調三首

雲想衣裳花想容  
春風拂檻露花濃  
若非羣玉山頭見  
會向瑤臺月下逢

**Điệu thanh-bình (LÝ THÁI-BẠCH).**

1

Mây siêm hoa giáng lạ-lùng,  
Gió xuân hây-hẩy càn-giờng hương-hoa.

Vi trong núi Ngọc hiện ra,  
Đền Dao ắt hẳn tiên sa xuống trần.

(二)

一枝濃艷露凝香  
雲雨巫山枉斷腸  
借問漢宮誰得似  
可憐飛燕倚新妝

Một chồi ngao-ngát thơm nồng,  
Mây mưa núi Giáp là không sá gì.  
Hỏi thăm cung Hán ai bì ?  
Khen cho nàng Yến cậy vì diềm-trang.

(三)

名花傾國兩相歡  
當得君王帶笑看  
解釋春風無限恨  
沉香亭北倚欄干

Hoa tươi người tốt lạ nhường,  
Lòng vua yêu-giấu đôi đường cười  
Gió xuân rũ sạch niềm riêng, [khen.  
Đình Trầm-hương những tựa nghiêng  
[bên rèm.

VIII

黃鶴樓送孟浩然之廣陵  
故人西辭黃鶴樓  
烟花三月下楊州  
孤帆遠影碧空盡  
惟見長江天際流

**Ở Hoàng-hạc tiễn ông Mạnh Hiệu-Nhiên đi Quảng-lãng.**

Bạn quan xa chốn lâu vàng,  
Tháng ba hoa khói bằng miền châu  
[Dương.

Buồm cao bóng ngắt mênh-mang,  
Sông dài trời rộng coi càng xa-xa.

NGƯỜI XƯA CẢNH CŨ NÀO ĐÂU TÁ ?

Dịch theo bài thơ trường-thiên « Cái hồ » (Le Lac) của thi-hào nước Pháp LAMARTINE (tiên-sinh)

Lênh-dênh trên mặt bề sâu,  
Gió đưa trôi-rạt biết đâu là bờ ?

Đông đi xuân lại thu qua,  
Cắm sào đứng lại một giờ được chăng ?

Nhớ năm nào cùng người tri-kỷ,  
 Buông con thuyền thông-thả chơi Hồ.  
 Hồ này chẳng phải hồ xưa,  
 Mà người năm ấy bây giờ là ai ?

Từ năm ấy đến nay là mấy ?  
 Ta hỏi Hồ nào thấy trả lời.

Này cây, này cỏ, này trời,  
 Này nơi nghỉ mát của người tri-âm.

Sóng còn cợn, còn ầm tiếng gió,  
 Cảnh xưa còn, người cũ ở đâu ?

Gương cười, gương nói, càng sâu,  
 Vắng tri-âm có vui đâu bao giờ.

Một đêm kia hỏi hồ có nhớ ?  
 Ta cùng ai thả chiếc thuyền bơi ?  
 Thuyền trôi lững-thững bên trời,  
 Nước trong lảng-gợn trăng mờ trên non.

Đêm thanh-vắng trông hồ bát - ngát,  
 Minh dịp chèo đập nước thanh-thời,  
 Bỗng nghe xa tận chân trời,  
 Tiên-ca một điệu đủ mười khúc ngâm.

Tiếng hát cất, nước yên phẳng-lặng,  
 Mấy lời vàng còn vắng bên tai.

(1) Bản-chí xin phụ-lục sau đây nguyên-văn bài « Le lac » của ông LAMARTINE. Bản dịch của Lê nữ-sinh trên kia là phỏng theo nguyên-văn mà thoát-dịch đại-ý, không vụ lấy đúng từng câu từng đoạn. Nay xin các ngài đọc báo ngài nào có cao-hứng thì phiên dịch lại một lần nữa cho đúng lấy tinh-thần thể-cách nguyên-văn. Tưởng bài này nên dịch ra lối thơ liên-hoàn thời hay.

### Le lac

Ainsi toujours poussés vers de nouveaux  
 rivages,  
 Dans la nuit éternelle emportés sans retour,  
 Ne pourrons-nous jamais sur l'océan des âges  
 Jeter l'ancre un seul jour ?

O lac ! l'année à peine a fini sa carrière,  
 Et près des flots chéris qu'elle devait revoir,  
 Regarde ! Je viens seul m'asseoir sur cette  
 pierre  
 Où tu la vis s'asseoir !

Tu mugissais ainsi sous ces roches profondes ;  
 Ainsi tu te brisais sur leurs flancs déchirés ;  
 Ainsi le vent jetait l'écume de tes ondes  
 Sur ses pieds adorés.

Hát rằng : « Trong cõi trần-ai,  
 « Trong ba vạn sáu nghìn ngày có bao  
 « Thời-giờ chạy, ngày hao mòn-mỏi,  
 « Năm tháng bay như đuôi xuân đi.  
 « Hỡi năm ! hỡi tháng ! hỡi ngày !  
 « Khoan-khoan ! xin hãy đợi chờ đôi tai  
 « Buổi niên-thiếu đôi ta có mấy !  
 « Một đời người được mấy ngày xuân  
 « Nay đương hoa nhụy trắng rằm,  
 « Mà mai trăng khuyết hoa tàn cảnh rơi !  
 « Dưới đời biết bao người bạc-mệnh,  
 « Đêm ngày mong xa lánh cõi trần.  
 « Giắt người mau tới cung tiên,  
 « Xin dung những kẻ thiếu-niên thanh-  
 nhàn ! »

Hỡi Hồ biếc, non xanh, hang thẳm,  
 Tuổi bao nhiêu mà vẫn trẻ-trung ?  
 Trái bao nắng hạ mưa đông,  
 Càng tươi vẻ lục, càng lồng tấm son  
 Mấy nghìn năm Hồ còn trẻ mãi,  
 Tinh đôi ta ở lại với Hồ ! (1)

Nữ-sinh Lê Cẩm-NHUNG dịch

Un soir, t'en souvient-il ? nous voguions en  
 silence ;  
 On n'entendait au loin, sur l'onde et sous les  
 cieux,  
 Que le bruit des rameurs qui frappaient en  
 cadence

Tes flots harmonieux.

Tout à coup des accents inconnus à la terre  
 Du rivage charmé frappèrent les échos :  
 Le flot fut attentif, et la voix qui m'est chère  
 Laissa tomber ces mots :

« O temps ! suspends ton vol ; et vous, heures  
 propices !

« Suspendez votre cours :  
 « Laissez-nous savourer les rapides délices  
 « Des plus beaux de nos jours !  
 « Assez de malheureux ici-bas vous implorant,  
 « Coulez, coulez pour eux ;  
 « Prenez avec leurs jours les soins qui les dé-  
 vorent ;  
 « Oubliez les heureux.  
 « Mais je demande en vain quelques moments  
 encore.

« Le temps m'échappe et fuit ;  
 « Je dis à cette nuit : sois plus lente et l'aurore  
 « Va dissiper la nuit.

« Aimons donc, aimons donc ! de l'heure  
 fugitive,  
 « Hâtons-nous, jouissons !  
 « L'homme n'a point de port, le temps n'a  
 point de rive ;  
 « Il coule et nous passons ! »

Temps jaloux, se peut-il que ces moments  
 d'ivresse  
 Où l'amour à longs flots nous verse le bonheur  
 S'envolent loin de nous de la même vitesse  
 Que les jours du malheur ?

Eh quoi ! n'en pourrions-nous fixer au moins  
 la trace ?  
 Quoi ! passés pour jamais ! quoi, tout entiers  
 perdus !  
 Ce temps qui les donna, ce temps qui les efface,  
 Ne nous les rendra plus !

Eternité, néant, passé, sombres abîmes,  
 Que faites-vous des jours que vous engloutissez ?  
 Parlez : nous rendrez-vous ces extases sublimes  
 Que vous nous ravissez ?

O lac ! rochers muets ! grottes ! forêt obscure !  
 Vous que le temps épargne ou qu'il peut  
 rajeunir,  
 Gardez de cette nuit, gardez, belle nature,  
 Au moins le souvenir !

Qu'il soit dans ton repos, qu'il soit dans tes  
 orages,  
 Beau lac, et dans l'aspect de tes riantes côtes,  
 Et dans ces noirs sapins, et dans ces rocs sau-  
 vages,  
 Qui pendent sur tes eaux !

Qu'il soit dans le zéphyr qui frémit et qui passe,  
 Dans les bruits de tes bords par tes bords  
 répétés  
 Dans l'astre au front d'argent qui blanchit ta  
 surface  
 De ses molles clartés !

Que le vent qui gémit, le roseau qui soupire,  
 Que les parfums légers de ton air embaumé,  
 Que tout ce qu'on entend, l'on voit où l'on  
 respire,

Tout dise : ils ont aimé !

LAMARTINE

(Les Méditations)

## THỒ'I-ĐÀM

**Hoàng-Thượng và quan Khâm-sứ Pasquier. Tiệc trong Cung ngày 4 Juin 1921.** — Ngày 4 Juin 1921, Hoàng-Thượng có đãi tiệc quan Khâm-sứ PASQUIER ở trong Cung. Đó lại là một dịp cho Hoàng-Thượng ta và quan Khâm-sứ mới tỏ lòng thân-ái, biểu-hiệu rõ-ràng cái chủ-nghĩa Pháp-Việt - đê - huê, chủ-nghĩa này nay nhờ được cái cảm-tình thân-mật của hai Ngài chắc sẽ thực-hành được hữu-lực hơn xưa vậy. Tiệc đoạn Hoàng-Thượng có đọc bài chúc-từ như sau này :

« Kính quan Quý Khâm-sứ.

« Quả-nhân lấy làm hân-hạnh được tiếp ngài trong cung này, là nơi vừa gồm những di-tích

vê-vang của các Liệt-Thánh Bản-triều đê lại cùng với những dấu-vết tối-đẹp của Văn-minh Thái-Tây mà Đại-Pháp đã ra công truyền-bá sang tề-quốc.

« Ngay bữa ngài mời vào lễ-linh-chức ở đây, quả-nhân đã tỏ ngài biết rằng Quý Chánh-phủ cử ngài linh chức Khâm-sứ Kinh, thật cả Hoàng-tộc cùng đình-thần đều lấy làm vui-vẻ lắm. Vì ngài không phải là người xa-lạ đâu, ngài không phải là ông quan cai-trị mới sang đất Trung-kỳ này lần thứ nhất. Ngài trước đã từng ở xứ này, có tiếng là người làm ơn cho dân An-nam, nay chẳng qua là lại trở về nơi cũ vậy. Hiện nay còn có bia của dân dựng lên để kỷ-niệm công-đức ngài ở tỉnh Thanh-

hóa kia là tỉnh to nhất ở Trung-kỳ và là nơi phát-tích của bản-triều.

« Ngài rất là am-hiếu tính-tình người Nam-Việt, rất là tổ-tướng cả nước Nam đời xưa với nước Nam đời nay; ngài lại là người thân-tin của quan Thuộc-địa-bộ Thượng-thư ALBERT SARRAUT đại-nhân, quả-nhân và cả thân-dân trong nước đối với quan Thượng-Thư vẫn một lòng tưởng nhớ; nay ngài lại là một tay giúp việc đích-dáng của quan Toàn-quyền LONG đại-nhân, thời quả-nhân chắc rằng ngài sẽ ra công mà thi-hành ở đây cái chánh-sách khoan-dung đại-độ của Đại-Pháp, chánh-sách lấy nhân-đạo công-lý làm trọng. Ngài thi-hành cái chánh-sách ấy thời quả-nhân sẽ một lòng giúp ngài, ngài có thể tin cậy ở lòng thành-tin của quả-nhân.

« Nhân dịp đây, quả-nhân cũng muốn tỏ lòng mến nhớ quan nguyên Khâm-sứ CHARLES đại-nhân, ngài về hưu ai nấy đều tiếc, để lại cái tiếng là một người có công to với Hoàng-tộc và ơn to với dân An-nam.

« Kính quan Quý Khâm-sứ, quả-nhân xin chúc ngài, và thay mặt cả Nam-triều chúc ngài hai chữ khang-an. Lại chúc cả Quý Phu-nhân và quý-quyển được phúc-lành sức khỏe. »

Hoàng - Thượng nói xong thời quan Khâm đáp lại rằng :

« Tàu Hoàng-Thượng,

« Bản-chức xin thăm-tạ Hoàng-Thượng đã có bụng tin yêu mà lại tỏ lòng thành-thực với bản-chức, vừa là người thay mặt của chánh-phủ Bảo-hộ ở Kinh đây, vừa là người một lòng kính mến Hoàng-Thượng cùng Hoàng-Tộc, và chăm-chút cho sự lợi-ích dân Việt-Nam.

« Tàu Hoàng-Thượng, Hoàng-Thượng thật đã được đúng như lời Thánh-nhân nói rằng: « Người quân-tử không cầu trị mà được trị ». Tự khi ngài lên ngôi để kế-nghiệp Liệt-thành, ngài vẫn theo một đường chánh-đạo, là nơi phạm bậc vua-chúa hay kẻ thần-dân, phải hằng ngày làm việc đức-hạnh mới tới được. Bởi vậy nên ngài được nhân-dân một lòng kính-mến.

« Đường chánh-đạo ấy chính là đường nước Đại-Pháp chiếu ra khắp trong thế-giới để chỉ-hướng cho nhân-loại noi theo. Đường to-rộng tốt-đẹp, khai-thác đã mấy mươi đời,

nay mở rộng ra trước mắt cho các dân-tộc noi theo, và lấy những lý-tưởng công-lý, nhân-đạo, bác-ái mà soi sáng.

« Đức Cao-hoàng khai-sáng ra Hoàng-triều, thật đã hiểu rõ cái tính-cách đại-đồng bác-ái của nước chúng tôi. Ba ngày nữa đây là lễ kỷ-niệm Đức Cao-Hoàng lên ngôi, người Tây người Nam đều vui-vẻ mà làm lễ này, hồi-tưởng lại Đức Cao-Hoàng sinh-thời thật đã lượng biết cái tiền-đồ của nước Nam đề-huê với nước Pháp sau này sẽ rực-rỡ là dường nào. Ngày nay thiệt kết-quả đã trông thấy.

« Nhờ được công-đức những người như quan Thuộc-địa Thượng-thư và quan Toàn-quyền Đông-Pháp đã tận-tâm tận-lực thực-hành cho nên cái chủ-nghĩa của Đại-Pháp, mà hai nước mỗi ngày được thêm đông-tâm hiệp-lực, tương-ái tương-thân, khiến cho lòng hoài-vọng, mối lợi-quyền cùng hiệp-đồng như một, và nước Nam nhờ được nước Pháp bảo-hộ sẽ cứ tuần-tự ung-dung mà một ngày một mở-mang phát-đạt.

« Công-nghiệp ấy các quan Khâm-sứ trước tôi đều đã giúp vào được nhiều. Nhưng nay bản-chức được nghe Hoàng-Thượng đương dịp long-trọng này có lời tỏ lòng tưởng nhớ đến quan Nguyên Khâm-sứ CHARLES, thì bản-chức thật lấy làm vui mừng lắm. Quan CHARLES là người có đức khiêm-tốn, không từng khoa-trương mà làm nên việc tốt, thật đã tận-tâm cung-chức vậy. Xưa nay phạm lấy bụng tốt mà ở vẫn để được lòng người hơn là cứ thẳng lý mà làm.

« Bản-chức đây xin cũng theo gương quan Khâm-sứ CHARLES, và sẽ cùng với Hoàng-Thượng đồng-tâm hiệp-lực mưu sự lợi-ích cho dân này, khác nào như mỗi người cầm một cái tay cày mà cùng nhau cày ruộng để sau này được thu-hoạch phong-dăng.

« Tàu Hoàng-Thượng,

« Bản-chức xin dâng cốc rượu này, thay mặt Chánh-phủ Đại-Pháp, mừng cho nước Nam, kính - chúc Hoàng - Thượng, Lương - Cung, Hoàng-Tử và Hoàng-Phi, được phúc lành sức mạnh. »

**Hai việc thăng - thưởng đích-dáng.** — Gần đây đọc trong *Đông-Pháp Quan-báo* thấy hai việc thăng-thưởng thật là

đích-đáng. Một là quan Học-chánh-Giám-đốc COGNACQ mới được đặc-cách thăng chức Thống-đốc Thuộc-địa hạng nhất (*Gouverneur de 1ère classe des colonies*). Hai là quan Thượng-thẩm Tổng-đốc THÂN TRỌNG-HUỆ cũng mới được đặc-cách thăng vi nh-hàm Hiệp-tá-Đại-học-sĩ. Công-nghiệp quan Giám-đốc COGNACQ đối với việc học trong nước thế nào, quốc-dân ta chắc ai cũng đã biết. Một tay ngài gây-dựng ra trường Y-học ngài quản-lý trong hai mươi năm nay; lại một tay ngài thừa cái ý lớn của quan nguyên Toàn-quyền SARRAUT đã tổ-chức ra trường Đại-học bây giờ; thật là một người đã có công to cho việc giáo-dục dân ta vậy. — Còn quan Tổng-đốc THÂN đại-nhân thời suốt trong nước ai là không biết tiếng ngài. Làm một bậc đại-thần ở vào giữa thời buổi này không phải là dễ: Vậy mà Thân đại-nhân đã gây nên cái thanh-danh to lớn là một ông quan công-liêm chính-trực, một lòng ái-quốc trung-quân, lại trung-thành với Chánh-phủ Bảo-hộ; hằng mưu việc lợi-ích cho dân, tính đờ ông tiến-thủ cho kẻ hậu-tiến; thật cũng không thẹn với các bậc danh-thần thừa trước và đáng làm gương cho quan-trưởng đời nay vậy.

Bản-chí xin có lời kính mừng hai ngài.

### Lễ Hưng-quốc khánh-niệm. — Lễ

Hưng-quốc khánh-niệm ngày mồng hai tháng năm ta năm nay, ở kinh-đô và ở các tỉnh làm cũng trọng-thể lắm. Duy ở Hà-nội là nơi thủ-đô, trừ ít nhà cấm-cử, không thấy cử-hành gì nhưng các công-sở của Chánh-phủ Bảo-hộ ngày ấy đều được nghỉ cả. Như vậy thời đủ biết rằng lễ khánh-niệm này Chánh-phủ Bảo-hộ cũng đã sẵn lòng công-nhận, và chắc rằng từ sang năm mà đi sẽ làm long-trọng hơn năm nay. Bản-chí đăng sau đây hai bài ca, một bài về lễ khánh-niệm ở Kinh-đô, một bài về lễ khánh-niệm ở làng Bộ-la (tỉnh Thái-bình), để chứng rằng ở khắp nơi triều-dã quốc-dân ta đều đã hiểu cái ý-nghĩa thâm-trầm của lễ này, là lễ kỷ-niệm cái công-nghiệp vĩ-dại của một bậc anh-quân đã ra tay gây-dựng nên cơ-đồ nước Việt-Nam-đế-quốc này, gồm cả Trung-Nam Bắc tam-kỳ mà làm một nước thống-nhất, với 20 triệu con người, đã từng có phen ở dưới gông trong cõi Đông-Á vậy.

### I

#### Cao-Hoàng hưng-quốc kỷ-niệm ngăm

Bia công-đức nước non in cũ,

Vẻ thái-bình cây cỏ đua tươi.

Đồng-bào mấy triệu ta ơi!

Trăm năm ăn trái nhớ người trồng cây.

Sức nhớ thổi gió bay bụi dầy,

Cõi Đông-sơn mừng thấy Chơn-nhân.

Tay cầm ba thước gương thần,

Giệp cơn binh-lửa cứu dân than-bùn.

Trái mấy lúc treo non vượt bề,

Trí phục thù chi nệ gian-lao.

Cơn phong-vũ, trận ba-đào,

Khi ra Phú-quốc, khi vào Côn-lôn.

Khi Vọng-cát bốn-chôn tá viện,

Khi Tây-dương kiền-khiên cầu binh.

Đức thành cảm-động trời xanh,

Ngọt dòng nước hiền, gầy ngành cây non.

Lầu bát-giác lửa ùn gan võ,

Thành Xiêm-la nước giọt lụy châu.

Đồng lòng đồng đức với nhau,

Tướng Lưu bốn bảy, tổi Châu ba ngàn.

Lòng dạn với giang san cố-quốc,

Quyết sao cho khỏi bước gian-nguy.

Ngọn cờ trở lại nam-thùy,

Thành ong lữ kiến khắc-kỳ phá tan.

Thành Gia-định sấm vang tiếng trống,

Phủ Qui-nhân gió động đuôi cờ.

Non sông xây lại ngày xưa,

Cù-mông đá giệp, Cẩn-giờ sóng an.

Buồm xuôi gió thẳng miền Thuận-Huế,

Dân mừng xem nghi-vệ thái-bình.

Sông Hương một dãy xanh xanh,

Hà thanh ứng với thành san một kỳ.

Giá chung-khư y nguy như một ốc,

Chiếc kim-âu dám đặt từ đây,

Trời nam năm về rồng bay,

Tháng năm năm tuất chánh ngày mùng hai.

Ngày an-lạc nhớ ngày gian khổ,

Có ngày xưa mới có ngày nay.

Chánh-trung mở hội vui-vầy,

Trên xây trường hát, dưới bày thuyền đua,

Núi nhân rượu chúc vua muôn tuổi,

Sông nhớ nguồn lạy tổ ngàn năm.

Người bưng rượu kẻ ôm cầm,  
Chén khuyển tăng khí, khúc ngâm hoài nam  
Cờ tá quốc như cầm trước mắt,  
Trống thối quân như đục bên tai.

Sẵn lòng ái-quốc là ai !

Tự cường hai chữ ấy lời khuyên chung.

Khuôn cơ khí đúc lòng thiết thạch,

Phấn văn-minh vẽ mặt giang-sơn.

Dù nhau học lấy khôn-ngoan,

Chi-na là bạn, Pháp-lan là thầy,

Thế mới gọi con người dân nước,

Thỏa tấm lòng người trước sáng khai.

Còn non ! còn nước ! con dài !

Còn trời đất hãy còn ngày hôm nay ! (1)

Huế, 15 Juin 1921.

Sauh-viên trường Quốc-tử giám soạn

PHÙNG-XUÂN *lai-cảo*

## II

### Bài ca Hưng-quốc-khánh-niệm-tiết của làng Bộ-la

Giải Hương-thủy nghìn thu trắng giãi,

Ngon Bình-sơn muôn tuổi gió cao.

Sắc xuân đượm vẻ tiên-đào,

Đền xuân vui hội loan-giao thanh-bình.

Tung hô ngựa chúc Thánh-minh;

Phú-xuân là chốn thần-kinh vững vàng.

Khai cơ nhớ đức Cao-hoàng,

Gội mưa trải gió mở mang đời lần.

Biết bao đức thánh công thần,

Trời che đất chở muôn dân hả lòng.

Kỷ-nguyên niên hiệu Gia-long,

Khắp ngoài bốn bề, về trong một nhà.

Việt-nam nhất-thống sơn-hà,

Trung, Nam, Bắc mới đặt ra tam-kỷ.

Nhớ từ thừa Tây-sơn phản-đối,  
Giám sinh lòng hải-nội chia ba.

Động phiến thiết mã kim qua,

Đòi phen Phú-quốc Tiêm-la đi về.

Ông Đa-giang gần kề tả hữu,

Xrống một tay cầu cứu Pháp-đình.

Pháp-hoàng tin dạ tư binh,

Tàu bè súng ống hộ hành đũa sang.

Tin nước lớn biết đường giao-hiếu,

Đẹp Tây-sơn mở đạo tam-đồng.

Văn-minh mừng thấy kiên-long,

Việc ngoài tin-mục việc trong trị-binh.

Đăng-quang chính-ngự điện-đình,

Dã ca Triều-hạ thỏa tình thần dân.

Tiết hưng-quốc xa gần nô-nức,

Khắp bốn phương khu-vực trong ngoài.

Năm năm non nước còn dài,

Tháng năm nhớ tháng mừng hai nhớ ngày.

Gẫm đất nước ngày nay rộng rãi,

Hơn Trần Lê thời-đại biết bao.

Ấy ai đề-tạo gian-lao,

Ấy ai khai-thác công cao nhưng là.

Đình-đám ta mẹ con ta,

Năm năm nhớ mãi nhà nhà vui chung.

Chẳng hơn đoan-ngũ tôn sùng.

Lấy nòi Hồng Lạc nhớ ông Khuất-Bình.

Hoàng Khải-Định đình-ninh chỉ dụ.

Chuẩn dân-gian đầu đó vàng làm.

Trung-kỷ cùng Bắc và Nam,

Tiết mừng năm đôi ra làm mừng hai.

Ơn Kim-Thượng ban lời khuyến-hóa,

Nghĩa Quốc-dân tạc dạ nhớ ghi.

Bách-niên giáo-dục chi di,

Chúc mừng vạn-thọ vô-kỷ một thiên !

Bộ-la (Thái-bình), 25 Juin 1921.

Tiên-chỉ LÊ VĂN-THIỆP *lai-cảo*.

(1) Bài này là nhân ngày khánh-tiết, năm ba anh em ngâm vịnh cùng nhau giữa sông Hương-giang.

## GIỚI-THIỆU SÁCH

## I

Hát ả-đào. PHẠM-VĂN-DUYỆT soạn. — Quyền thứ nhất. — Giá : 0 \$ 30

Bản-chỉ-chủ-bút có đưa cho bi-nhân xem quyển sách này, và có nói : « Giọng hát ả-đào này cũng là một giọng quốc-ca, so với các giọng hát khác có một cái biệt-sắc, là phần nhiều các bài ca đều do tay những bậc danh-nhân kiệt-tác làm ra, cho nên văn-chương tao-nhã, ý-tứ hồn-hào, ấy là một cách di-dưỡng tinh-tinh của cổ-nhân; nay ông Duyệt soạn tập ra thành sách, ta biết lợi-dụng ra thì sách này cũng có thể là một cái kho tài-liệu cho quốc-văn... » Bản-chỉ-chủ-bút xưa nay rất nhiệt-tâm về quốc-văn nhiều cảm-tình với các nhà thi-sĩ, cho nên nói thế là xét về phương-diện văn-chương; nay bi-nhân xin lấy thiên-kiến mà xét qua về phương-diện mĩ-thuật.

Người ta ở đời, là một loài lao-động, nhưng đã sinh ra là người thời đời người không có lẽ chỉ thiên về một mặt hành-vi; theo cái lý-thuyết « đời là sương » thì tất-nhiên cũng phải tìm một cuộc tiêu-khiếu để mà luyện lại tinh-thần, bồi-dưỡng lại sức lực, đó mới là lẽ công của tạo-hóa sinh ra người vậy. Tạo-hóa đã để dành cho ta một cuộc chơi thời ta cũng chơi, nhưng chơi thời chơi, chơi thế nào cho có phong-nhã có bổ-ích, ấy mới khó mà ấy mới gay cho những bạn làng chơi. Cùng một nghề chơi mà người biết lợi-dụng ra thời nghề chơi hay, mà ngộ dụng thời lại là nghề chơi dở. Hát ả-đào cũng là một nghề chơi, tiếng trống, tiếng phách, tiếng đàn, tiếng ca, một khúc tấu lên, bốn tiếng cùng theo một dip, đàn gọi phách, phách gọi trống, trống điềm câu ca, giá trống-tượng cái cảnh chơi của các cụ ta xưa đi hát ả-đào thời ả-đào hát tức là bình-văn mà quan viên đánh trống khác nào như thầy học điềm văn, trong cách ấy lại có một cái lý-thú tuy-ê-phẩm là câu văn hay thì lấy tiếng *tùng cắc* mà thưởng, thưởng là thưởng cả văn, cả giọng hát, cả tiếng đàn... nhưng than ôi ! cách hát ả-đào bây giờ khác

thế, mỗi ngày sinh-xuất biết bao nhiêu là quái-trang, bê-tha ê-chề chẳng còn về gi thanh thú như xưa. Nói thực thì là các cụ ta xưa hát ả-đào là phần nhiều chuyên về tinh-thần-giới; mà quan viên ngày nay đối với khách Bình-khang là chỉ chuyện về vật-chất-giới. Song cái lý-do về đâu, có lẽ hoặc là quan viên đời nay không hiểu câu văn trong bài ca mà không lấy làm lý-thú chẳng, hay là cũng vì không học được cách đánh châu mà không lấy chốn Bình-khang như nơi học-xá bình văn chẳng. Nếu quả như vậy, thì quyển sách này xuất-bản họa có giá-trị với bạn làng chơi đời ít chẳng ?

Quyển sách này, ông Duyệt là một tay diễn kịch « Bệnh trường » có tiếng, đã khảo-cứu kĩ-càng; trước hết ông giải nghĩa và đoạn-mạch giọng hát nói, giọng hát gửi thư và giọng đọc ti-bà, lại dạy cả cách đánh châu, tiếng *tùng* tiếng *cắc* thế nào cho hợp với tiếng đàn tiếng phách và giọng hát của ả-đào. Sau ông lại biên tập bài đàn, và nhiều bài ca, mỗi bài ông lại có chú ở dưới tên người tác-giả, lại thỉnh thoảng giải nghĩa một vài câu trong bài hát nữa. Quyền này mới là quyền thứ nhất, còn quyền thứ hai cũng sắp xuất-bản, nghe đâu ông lại khảo-cứu về lối « hát chèo », và sắp xuất-bản một quyển « diễn-kịch theo lối Âu-châu » nữa.

Khá khen cho ông Duyệt đã chịu khó khảo-cứu sưu-tập về một nghề sở-trưởng, thực cũng có công-phu lắm vậy. Bi-nhân chúc cho quyển sách « Hát ả-đào » này và các sách sắp xuất-bản sau này mà như thực có giá-trị, đều được nhiều người hoan nghênh cho sách của ông bán chơi.

Hỡi bạn làng chơi,

Nghề chơi cũng lắm công phu,

Làng chơi ta phải biết cho đủ mùi.

Phong nhã mua vui !

B. X.

## II

## Bản về sách « Cành hoa diễm tuyết »

Bản-chí ký trước đã giới-thiệu sách tiêu-thuyết mới « Cành hoa diễm tuyết ». Nay lại tiếp được bài bình-luận sau này của ông Vũ-Khiết-Tiếp, xét ra lời bàn đích-đáng, nhân bộ tiêu-thuyết mới mà phát-huy ra nhiều điều hay về phong-tục xã-hội, vậy bản-chí cũng sẵn lòng y nguyên văn đăng như sau này.

N. P.

Làm cho xúc-động cái tình cảm của người ta thì không gì bằng đọc tiêu-thuyết; làm cho phát-huy cái tình-cảm ấy ra là công việc của nhà làm tiêu-thuyết. Làm tiêu-thuyết đó phải công việc dễ đâu! Quốc-văn ta đang buổi sơ-khai, chưa có qui-thức gì nhất-định, thì làm tiêu-thuyết chẳng lại là càng khó lắm ru! Ôi! Cụ Thánh-Thần đã nên người chín suối, truyện Thôi-Trương ai nói nên biên, cụ Nguyễn-Du không lại buổi trùng-sinh, truyện Vân-Kiều ai mà n.ô-phóng! Dầu thế mặc lòng, ta thử vung dầy xem phong-hội mới, trước-thuật như rừng, văn-chương tựa bèo, các sách tiêu-thuyết trong thế-giới xuất-hiện ngày càng nhiều, cốt đề cảm-hóa lòng người, sửa-đổi phong-tục, thật là cái cơ-quan rất mật-thiết cho xã-hội vậy. Trông người lại ngắm đến ta, có lẽ ta lại cứ ngậm tằm cắn bút, phó mặc cái công việc trước-thuật ấy cho là cái đặc-sắc của c.ô-nhân, cho là cái biệt-tài của nhà văn ở Âu-Tây, Trung, Nhật; nếu cứ nghĩ như thế thì quốc-văn ta sẽ phải chìm đắm đến 18 tầng địa-ngục, còn có ngày nào xuất-hiện được ru! Vả lại nghề văn-chương cũng là việc tranh-cạnh ở đời, nhất là ta bây giờ, nào báo nào sách nào thơ ca, hoặc tự-mạnh là hùng-văn đại-bút, tăng nhau là mặc-khách thi-ôi g, mỗi đàn văn riêi g dựng một ngọn cờ, danh-sĩ mai ngày hồ-đề biết! Trừ ra có một đôi nhà danh-bút, chưa dễ mà bình-phẩm được thì không kè, còn thì có văn người thứ nhất xuất-hiện ra thì tất có văn người thứ nhì để bài-bác lại, có văn người thứ nhì xuất-hiện ra thì tất có văn người thứ ba để bài-bác lại. Càng bài-bác thì lại càng rộng thêm ý-kiến. mà

nghề văn vì đó mới được tình-tưởng. Đó chẳng phải là cái cơ-tiến-hóa cho nghề làm văn đấy ru!

Sách *Cành-hoa-diễm-tuyết* của ông ĐẶNG TRẦN-PHẬT, ký trước Nam-phong chủ-bút Phạm tiên-sinh đã bình-phẩm rồi, chỗ nào được chỗ nào chưa được, tiên-sinh đã chỉ ra rõ ràng, cũng là lấy cái ý trách-bị cầu-toàn, mong cho tận-thiện tận-mỹ, thật là đích-đáng lắm, tưởng cũng không cần phải nói nữa. Tôi chỉ xin nói lời Phạm tiên-sinh mà nói thêm rằng cứ lấy toàn-thể sách này mà nói, so-sánh với các sách mới xuất-bản hiện-thời, thì sách này thật cũng đã có giá-trị lắm. Buổi đời này, tình-dục làm mờ tối lòng người, tư-lợi đánh đổ mất công-lý. Bàn đến luân-thường xử-thế, thì lại hóa ra người gàn-giở ở nơi quảng-toạ trừ-nhân; nói đến đạo-đức thánh-hiền, thì chỉ là câu truyện mua cười cho anh em sai-bối. Trong nam-giới thì nhiều người giả-văn-minh bằng nón bằng giày bằng bộ cánh, mà bề trong ít có tinh thần; bọn nữ lưu thì nhiều người mượn phấn son làm duyên làm mối, làm sinh nhai, xét tình nét hiêm bèo tiết nghĩa. Ở vào cái buổi đời như thế, người có tâm-huyết ra ai là không phải ngậm ngùi than thở cho thế-đạo suy-vi, tưởng đến thở dài than khóc như ông Giã-sinh, giọt lệ vẫn còn là ít ỏi vậy. Người soạn sách chắc cũng vì thế-đạo nhân-tâm đó, mà cái cảm-tình như chan như chứa, như nấu như nung, mới soạn ra quyển tiêu-thuyết này. Đàng cái buổi đạo-đức hư-hỏng, chắc cũng chẳng vì một bộ tiêu-thuyết này mà bỏ-cứu được nên, một cái nhà đang cháy tài nào một gáo nước mà dập tắt được, một người ốm liệt giường liệt chiếu tài nào một liều thuốc mà bình-phục ngay được, nhưng xem sách này mà ngắm kỹ ra, thì tưởng cũng có ảnh-hưởng đến phong-tục xã-hội lắm. Soạn-giả đã khéo mô-tả ra những cảnh-tượng éo le, những thói đời đơn-bạc, khác nào như chớp bóng ra một tấn bi-kịch ở gia-đình; các hạng người điên-đảo mà soạn-giả đã chép trong sách này là những hạng người ta đã

thường mục-kích luôn luôn, thì chẳng khác gì các thứ ma quỷ, đã dúc vào 9 vạc ở đời vua Hạ-Vũ vậy. Một con nhà khuê - các mà soạn-gã đã đặt vào trong quyển truyện này, thì cái cảnh-ngộ chẳng khác gì Thúy-kiều khi trước.

Xem truyện đến chỗ gặp chàng Bạc-sở thì ai ngậm-ngùi đến câu « Một tay chôn biết mấy cành phù-dung ». Bạc-sở thật là Sở-khanh với Bạc-hạnh hợp thành làm một vậy. Xem đến chỗ gặp Bùi-sinh thì lại nhớ đến câu « Thiếp như hoa đã lìa cành, chàng như con bướm liệng vành mà chơi ». Khi vào ở hồng-lâu thì rõ như câu « Than ôi ! sắc nước hương trời, hoa sao hoa khéo lạc loài tới đây ». Khi lại về phục-tang Liễu-oanh Công-tử mà nuôi con để nối nghiệp nhà, thì rõ như câu « hoa dù rã cánh lá còn xanh cây »

Than ôi ! Trời sinh ra người quốc-sắc, khác nào cành danh-hoa ở chốn vườn xuân, mà làm chi dầy tia vô hồng lấm thây ! Cành danh-hoa kia đáng lẽ thì mưa nhuần tắm nhị, gió

mát đưa hương, mà ai ngờ một phen tuyết điểm tan tành một phen ! Trông cảnh-trạng thê-thảm ấy, ai là chẳng thương cho hoa mà lại tiếc cho hoa. Phận hồng-nhan có mong-mạnh, phần nhiều giống thế. Nào người khuê các nên lấy đấy làm gương mà tránh xa những phường hãnh-bạc.

Còn như các bậc Ô-y-tử-đê, cũng nên trông như Liễu-Oanh Công-tử, trót sa chân vào nơi yên-trường đồ-quán, đề đến nổi nát nhà tan cửa, mà cho liễu tử hoa sầu vì ai.

Lại các bậc Ngũ-lăng-niên-thiếu, hãy trông như truyện Bùi-sinh, nào những lúc ong lơi bướm lả, tiếc lục tham hồng, mà sinh ra nhiều nỗi giở-dang ở trong gia-đạo.

Vậy thì quyển tiểu-thuyết này chẳng phải là có ích đến phong-tục xã-hội lắm ru ! Đọc quyển tiểu-thuyết này tưởng cũng làm cho người ta sinh ra vô-hạn cảm-tình về mọi đường cư-xử vậy.

Thái-phong Vũ KHẮC-TIỆP

## TẬP KỶ - YẾU CỦA HỘI « KHAI - TRÍ TIẾN - ĐỨC »

**Hội-viên mới.** — Các ông có giấy xin vào Hội đã đăng tên lên báo từ số 46, đến nay hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị, được nhận vào Hội kể từ ngày 1<sup>er</sup> Juillet 1921.

### Vào chân Chủ-trì

Ông Nguyễn-Văn Ích. — Trần Từ-An. — Trần Văn-Khúc. — Vũ Túc. — Vương Khả-Phúc. — Lê Đăng-Phương. — Đỗ Huy-Oánh. — Nguyễn Văn-Mùi. — Cung Đình-Quy. — Phạm Bắc-Lộc 1). — Phạm Hoàng-Trung.

(1) Phạm Bắc-Lộc, trong báo số 46 in lầm là Nguyễn Bắc-Lộc.

### Vào chân thường-hội-viên

Ông Nguyễn Văn-Bản. — Nguyễn Văn-Vị. — Vũ Lê-Khoáng, — Trần Ngọc-Giốc.

**Đơn xin vào Hội.** — Trong tháng vừa rồi, có những ông sau này gửi giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng có ai dị-nghị xin viết thư cho Hội biết :

### Xin vào chân chủ-trì

1. — Sư ông Từ-vân Đặng Tâm-nghĩa, quán làng Thượng-cốc, huyện Gia-lộc, tỉnh Hải-dương, hiện trụ-trì chùa Giã-lai, Hải-dương. (Do ông Nguyễn Ứng giới-thiệu).

2. — Hoàng Mạnh-Điểm, tự-giáo trường Sơ-dãng yếu-lược tông Bạch-sam, Phủ Mỹ-hào, tỉnh Hưng-yên.

3. Lý Thiệu-Miên, chủ hiệu Fóc-Long, buôn bán ở Ninh-bình (Do ông hội-viên Nguyễn Đãng Kinh giới-thiệu)

4. Nguyễn Việt-An, médecin auxiliaire à

Ninh-bình. (Do ông Nguyễn Đăng-Kinh giới-  
hiệu)

5. Ngô Thế-Loan, entrepreneur à Đập-cầu  
(Do ông hội-viên Ngạc Văn Đổng giới-thiệu)

6. Nguyễn Ngọc-Mỹ, Chef de gare Vật  
cat-thượng (ligne de Hải-phòng). (Do ông Ngạc  
Văn-Đổng giới-thiệu)

7. Nguyễn Văn-Thị, secrétaire de Travaux  
Publics à Bắc-ninh (Do ông Ngạc Văn-Đổng  
giới-thiệu.)

**Quyền vào Hội.** — Trong tháng sáu  
tây vừa rồi, Hội nhận được các ông các bà  
sau này gửi tiền quyền vào Hội, Hội xin có lời  
cảm ơn cả các ngài:

1. Bà Trương-ký ở phố Hàng  
Đường, quyền..... 30

2. Ông Nguyễn-Kỳ ở làng Đức-diễn,  
phủ Hoài-đức, tỉnh Hà-đông, quyền. 10

## Khẩn-cáo

Nam-Phong báo-quán có lời khẩn-cáo các  
ngài hội-viên hội Khai-trí-tiến-đức biết cho  
rằng báo-quán chúng tôi mỗi lần in một tập  
Kỷ-yếu về công-việc Hội là vì hội-đồng trị-sự  
có mượn tạp-chí của chúng tôi để làm như cái  
ơ-quan môi-giới cho các quan-viên hàng Hội,  
và chúng tôi xét ra mục-đích Hội với mục-  
đích báo chúng tôi cũng là một, nên trước  
au vẫn sẵn lòng giúp Hội không dám quản  
hơn thiệt gì. Nay nghe có một vài ông hội-  
viên phân-nân rằng báo-quán ép các ông phải

mua báo. Ông nào nghĩ thế là hiểu lầm, vì  
sự mua báo là quyền tự-do, không ai bắt ép  
được ai; vả lại chủ-ý chúng tôi giúp Hội Khai-  
trí là vì nghĩa-vụ, không phải là vì cầu-lợi.  
Phần nhiều các ngài vì báo chúng tôi mà biết  
đến Hội Khai-trí, sau khi vào Hội không quên  
đến bản-báo, đó là cái cảm-tình riêng của  
các ngài đối với chúng tôi, chứ bản-báo không  
hề viển thê-lệ Hội mà cưỡng-ép ai phải mua  
báo bao giờ. Xin các ngài biết cho.

Nay khẩn-cáo.

## Cải - chính

Mục Văn-uyển kỳ trước

1. — Bài thơ Lê-Lãng

dấu tuyết nê — in lầm ra : *dấu tuyết nê.*

đất phơi cỏ trắng — in lầm ra : *đường cỏ trắng.*

2. — Bài thơ mộ nhà Trần

Chữ khởi phục — in lầm ra : *chữ khôi phục.*

Bài phú huyện Hưng-nhân

Có lũy có thành — in lầm ra : *có thủy có thành.*